

*HỒ HỮU TƯỜNG*

HOA DINH  
CẨM TRẦN

AN TIÊM

HOA DINH CẨM TRẬN  
CỦA HỒ HỮU TƯỜNG  
DO AN TIÊM ẨN  
HÀNH LẦN THỨ NHẤT  
TẠI SAIGON — 1967

HỒ HỮU TƯỜNG

HOA DINH CẨM TRẬN

*an tiem*

## PHẦN THỨ NHƯT

### CHINH TÂM

#### I

Chiếc taxi ngừng chậm chậm, Cầu Lệ nhìn kỹ, thấy sau một hàng rào thấp, hai bụi bông giấy mà cành lá che bóng mát cho trước nhà, mấy chậu kiềng xơ xác, có hai căn phố dính liền nhau, đúng như bạn mình đã tả. Nàng bước vào. Chung quanh một cái bàn vuông thấp, bốn người mặc sơ mi, quần tây, đi giày, đang nghe một người, gương mặt tuy không đến đời già, song tóc đã bạc phếu, vóc mập kéo, mặc đồ bà ba, mang dép cao su. Thấy nàng, ông này chào, rồi hỏi :

— Cô đến đề trị bệnh lỗ mũi, phải chăng ?  
Nàng đáp :

— Thưa không phải. Xin bác nói dứt câu chuyện với quý vị này. Đề cháu bước ra ngoài

mà chờ. Chừng xong rồi, cháu sẽ vào, mà xin nói chuyện với bác.

Nàng dợm bước ra, thì bốn người khách cùng đứng dậy. Người lớn tuổi hết nói :

— Chúng tôi đã xong rồi. Vậy cô khỏi cần bước ra ngoài...

Chủ bắt tay khách đưa ra cửa nói thêm :

— Sáng thứ bảy, tám giờ sáng, ông Hayashi cứ đến. Nhưng anh nên nói trước với ông rằng vấn đề Việt Nam là một bàn cờ thế giới rất khó. Suốt mấy năm nay, những bộ óc lỗi lạc nhất của Mỹ, của Nga, của Anh, của Pháp, của Tàu, của Nhật, của Việt, lẫn cả những máy tính điện tử tối tân, đã mệt nhọc mà lo trị vấn đề này. Mà tìm chưa ra phép phá bàn cờ thế. Vậy chớ nên có ảo vọng, mà nhờ chỉ một bài phỏng vấn, lại có thể làm cho công chúng Nhật thấy rõ biện pháp nào có thể giải quyết vấn đề Việt Nam cho ổn thỏa.

Cầu Lệ được mời ngồi đối diện với chủ, nàng vào đề :

— Cháu xin tự giới thiệu. Cháu là Đặng-Võ Cầu-Lệ, con của giáo sư Đặng-văn-Hanh, nay đã qua đời, em gái của Đặng-Võ-Cầu-Minh, lúc trước là học trò của bác. Cháu ở bên Đức vừa về tới, có lãnh của kỹ sư Trần-Văn-Vị, một

bức thư tay, gửi cho bác...

Nói đến đây, nàng mở bóp, lấy một bức thư giao cho Hồ, chờ Hồ đọc xong, rồi tiếp :

— Cháu là người dịch bài « PHỤC HUNG MỸ » đăng trong HÒA ĐỒNG ra tiếng Đức. Các anh cho quay ronéo và gửi bài ấy cho các tạp chí, các nhóm văn hóa lớn của quê hương của Goethe. Nhờ đó mà đài phát thanh Hambourg có mời chúng cháu trình diễn một buổi văn nghệ Việt. Nhờ đó, cháu lại làm quen với Ulrich, giám đốc văn chương của đài này. Ông Ulrich nói có quen với bác. Ông cũng qua đây, cùng đi một chuyến tàu bay với cháu, và nhờ cháu xin bác hẹn cho một lần gặp gỡ.

— Tôi gặp ông Ulrich năm 1953. Nay đã mười hai năm, thì tôi lấy làm hân hoan mà tiếp rước ông nơi quê nhà. Năm ấy, ông Ulrich đãi tôi rất trọng hậu. Tôi thẹn vì nhà tôi quá đơn sơ mà không dám mời ông đến. Và lại, ở đây, khách đến thỉnh lĩnh, làm rộn cuộc nói chuyện. Nếu có thể, cô hãy chờ tôi thay đồ, tôi sẽ cùng đi với cô, mà gặp ông. Tôi không nói được tiếng Đức, phải nhờ cô làm thông ngôn. Như vậy, có làm phiền cô nhiều không ?

— Chẳng có phiền chút nào cả. Trái lại

cháu lấy làm có thú vị. Cháu đi du học mười một năm nay, học một cái nghề chưa đem lại cho cháu, một đồng xu nào, chưa đem lại cho dân tộc một góp phần quan trọng nào. Nghề thông dịch. Ngoài tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Tàu, và tiếng Anh, mà cháu đã nói được trước khi xuất ngoại, cháu đã học thêm được tiếng Ý, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Y Pha Nho, sau khi học ba năm ở trường thông ngôn ở Genève. Hiện nay, cháu mới khởi sự học tiếng Nga. Nếu bác có cần thông ngôn trong các thứ tiếng mà cháu nói được, cháu sẵn lòng giúp bác.

Hồ thay đồ trong mấy phút. Cả hai thoát ra đi. Trên taxi câu chuyện được gầy lại. Cầu Lệ nói:

— Cháu thích văn chương, mê đọc những tác phẩm hay, ngay trong ngôn ngữ của tác giả. Vì vậy mà cháu chịu khó học nhiều danh ngữ. Tiến tới là làm thông ngôn cho một chánh trị gia lỗi của nước mình. Thủ tục trung, là phiên dịch những tác phẩm hay của mình ra các thứ tiếng mà cháu biết. Thối lại, đọc các văn hào trong ngôn ngữ của họ...

— Không có ai có quyền hỏi tuổi thiệt của một người đàn bà.. Nhưng ở đây, tôi xin phá giới, mà hỏi tuổi thiệt của cô, để đem một ý

nghĩ mà bàn góp cho cô.

— Cháu sanh năm 1936 ; theo tuổi ta, năm nay cháu đếm đúng ba mươi tuổi. Và chưa có tiểu gia đình.

— Tam thập nhi lập. Tuổi của Thích Ca ngồi dưới gốc bồ đề mà đắc đạo. Tuổi của Jésus, khi mới bắt đầu thuyết đạo. Tuổi của Marx, khi thảo tuyên ngôn của đảng Cộng sản. Và có lẽ, tuổi của Trưng Trắc, khi « phát cờ nương tử, thay quyền tướng quân », mà viết những trang sử oai hùng cho nước Việt... Tôi thành thật mà tiếc rằng, khi lập chí, cô chỉ muốn leo đến cái nấc thang làm thông ngôn cho một chánh trị gia lỗi lạc. Nếu cô cho phép, tôi sẽ nói thêm nấc nữa và đốt lửa thiêng trong lòng cô, để cô rán hết sức, đem hết tài, dùng hết đức mà leo lên. Leo được nấc nào hay nấc ấy.

Cầu Lệ không vội đáp. Nàng nhìn vào xa xăm, như cố tình tìm một hình bóng. Rồi nàng tự nói nhỏ nhỏ, nhưng cũng đủ lọt vào tai Hồ :

— Đốt lửa thiêng trong lòng tôi... Từ mấy năm nay chị Tuyết-Lê đã khơi ngọn lửa thiêng trong lòng tôi. Nhưng từ khi chị thành tiên, chẳng uống thuốc trường sinh, mà đã hóa ra trường sinh trong lòng một số người gái Việt, thì

trong lòng tôi, ngọn đèn thiêng trong lòng tôi chẳng được ai chế thêm dầu. Lửa thiêng hết dầu, leo lét, rồi tàn. Từ ấy; tôi sống trong dò dẫm, trong cô đơn. Từ mười mấy năm nay lưu đầy nơi quê người, đem linh hồn tôi mà lưu đầy trong văn chương phù phiếm cố gắng bám vào ảo mộng để sống trong một thế giới phũ phàng ..

Xe taxi, bị đèn đỏ phụt chặn lại. Dừng một chập, sau khi đèn xanh sáng lên, xe queo sang tay trái. Cầu Lê trở về sự thật, hỏi :

— Sở đắc của bác, tại sao bác không tự khai thác lấy, lại cho không cho cháu, mà bác chưa từng biết lần nào, lại chưa thốt lời gì để bác thấu rõ can tràng ? Thú thật với bác, khi vừa mới nghe đặt vấn đề, cháu thoáng trong ý thấy cháu phảng phất có cái gì giống như bác sĩ Faust của văn hào Goethe, suốt đời khổ hạnh, bỗng nghe tiếng quyến rũ của hạnh phúc... Cháu sẵn sàng như bác sĩ Faust, chuộc lại lửa thiêng, bất cứ với giá nào. Bởi vì, đối với cháu, hạnh phúc ấy là lửa thiêng nung nấu cháu trong đường hành động. Đã tự nhận là tín đồ của chị Tuyết Lê, cháu đã thề với chị hiến thân cháu làm giải thưởng, treo lên để thưởng ai mở toang được cái cửa đương khóa

chặt, chẳng cho loài người bước sang được  
nguyên thanh bình. Cháu năm nay ba mươi  
tuổi, đã làm gái già. Giá trị của người con gái  
càng ngày càng tan, như giá trị của bạc giấy  
trong thời lạm phát này, như cục nước đá  
phơi dưới ầm áp của những tia nóng của mặt  
trời. Nếu bác đốt cháy phừng lửa thiêng trong  
lòng cháu được, bác muốn cháu trả lại cho  
bác giá nào ?

— Chẳng có giá nào cả. Nói cho đúng, tôi  
đòi trả giá bằng sự cố gắng thường xuyên,  
ngày nay cố gắng hơn ngày hôm qua ; ngày  
mai cố gắng hơn ngày nay, đề leo lên, leo hoài,  
leo mãi, cho trải qua hết tất cả nấc thang  
của giá trị mà đạt đến tuyệt đỉnh. Còn cô hỏi  
tại sao tôi không giữ sở đắc để tự khai thác,  
thì tôi xin đáp lại cho cô bằng một câu chuyện  
huyền thoại. Ngày xưa, ngày xưa, nơi một tiểu  
quốc nọ, người ta sống trong nề nếp, trong  
ràng buộc, trong không khoan dung. Có một  
nàng kia, vì quyến rũ của phồn hoa, mà lao  
mình trong đời mưa gió. Sau mười năm  
hưởng những vinh nhục của phong trần, nhục  
nhiều ; vinh ít, nàng hồi tỉnh lại. Dứt bỏ xa  
hoa, mà trở về làng mạc quê mùa của mình.  
Ở làng, nàng bị nề nếp, bị ràng buộc bị không

khoan dung, chỉ trích, chê dè, ruồng bỏ, tầy chay. Họ cho rằng đã trót ả giang hồ, thì ngựa quen đường cũ, có đuôi cái nết đi phía cửa cái, thì nó vô cửa sổ mà nhảy a vào. Nàng mới cất một cái am vắng vẻ, đề ngâm câu « chày kinh đóng tỉnh giấc vu san ». Nơi am này, nàng gặp một dị nhơn điềm đạo cho nàng ; và đề cúng dường, nàng hiến cho dị nhơn cái gì cao quý nhất của nàng : một đêm ân ái. Cô chớ vội chê dị nhơn là người đắc đạo, sao lại nhè đệ tử của mình mà giở cuộc ái ân. Nền tảng của tất cả tôn giáo là sự khổ hạnh của tín đồ. Cử chỉ của dị nhơn là gieo mầm khổ hạnh cho nàng mà thôi...

Trước một biệt thự to rộng cất trong một vườn mát mẻ, có những gốc ỷ lan, gốc sứ to mà hoa tỏa mùi thơm phức, xe dừng lại. Cầu-Lệ mở cổng nhường đường... Phòng tiếp tân rộng, mà trang trí đơn sơ, thanh nhã. Một cái ca-na-bê và bốn cái ghế bành bọc da cộp, đối diện với một dương cầm to. Trên tường, ngay chỗ dương cầm, một cây đèn tranh cần, một cây đèn kim, một cây đèn cò, một đèn gáo, ống sáo, ống tiêu, treo lủng lẳng... Phía trong một bàn ăn và sáu ghế ngồi bằng trắc, chạm trổ theo xưa. Còn

trên vách, có treo một bức sơn mài to tướng. vẽ một cô gái đẹp như tiên, cỡi một con cọp mun, mà thồi ống tiêu, Cầu Lệ nói :

— Nhà này của cha mẹ nuôi của cháu, là ông bà bác sĩ Bái. Cô gái thồi tiêu trong bức sơn mài là chị Tuyết-Lê của cháu. Y như hệ, Bác xem chị có đẹp không ? Từ khi chị thành tiên, cháu được làm con nuôi trong gia đình này. Bối không còn con cháu để thừa hưởng gia tài, nên ông bà dùng hết của cải mà nuôi cháu xuất ngoại du học. Lòng mong mỗi cháu là nối chí chị Tuyết-Lê, nhưng cháu bất tài, chỉ có học, chớ chưa lập nên sự nghiệp gì cả. May mà bác mở lối cho cháu lập chút sự nghiệp, ấy là bác giúp cho cháu đền đáp lòng hoài vọng của cha mẹ nuôi. . Ba cháu, tuy già, nhưng vẫn cố gắng đeo đuổi sứ mạng cứu thế của một y sĩ. Giờ này, ông còn cặm cụi làm việc ở phòng xem mạch. Đến sáu giờ rưỡi, ông mới về đến. Má cháu đi chợ. Ông Ulrich bận lo điều chỉnh giấy tờ nơi bộ ngoại giao, có lẽ về không bao lâu. Vậy bác tiếp tục kể cho nghe câu chuyện huyền thoại lúc này.

Hồ ngồi dựa lưng vào da cọp của ghế bành, nhìn vào bức sơn mài, kể tiếp :

— Sau đêm ân ái, ràng thọt thai. Cái thai

càng lớn, càng làm tăng nỗi lo âu của nàng. Phải chăng rằng thai này là bằng chứng cụ thể cho dư luận của thể nhơn, rằng nàng còn cái nét «ngựa quen đường cũ»? Phân trần nó là kết quả của một sự cứng dờng cho một đấng dị nhơn đã điềm đạo cho mình, thì có ai tin? Sanh đứa nhỏ ra, sẽ giao cho ai nuôi nấng đùm bọc, hầu dẫu không cho nó biết mà mang mặc cảm là đứa con tập tàng? Ngày qua, thai lớn lên, đứa nhỏ trong bụng cứ quấy lung tung làm cho nàng khổ đau không xiết. Đã là chuyện huyền thoại, có dị nhơn điềm đạo, ắt có sự mầu nhiệm. Sự mầu nhiệm là cứ mang hơn hai mươi lăm năm, mang nặng, chịu đứa nhỏ chời đập dớn đau đủ điều, mà nàng không sanh đẻ. Dường như là kết quả của một thánh thai, đứa nhỏ chờ một nàng tiên đến, làm ồn bà rước nó ra chào đời, và nuôi nấng nó trong cái tin tưởng là con tiên. Sự mầu nhiệm thứ hai, là ngày kia, nàng tiên đến thực hiện cái đại mộng của thánh thai. Không nói, cô cũng hiểu sự vui mừng của nàng đã mang nặng trong hai mươi lăm năm. đã chịu dớn đau của cái thai càng ngày càng lớn và tung đập dề đời ra chào đời...

Cầu-Lệ tập trung thần trí, đề tìm hiểu ý

nghĩa tượng trưng của câu huyền thoại. Thấy nàng chau mày đề suy tư, Hồ nói tiếp:

— Làng quê mùa bị bó trong nề nếp, trong ràng buộc, trong không khoan dung, ấy là cái thế giới của ta đang sống. Nàng con gái đã mười năm lơ lửng trong đời mưa gió, ấy là tôi. Vì những sôi động của máu nóng, của bản năng, tôi đã thất thân với những tay điểm của thời đại là chủ nghĩa Mác-Lê. Năm 1939, hồi tỉnh, tôi đoạn tuyệt với nếp sống của phong trần, thì làng nước quê mùa của tôi không cho tôi sống, đẩy tôi ra rìa của xã hội; tôi phải cất am ở ven rừng, mà sống đời cô đơn, đề ngày ngày dùng «chày kinh đóng tỉnh giấc vu sơn». Dị nhơn đã điềm đạo cho tôi, ấy là thời nguyên tử. Một đêm ân ái, do sự cứng dờng của tôi, dị nhơn đã làm cho tôi thọ thai. Thai này, nếu sanh được ra sẽ là cái ý thức hệ của thời nguyên tử. Khốn nỗi, tôi mà công khai sanh nó ra, thế giới biết là con tôi, thì nề nếp, ràng buộc, không khoan dung sẽ đặt tên cho nó là «sản phẩm của chủ nghĩa Mác-Lê, của Đệ Tứ Quốc Tế». Một thánh chiến sẽ tổ chức, thống nhất tất cả các cường quốc, các lực lượng, từ thực dân đến đế quốc, từ kẻ «xét lại» đến kẻ «chính thống», trong một hiệp nhứt chiến tuyến không

lồ, không chỉ bắt từ Metternich tới Guizot, mà bao trùm cả hoàn vũ. Phòng đời tôi trình thuận, con tôi sanh ra đâu đến phải mắc vào lưới của hiệp nhứt chiến tuyến ấy, như mèo con sanh rơi nằm giữa đồng tơ vò, mà nhứt cử nhứt động của mèo làm cho muôn sợi tơ siết chặt nó lại. Vì thế mà thai nghén mãi, tôi không dám sanh nó ra; rồi đau khò trong hai mươi lăm năm, chờ nàng tiên đến làm ồn bà, rước nó ra chào đời và khai với thế nhân rằng đứa bé là của nàng tiên, chứ không phải là con của kẻ mang nghiệp dĩ của mười năm gió bụi.

Dừng lại để trấn tĩnh nỗi cảm động sục sôi trong lòng, Hồ thấy những nét vui tươi hiện lên trên mặt của Cầu-Lệ, nên nói tiếp :

— Sở đắc của tôi, vì tôi mắc kẹt trong nghiệp dĩ, nên tôi không làm sao khai thác được. Ai có đủ tài, đủ đức, đủ chí để khai thác thế cho tôi, kẻ ấy là nàng tiên đến làm ồn bà mà giải một cưu mang nặng trĩu trong hai mươi lăm năm, thêm nuôi nấng tác phẩm xây dựng bằng máu bằng thịt của tôi. Nàng tiên ấy là cứu tinh của tôi. Nàng tiên ấy có chịu ơn, tôi cứu gì đâu, mà boăn khoăn lo trả ? Cô liệu có đủ tài, đủ đức, đủ chí để làm nàng tiên ấy chăng ?

Cầu-Lệ rời ghế bành, bước tới quì trước

mặt Hồ, vịn gối, Hồ, cúi đầu và nói :

— Cha ruột là Đặng-Văn-Hanh có công sanh và nuôi tới mười bảy tuổi. Cha nuôi là Hồ-Biệt-Bái có công giúp tài, bồi đức trong mười hai năm. Nay mở đường, lập chí, bắt thêm nhiều nấc thang cho con leo lên, con xin kính tôn lên làm người cha thứ ba và làm người thầy, tiếng thầy của ta vừa có nghĩa là cha, vừa có nghĩa thầy dạy. Vậy từ đây con xin gọi là thầy cho gọn.

## 2

Vài phút sau tiếng chuông reo, một nàng con gái, vóc mảnh mai, gương mặt thanh nhã, mắt lớn và tròn như mắt bồ câu, tóc thề buông xõa trên áo dài trắng, hiện nơi ngưỡng cửa. Cầu-Lệ bước lại đón mời vào ngồi. Nàng ngồi thẳng, không dựa lưng vào bành ghế, hai tay đặt lên hai gối và khởi sự với giọng nặng của người Huế :

— Em là Nguyễn-Phước-Canh-Ngọ-Thu...

Hồ đang ngồi lật tạp chí mà xem hình, nghe người con gái xưng tên rất lạ, ngược mắt nhìn. Cầu Lệ muốn làm thỏa thích lòng hiếu kỳ của thầy, hỏi.

Cô gái Huế nở một nụ hàm tiếu đáp :

— Đây là lần thứ mấy ngàn, mà em phải cắt nghĩa cái tên dài lê thê của em. Em vốn là dòng của nhà Nguyễn, nên có họ đôi, là họ Nguyễn-Phước. Đáng lẽ, em phải đề là Công-Tôn nữ gì đó. Song ba em, thuộc về chi của Đông Cung Cảnh, thêm về tư tưởng thì theo Cường Để, nên có óc cách mạng, chỉ lấy họ đôi, là họ Nguyễn-Phước, mà khai sanh cho con bất cứ trai hay gái. Ba em, vào năm canh ngọ (1942), làm thủ lĩnh cho Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, cho Trung Kỳ, nên bị, vừa chính phủ thực dân, vừa triều đình đàn áp. Quân đội Nhật can thiệp, điều đình ráo riết lắm ba em mới được dầy lư qua Tân Gia Ba, không biết chừng nào được về. Lúc ấy, em còn trong bụng mẹ. Ba em dặn khi sanh con ra bất cứ trai hay gái gì, cũng đặt tên là Canh Ngọ Thu, đề kỷ niệm ngày ba em ra đi mà không hẹn được ngày về.

Cầu-Lê hỏi :

— Cô em đến đây có điều chi thổ lộ cho tôi biết được chăng ?

— Em có cái thư của giáo sư Neumann giới thiệu cho Ulrich, đề em xin làm thông dịch và hướng đạo.

— Ông Ulrich chưa về. Ông có cho tôi biết về vấn đề này, và dặn tôi, trong khi chờ đợi, nên nghiên cứu và giải quyết ngay với cô em. Chẳng hay cô em học tiếng Đức đã bao lâu ?

— Em học tiếng Đức từ năm 1946, lúc em chưa đầy bốn tuổi. Sau tháng ba năm ấy, một đội Lê Dương đổ bộ ở Huế. Ông Neumann trước chiến tranh là một giáo sư triết học, sau khi Đức bại trận, vừa ê chề vì số phận của một nước bị chiếm đóng, vừa muốn sang Viễn Đông mà nghiên cứu triết học Đông Phương, nên tình nguyện vào đội Lê Dương, rồi được gởi sang Việt Nam. Lúc ấy, ba em, vì phạm cái tội « thân Nhật » nên bị Pháp bạc đãi, bị Việt minh trừ eo, sống cô đơn và nghèo túng với bảy con đông, thì sở cậy vào sự buôn tảo, bán tăn của mẹ em. Ba em vốn là một danh nho ở thần kinh, nên được ông Neumann nghe tiếng, tìm đến mà cầu ba em dạy về Không, Lão, Phật. Ngôn ngữ bất đồng, tất nhiên phải nhờ thông ngôn. Ông Neumann nhờ học lực cao, giao thiệp rộng, nên có hy vọng vận động mãi ở Huế, để hoàn tất chương trình học hỏi của mình. Thấy gia cảnh của chúng tôi đáng thương, thấy em có khiếu học ngoại ngữ, ông nghĩ ra cách dạy em nói tiếng Đức, để ngày kia em thông ngôn được.

thì số tiền ông trả cho người khác, ông sẽ trả cho em, gọi là giúp đỡ lẫn nhau. Ông khéo vận động, được luôn luôn ở Huế cho tới ngày sau đình chiến, quân đội viễn chinh Pháp rút về. Em học tiếng Đức chín năm với ông, vì làm thông ngôn cũng là một cách học. Khi ông về, ông có cho em mấy trăm quyển sách về văn chương, về triết học, viết bằng tiếng Đức. Trong mười năm nay, em đã đọc hết mớ sách ấy.

— Còn về phía Việt, sức học của cô em ra thế nào ?

— Sau khi đỗ tú tài, em đã học hai năm trường được, hy vọng rằng về sau, có tiền nhiều, em sẽ xuất bản những tác phẩm do em viết ra. Vì em thấy rằng ở xứ lớn như Đức, trình độ đọc giả cao, mà những tác phẩm về về tư tưởng như của Schopenhauer, của Nietzsche còn bán ế, thì ở xứ mình, nếu chẳng có tiền nhiều, em sẽ làm sao mà có tác phẩm hay ra đời được ? Nhưng em vỡ mộng. Ba em nghèo quá, không sức nuôi em nổi trong mấy năm nữa. Nên em vào đây, thi vào trường sư phạm, mong nhờ học bổng mà học thêm một năm, rồi có sở làm ngay để nuôi cha già. Cái mộng viết tác phẩm tư tưởng cao và có tiền nhiều để in mà truyền bá, em đành chôn đi vậy. Nay, nếu nhờ ông

Ulrich thâu nhận làm thông ngôn trong mấy tháng, em sẽ có số tiền to đề xuất bản một bài thơ dài bằng ván xuôi của em...

— Ông Ulrich cần thêm một người lái xe, một người thợ kỹ biết tốc ký và đánh máy. Nếu cô em biết cả những nghề này, thì càng tiện cho ông. Ông sẽ trả lương gấp ba.

— Ông Neumann đã cho em biết việc ấy. Em biết tốc ký và đánh máy. Còn lái xe, em đã ghi tên học, tập dượt khá thuần thục. Chỉ còn chờ thi lấy bằng cấp.

— Như vậy thì cô em có điều kiện tất yếu và sung mãn để được thu nhận. Còn lương bổng sẽ là bao nhiêu, ông Ulrich sẽ xem tài nghệ của cô em trong một vài hôm, rồi sẽ định.

Ngọ Thu nãy giờ ngồi sòng lưng, bởi lo lắng không biết có xin được sở làm chăng, nghe Cầu Lệ tuyên bố như vậy, nàng như được cội lòng, thần kinh hết căng thẳng, ngã lưng dựa vào bành ghế, hai tay gát lên cái vịn, thở tự nhiên, chớ không còn nén hơi như trước. Hồ nãy giờ lật hình xem, song lắng tai nghe kỹ câu chuyện, chốc chốc nhìn lên nàng để nhận xét sau cử chỉ của nàng, nàng dấu một tâm hồn nào. Bây giờ, đón hiểu rằng vì gia cảnh mà chôn vùi tài hoa và đại mộng, sau hơn hai mươi năm

sống trong cơ cực, nàng chỉ còn mỗi lo độc nhứt là đảm bảo bát cơm cho mình và cho cha già, nên Hồ thương hại, thêm muốn xây dựng một cán bộ cho dân tộc, Hồ cầm tờ tạp chí, đứng dậy bước lại ngồi trên ca-na-bê chỗ gần Ngọ Thu. Và hỏi :

— Lúc này, cô nói cô có viết một bài thơ dài bằng văn xuôi. Chẳng hay bài thơ ấy tên gì, tứ của nó ra thế nào ? Nếu cô có thể nói cho tôi biết, không biết chừng tôi nghĩ được cách giúp đỡ cho nó ra đời trong những điều kiện đẹp đẽ và ít hao tốn cho cô.

Ngọ Thu giương cặp mắt bồ câu tròn xoe nhìn Hồ giây lâu, rồi lìm dim đáp, dường như nhìn trong nội tâm mà đọc :

— Cháu sở dĩ dùng hình thức thơ bằng văn xuôi, bởi gì cháu nhiệm cái văn chương trác luyện của Nietzsche, nên học đòi trình bày tư tưởng của cháu theo cái thể của quyển *Zarathoustra* đã nói như thế. Tên tác phẩm của cháu là *Thái Hòa Kinh*. Tứ của nó là do câu chuyện ngắn «chuyện con thằn lằn chọn nghiệp» đăng trong tuần báo *Mới* năm 1953, trong ấy tác giả đặt một bài toán về triết lý mà đến nay chưa có triết nhân nào giải đáp. Bằng bài thơ dài của cháu, cháu mạo muội dâng một lời giải đáp...

Hồ gật đầu nói :

--- Tôi hiểu rồi. Thử văn chương tư tưởng của cô, trong thiên hạ, có dân tộc Đức là sinh hơn hết. Tôi khuyên cô chịu khó dịch ra tiếng Đức, nhờ ông Ulrich, là một nhà văn lỗi lạc, gọt giũa cho ngân như tiếng của pha ly, rồi cô cho xuất bản trước ở Đức. Ăn khách ở đó, tác phẩm của cô sẽ dịch ra các thứ tiếng, có một tiếng vang quốc tế, sẽ được chuộng ở quê nhà. Bưởi Biên Hòa của ta, các con buôn khách trú dùng bút lông mà thảo vài nét hồng hồng lên, xuống lục tỉnh bảo rằng bưởi Tàu, thì bán được giá hơn. Tác phẩm của cô, được báo chí và đài phát thanh trong thế giới ca ngợi, thì các nhà xuất bản tranh nhau mà mua bản quyền. Tiền của cô, cô hãy để dành đó mà nuôi cha già.

Ngọ Thu cảm động, nói với giọng run run :

— Cảm ơn bác. Cháu xin nghe lời bác. Nhưng làm sao nói cho ông Ulrich tốn công giúp đỡ cháu ?

— Việc ấy để tôi lo.

### 3

Bác sĩ Bái, y theo lời vợ vừa dặn bằng điện thoại, sau khi rời khỏi phòng mạch, ghé rước Huệ Minh, vợ Hồ. Khi xe đỗ trước thềm, bà Bái ra đón chào tận cửa và nói :

— Dì tư nó tệ lắm ! Có chồng ba mươi mấy năm nay, sanh cả chục mặt con, đã làm bà nội, bà ngoại, mà không chịu giới thiệu chồng cho bạn thân của mình. Tưởng ông hoàng tử đẹp ấy là ai, có dè đâu là bạn thân của nhà này, có khi đến ăn ngủ cả tháng. Đến nay, Cầu Lệ bày tiệc làm lễ lạy cha nuôi, chị mới khám phá được cái bí mật. Thôi vô đây mà chịu phạt rượu.

Chủ khách vừa ngồi, thì Ulrich về tới. Sau những chào hỏi vồn vã, bác sĩ Bái và Cầu Lệ bày ly, chai. Còn Ngọ Thu, lãnh vai thơ ký, ngồi ghi những điều mắt thấy tai nghe bằng tiếng Đức trên một bloc-notes to. Bác sĩ Bái rót rượu nói, nàng thông ngôn lại :

— Từ ngày thẳng rề và đưa con gái chúng tôi nghiên cứu và thí nghiệm một cách bí mật về thuốc trường sanh, chưa có ai quả quyết rằng thuyết của chúng nó đúng cùng chăng ? Còn riêng tôi, đọc những tài liệu của chúng nó đánh rơi lại, tôi thấy, và thí nghiệm suốt mười năm, rằng cao hồ cốt trị bệnh rhumatisme tài lắm. Cao hồ cốt phải dùng rượu để dẫn. Tôi dùng các thứ khai vị có tiếng bên Âu-Châu mà chế cao hồ cốt. Ông Ulrich dùng thử. Nếu ngoài nghề văn, ông còn muốn kinh doanh, tôi bày cho ông cái kế là tung lên thi trường Âu

mỹ những hiệu rượu khai vị cao hồ cốt. Uống để trị bệnh rhumatisme. Ông sẽ làm tỉ phú. Xứ chúng tôi có nhiều cọp. Dân chúng sẽ săn cọp để lấy xương nấu hồ cốt mà cung cấp nguyên liệu cho ông. Dân Việt sẽ có thêm một kẻ sinh nhai...

Ulrich vừa nhâm nhi rượu Martini có ngấm cao hồ cốt, vừa nhìn chòng chọc Huệ Minh, làm cho nàng hơi sượng sùng, hàm tiếu hỏi:

— Tôi nay đã xế tuổi, còn có duyên nào mà phải nhìn chăm chỉ làm vậy?

— Xin lỗi bà, tôi có điều thắc mắc khiến ông phải nhìn bà để xét nét cho kỹ, trước khi hỏi bà. Tôi có gặp một người đàn bà Việt, tuy có trẻ hơn bà, song giống bà lắm. Một chín, một mười.

— Ông gặp người ấy ở đâu, và trong cơ hội nào?

— Hơn một năm trước đây, đài phát thanh ở Hambourg có mời một nhạc sĩ và một ca sĩ Việt Nam, nài danh bên Âu Châu, đến trình diễn về âm nhạc Việt.

Huệ Minh cười nói:

— Việc ấy là dĩ nhiên. Nữ ca sĩ ấy là Mộng Trung, em gái của tôi. Tôi thứ tư, nó thứ sáu, hiện nay nó sống ở Paris bằng lối trình diễn âm nhạc Việt cùng với nhạc sĩ Trần-Văn-Khê. Một nghề sống tạm bợ để nuôi bảy đứa con ăn học.

— Bà Mộng Trung ca hay lắm. Nghe giọng nói của bà, tôi nghĩ rằng bà cũng có thiên tư về ca.

Bà bác sĩ Bái chen vô :

— Ông nghĩ trúng đó, Bà Hồ đây lúc còn con gái, đã làm cho gánh hát cải lương Đồng Nữ Ban. Dáng bộ không tự nhiên và uyển chuyển cho lắm, song nhờ có giọng thanh tao mà cũng được công chúng hoan nghinh :

Ulrich nói :

— Tôi có ngờ dâu vợ của ông bạn tôi lại là một đào hát đã được công chúng hoan nghinh. Sau bữa tiệc, khi mà có chút êm lặng, tôi xin phép ông bà và chủ nhà cho tôi bày một cuộc phỏng vấn có ghi âm về ca nhạc Việt. Rất tiếc là vì vội vã, mà không mời được nhạc sĩ để đờn mà dẫn lời ca.

Huệ Minh cười nói :

Chị bác sĩ đã gài cho em vướng vào phiền lụy, khó chối từ đối với một ông bạn từ phương xa mà đến, thì xin phép cho em trả nửa bằng cách gài cả hai anh chị mắc vào chung một cái phiền lụy với em. Thừa ông Ulrich, bà bác sĩ đây là một nhạc sĩ trứ danh, hồi còn con gái, đã cùng tôi lăn lóc trong gánh Đồng Nữ Ban. Với cây đờn tranh, bà đã làm nổi bật giàn nhạc của gánh này. Khi có chõng chơi nhạc một mình

buồn, bà đã dạy ông bác sĩ dùng đủ thứ nhạc khí. Ông sở trường đàn cò và ống tiêu. Vậy ông chớ lo thiếu âm nhạc.

Bác sĩ vui vẻ đáp :

— Dì tư xử như vậy ưc cho vợ chồng tôi lắm. Luật của Talion dạy : Lấy mắt đổi mắt, lấy răng đổi răng. Nay bị móc một mắt, mà dì quyết móc cả đôi người để trả nửa, thì đâu có công bình. Chẳng có công bình, ắt còn trả hận. Oan oan tương báo, biết chừng nào lấp hồ oán thù ? Ông Ulrich, chúng tôi bằng lòng dán thân vào phiên lụy, mà đờn cho bà Hồ ca, song với điều kiện là phải có công bằng. Bạn tôi cũng phải góp phần vào, không ca được, không đờn được, thì ít nữa cũng bằng những lời, giới thiệu cho công chúng Đức hiểu tinh túy của ca nhạc Việt.

Hồ phản đối :

— Về ca nhạc, tôi dốt đặc cán mai, có hiểu tinh túy của ca nhạc Việt như thế nào, mà nói mấy lời giới thiệu nổi ?

Bác sĩ Bái cười khoái trá. Cầu-Lệ can thiệp :

— Thầy con không nói được. Vậy con xin thay lời. Cả hai thầy đều là cha nuôi, con không bình cha nào, bỏ cha nào. Con chỉ ra sức mà đền ơn cho người thầy xây dựng

tinh thần con. Chúng ta sẽ bàn riêng đề tổ chức cuộc phóng sự có ghi âm. Bây giờ, chúng ta hãy đòi vấn đề, đề giúp ông Ulrich khởi đầu thiên phóng sự của ông, mà nhan đề là : *Tôi viếng đất mà Rừng sắp trở hoa*.

Tất cả im lặng, Ngọ Thu chuẩn bị ghi lời trên giấy, chốc chốc, sau khi Ulrich dừng từng đoạn, nàng sẽ dịch lại thành tiếng Việt. Ulrich khởi sự :

#### 4

Sau năm 1950 hay 1951 gì đó, những nhà khảo cổ Nhựt có khai quật gần Đông Kinh, bên Nhựt, tìm thấy một chiếc thuyền cổ chôn vùi dưới đất. Có lẽ chỗ ấy, hồi xưa, mực nước biển còn tràn đến, rồi thuyền đậu đó bị chìm, lâu ngày chầy tháng phù sa bồi lên mà chôn vùi thuyền dưới đất. Cũng có lẽ thuyền bị một cơn bão lớn, thủy triều ném lên bờ, rồi mắc kẹt lại và bị đất cát chôn vùi... Các nhà thông thái Nhựt, dùng phương pháp định tuổi của khoa học tối tân, đồng công nhận rằng thuyền này đã xưa hơn hai ngàn năm. Một giả thuyết được đa số công nhận, là thuyền này là một trong những con thuyền của Từ Phước, khi vị

đạo sĩ này gạt Tần Thủ Hoàng mà tổ chức một cuộc di cư lánh nạn, nói dối với vị bạo chúa là đi tìm thuốc trường sanh để dâng cho bạo chúa dùng hầu sống mãi đến miên trường.

Trong những vật tìm được trong thuyền người ta tìm được một lọ đầy rất kín, trong ấy có những hạt khô teo từ hơn hai ngàn năm không biết là hạt gì. Một nhà bác học nghi là hạt sen mới dùng phương pháp tinh xảo hơn hết của thuật trồng sen mà ương. Mầu nhiệm thay, hạt cũ hơn hai ngàn năm lại đâm mạnh nha được. Và quả là sen. Đến mùa sen này lại trở hoa. Ai cũng cho là việc kỳ quan. Tạp chí *Life* xuất bản bên Hoa Kỳ, có viết bài dài về sen lạ này. Hoa sen được chụp hình mầu mà đăng kèm cùng với ảnh của nhà bác học đã ương được sen lạ.

Tôi lúc ấy ở Hambourg, đọc được tạp chí, nảy ra cái ý nghĩ rằng sen sống ở Nhật được, thì có thể trồng ở Hambourg được. Âu là vận động xin một miếng củ mà gây giống sen lạ, để trồng ở Hambourg cho công chúng đến xem một kỳ quan của khoa học. Chánh phủ Đức giao thiệp với chính phủ Nhật để thực hiện chương trình do tôi đề nghị. Một củ sen được chiết và trồng nơi vườn Bách thảo Hambourg. Sen đâm ngó

kết lá, và tháng tám năm 1953 lại trổ hoa. Các báo ở Âu Châu đều đăng cái tin lạ ấy.

Ngay lúc đó, có một hội nghị quốc tế đề vận động cho phong trào Liên bang Thế giới họp ở Copenhagen. Một số đại biểu Việt Nam đọc báo, hay tin, nên trên đường về, có ghé ở Hambourg mà xem sen lạ. Một ký giả của tờ báo lớn ở địa phương, là tờ Hamburger Tageblatt, một phóng viên nhiếp ảnh, và tôi thay mặt cho đài phát thanh, đón tiếp những người Việt này ; chúng tôi tiếp đãi những vị này, trong đó có ông Hồ đây. Và ông Hồ có chứng cho tôi biết cái tin tưởng của một giáo phái lớn ở đây là đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Tin tưởng do người sáng đạo, là Phật Thầy Tây An đã gieo trong tiềm thức của dân gian, rằng Phật Maitreya sẽ giáng thế mà lập Hội Long Hoa, để mở một nguồn mới cho nhân loại.

Ông Hồ có nêu ra một cái ý nghĩ, rằng có lẽ diêm sen lạ trổ hai lần, lần trước ở Đông Kinh, lần sau ở Hambouag ấy có lẽ là diêm Maitreya sắp xuống thế. Tôi có hỏi tại sao ông nghĩ như vậy ? Thì ông đáp rằng Phật Thầy Tây An có tiên tri rằng trước khi có Hội Long Hoa, thì trong nước loạn ly lung tung rồi quân các nước kéo đến chiếm đóng.

Mười hai năm qua. Bỗng nhiên chiến cuộc Việt Nam đến chỗ nan giải, mà có thể biến thành chiến tranh thế giới. Có vài cường quốc đề nghị gọi quân quốc tế đến Việt Nam. Tôi sức nhớ lại những lời tiên tri đã nghe. Một tin tưởng huyền bí ám ảnh tôi. Người Đức chúng tôi rất sành khoa học, mà tâm hồn chúng tôi cũng dễ rung động về huyền bí. Biết đâu chừng Hội Long Hoa sắp mở ở đây. Tôi đề nghị với nhiều tờ báo lớn, với vài đài phát thanh, đề tôi lãnh làm một thiên phóng sự đầy đủ với cái nhan đề đầy huyền bí là : *Tôi viếng đất mà Rồng sắp trở hoa.*

Phóng sự về một huyền bí, tôi lại dùng phương pháp rất khách quan của khoa học. Một thư ký viết tốc ký theo dõi tôi từng bước. Tôi thấy cái gì ? Người ấy ghi đầy đủ. Tôi hỏi ai cái gì và được trả lời ra sao ? Người ấy dùng tốc ký mà ghi thật trung thực. Tôi chỉ gọt giũa cho văn được sáng sủa và miêu tả rồi gửi về Đức mà công bố. Nếu không có duyên may dung ruổi, thì tôi phải sống nơi khách sạn ngày ngày nhìn những cái nhộn nhịp của bề ngoài của sự sống. Làm sao mà đi sâu vào xã hội Việt, tiếp cận với những ôm ấp thăm kín tận đáy lòng người Việt, để hiểu những mong chờ,

của họ về Hội Long Hoa. Vậy, tôi xin khởi thiên phóng sự của tôi bằng lời cảm ơn nồng nàn, cảm ơn ông bạn Hồ đã làm duyên khởi cho thiên phóng sự, cảm ơn ông bà bác sĩ Bái đã rước tôi về ở trong gia đình, cảm ơn cô Cầu Lệ đã dừng cuộc du học ở Âu Châu, về đây mà tích cực giúp tôi thực hiện nhiệm vụ.

## 5

Sau mấy tiếng vỗ tay đề đáp lễ Ulrich, cả thầy im lặng đề nghe Hồ đáp lại. Hồ nói chậm rãi, dứt mỗi câu lại ngừng, đề cho Ngọ Thu dịch lại tiếng Đức. Hồ nói :

— Maitreya, người Việt dịch là Di-Lặc, vốn có tên là A-Dật-Đa, vào thời Thích Ca ruồi dung truyền đạo, chỉ đắc cái hạnh Bồ Tát mà thôi. Người được bề bạn gán cho biệt hiệu là Cầu Danh. Kinh Saddharmapundarica, mà người Việt dịch là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có ghi tiêu tiết ấy. Sao gọi là Cầu Danh ? Bởi vì người cố gắng mãi mãi hơn nay cố gắng hơn ngày hôm qua, đề mình càng cao quí, đẹp đề mãi, vươn tới, vươn tới mãi. Đề đạt mục đích này, người luôn luôn « xét lại », cời bỏ cái lỗi thời, đề chọn cái mới, cho kịp sự tiến hóa. Những đạo hữu của người, tu dưỡng mà đạt

được cái hạnh nào, thì huyền ngưng trong cái hạnh ấy. Họ không hiểu cái tinh thần cầu tiến thường xuyên của A-Dật-Đa, rồi lầm tưởng động cơ thúc đẩy sự cầu tiến thường xuyên này chỉ là một sự cầu danh mà thôi, nên đặt cho người cái biệt hiệu đó. Tinh thần cầu tiến thường xuyên này, có người xir tôi thông cảm được, dùng danh từ Văn hóa (hiểu theo nghĩa tâm nguyên), đề mà gọi.

Lời giải thích theo lối biện chứng của Hồ làm cho Ulrich thông cảm và hiểu ngay được. Ulrich gật đầu tỏ vẻ công nhận. Hồ nói tiếp :

— Vào lúc tuổi già, Thích Ca thị kiến, thấy hai ngàn năm trăm năm sau mình những tiến bộ vĩ đại trong mọi ngành đưa đến chỗ phải cởi bỏ tất cả ý thức hệ cũ xưa, mà làm một cuộc cách mạng văn hóa toàn diện. Tinh thần nào làm động cơ cho cuộc cách mạng văn hóa ấy nời ? Phải chăng là tinh thần huyền ngưng, tinh thần cầu an, tinh thần giữ cựu lệ đề chối các phiên đảo ? Không thể được. Chỉ có tinh thần cầu tiến thường xuyên, tinh thần văn hóa (theo nghĩa tâm nguyên của nó), mới có đủ khả năng mà làm động cơ cho cuộc cách mạng văn hóa vĩ đại này, mà Thích Ca bị trình độ trí thức của tín đồ mình ràng buộc, nên khó dùng

ngôn ngữ của thế kỷ XX ta mà nói cho những người của năm trăm năm trước Jésus hiểu được. Thích ca phải dùng sáu ngữ, thành kiến, ngôn ngữ của thời mình mà nói cho người thời mình hiểu. Nên, trong một buổi thuyết pháp dưới bóng cội cây Long Hoa, Thích Ca gọi A Dật Đa mà nói : « Hai ngàn năm trăm năm sau, người sẽ là vị Phật lớn hơn tất cả các vị Phật mà thuyết pháp dưới cội Long Hoa. » Đó là một câu bóng bày tượng trưng của người xưa. Vào thế kỷ ta, chúng ta nên hiểu đó là một cuộc cách mạng ý thức hệ vĩ đại, mà động cơ là tinh thần cải tiến thường xuyên, tượng trưng trung thực hơn hết là A Dật Đa, tức là Maitreya vậy.

Ulrich lấy ngón trỏ ngón giữa của bàn tay mặt mà nhíp nhẹ trên sống bàn tay trái, tỏ ý hoan nghênh lời giải thích phù hợp với tinh thần khoa học Tây Phương của mình. Trên mặt Cầu Lệ hiện rõ sự hân hoan, vì thấy tìm được lời diễn đạt những huyền bí ở phương Đông cho người phương Tây hiểu ngay được. Hồ tiếp :

— Maitreya sẽ « giảng sanh » bằng cách nào ? Phải chăng là theo cách thức thông thường của tất cả, là do tình trùng của một người cha kích thích một tiểu noãn của một người mẹ, làm tiểu noãn hóa ra bào thai, đúng kỳ sanh, đẻ ra

một đứa trẻ, cái mà trong phạm ngữ, người ta gọi là Upadaka-avatara ? Không phải vậy. Sự hiểu biết của loài người, đến thế kỷ XX này, đã trở nên to rộng vô cùng. Trí óc của một người, dầu người ấy là «thánh nhơn», không tài nào bao gồm tất cả để làm một tổng hợp, lựa là làm một cuộc cách mạng toàn diện. Maitreya có thể nào «giáng sanh» ngoài lối trên, theo lối mà phạm ngữ gọi là Anupadaka-avatara, nghĩa là chẳng do tinh trùng kích thích, lại do «huyền vi thánh thần» hóa làm «thánh thai» và đến khai hoa, một «thánh nhơn» sẽ ra đời ? Dầu có một vị thánh nhơn như thế này, cũng không tài nào bao gồm tất cả sự hiểu biết mà làm cuộc cách mạng nổi. Do đó mà Maitreya, tượng trưng cho tinh thần cầu tiến thường xuyên, chỉ có thể giáng phạm bằng cách toulpa. Việc nhập xác bằng cách toulpa này, từ muôn thuở, loài người đã chứng kiến. Xác nào có thể được nhập vào ? Ấy là những xác vốn có căn lành, nên nhạy cảm. Âu Châu gọi là médium, tức là trung gian giữa hồn thiêng và phạm nhơn. Như người ta tin rằng có một hồn thơ nhập xác vào những người nhạy cảm về thơ, biến những người này thành thi sĩ và ám ảnh, xúi giục họ làm những bài thơ hay. Cũng như có thể nói khoa học là một cái tinh thần, nhập xác vào những ai

đã tập rèn suy tư khảo cứu và có khả năng phát minh, rồi biến họ ra thành những nhà bác học. Khi Maitreya giảng phàm cũng vậy. Người chọn những người có căn lành, nhạy cảm, giàu lòng từ bi, bác ái mà nhập xác bằng cách toulpa. Kẻ bị nhập xác sẽ bức rức, băn khoăn, ngồi đứng không yên, chẳng còn thú gì với khoái lạc, với hạnh phúc. Lòng bị nung nấu, phải rời bỏ tất cả để đi tìm... Tìm cái gì ? Tìm phương dập tắt ngọn lửa đang đốt lòng mình, và chắc chắn là cũng đốt lòng chúng sanh như đốt mình vậy. Thích-Ca bỏ vợ đẹp con xinh, từ chối ngôi đông cung thái tử, rời tất cả phú quý, để lang thang tìm đạo, đó là hình ảnh tượng trưng sâu sắc hơn hết của số người bị tinh thần cầu tiến « nhập xác » bằng cách toulpa.

Urich đưa ngón tay ra dấu muốn nói. Hồ bèn dừng, để cho nhà văn Đức tỏ ý :

— Năm 1953, khi Nhựt báo Hamburger Tageblatt đăng bài phỏng vấn ông, thì phần đông độc giả ở Đức, không hiểu Maitreya giảng sanh bằng cách nào, nên còn đặt một dấu hỏi của hoài nghi. Nay, ông bạn trình bày vấn đề theo nhãn quang ấy, tôi hiểu ngay rằng sau hơn tám mươi năm bị ách nô lệ, dân Việt đã chịu năm năm khổ hạnh chung của nhơn loại

trong thời thế chiến thứ hai, dân Việt lại phải chiến đấu thêm không biết chừng nào mới dứt, mà chẳng thấy rõ tiền đồ ra sao nữa. Cảnh loạn ly ấy làm cho ai giàu lòng từ bi, bác ái, tâm hồn nhạy cảm, tất nhiên phải bị nhập xác, rồi bức rức, bần khoản, ngồi đứng không yên, chẳng còn thú gì với khoái lạc, với hạnh phúc. Maitreya đã nhập vào họ.

Hồ gật đầu, và với giọng cảm động, tiếp :

— Đúng vậy. Tôi đã chứng kiến, nói cho thật đúng hơn, là tôi đã quen biết một số người, mà nghe kể lại, là đã bị Maitreya nhập xác, kể ít người nhiều. Trước khi sang Âu Châu, vào tháng ba năm 1953, tôi vốn có mặt tại Sài Gòn, ngụ trong gia đình của bạn tôi là bác sĩ Bái đây, lúc ấy chưa dọn về nhà này. Trong gia đình này, nhiều người đã bị Maitreya nhập xác. Lạ hơn hết là cô ái nữ Tuyết Lê, thồn thức, bần khoản cho đến đôi không còn thấy thú gì mà sống ở đô thành hoa lệ, rồi bỏ tất cả, lao mình vào rừng thiêng nước độc, để tìm thuốc trường sanh làm phương tiện để cứu đời. Cậu rề trong nhà là bác sĩ Tâm, cũng bị nhập xác. Cậu Lệ đây, lúc ấy mới mười mấy tuổi, ngây thơ chưa hiểu đầy đủ, mà cũng không tránh được truyền nhiễm. Và kể ra, hiện diện tại đây, tôi không biết ông Ulrich và cô Ngộ Thu ra

thế nào, còn lại năm người, là vợ chồng bác sĩ Bái, Cầu Lệ và vợ chồng tôi, cả bảy năm người, bảy đều bị Maitreya nhập xác ít nhiều... Sang Hamhourg, tôi dám nói rằng Maitreya đã giáng phạm, và sen la trở hai lần là điểm của sự giáng phạm ấy, bởi vì, vài tháng trước, tôi đã nghe chuyện Tuyết Lê bị nhập xác. Tuyết Lê ? Ông còn nhìn thấy nàng cởi cạp, thoi ống tiêu, trên bức sơn mài treo ở vách kia. Chuyện nàng bị nhập xác ra làm sao ? Bộ tiểu thuyết « thuốc trường sanh » đã chép lại đầy đủ. Rất tiếc là ông không đọc được tiếng Việt để xem tiểu thuyết ấy. Thế giới ngày nay bị đất lắm. Cái bị đất này lại cô đọng, kéo lại trên mảnh đất nhỏ của miền Nam. Kẻ nhạy cảm, bảy đều bị nhập xác ít nhiều. Lời tiên tri của Phật Thầy Tây An, cách đây không đầy một trăm hai mươi năm, rằng Maitreya sẽ xuất hiện lại miền Nam nước Việt này, lời tiên tri ấy, tôi chứng minh cho ông Ulrich nghe bằng những luận điệu đánh thép của khoa học Tây phương.

Trong khi Hồ buông lời chậm chậm, thì bà Bái, Huệ Minh, bác sĩ Bái không ngăn giọt lệ từ từ lăn trên má. Còn Cầu Lệ ghen ngào, thỉnh thoảng nức lên, vì dòn nén không cho khóc ra tiếng. Ngộ Thu tuy ngồi chép, cũng thỉnh thoảng đánh rơi một giọt nước mắt trên giấy trắng. Và

khi nàng dịch lại cho Ulrich nghe, nàng phải dừng lại mấy lần, vì cảm động...

Bàn dọn xong. Bà Bái mời vào ngồi. Tuy thực đơn nghiên cứu rất kỹ và chọn những món ngon, song không ai thấy có thú vị. Hồ xin lỗi:

— Tôi nặng tội, vì đã trót làm cho bữa ăn nay buồn tẻ và không ai ăn ngon được. Song tôi có những lý lẽ chủ quan khiến tôi chẳng dặng dưng. Một là phải trung thực với tinh thần Phật, mà Maitreya là vì Phật lớn hơn hết. Dân chúng tôi chịu ách nô lệ hơn tám mươi năm, chiến đấu đã hai mươi năm, mà viễn đồ bày trước mắt hoặc là mấy mươi năm nội chiến, hoặc là chiến tranh nguyên tử. Ấy là một cái khổ, diệu đế của Thích-Ca đã vạch. Ông Ulrich khởi chương đầu của thiêng phóng sự của ông, muốn cho phóng sự này được trung thực về cái huyền thoại «Rồng sắp trở hoa», ông phải nhấn mạnh về cái nguyên nhân nào mà «Rồng sắp trở hoa». Lễ thứ hai là Cầu Lệ có dụng ý bày tiệc ra mắt thầy thì tôi thấy tôi có bốn phận «điềm đạo» cho nàng giác ngộ. Thế nhưn lắm tưởng là hề «giác ngộ», thì được thơ thới trong lòng. Không đúng. Thích Ca bởi giác ngộ diệu đế đầu, là cái khổ, mà đờn đau đến dỗi rời bỏ tất cả đề tìm đạo. Cầu-Lệ, nay bị điềm đạo, mà giác ngộ, ấy là bắt đầu từ hôm nay, con

sẽ bị Maitrey nhập xác... và con sẽ biết khổ.

## 6

Bác sĩ Bái thối vào ông tiêu lấy giọng, đề cho bà chỉnh lại giàn nhạc của đờn tranh. Hai vợ chồng rao nam mấy câu ai oán, trong lúc Ulrich thử xem máy thâu thanh đã chuẩn bị xong chưa. Cầu Lệ nói :

— Thấy tôi đã khai mào thiên phóng sự bằng lời. Lời ấy đã đủ đề giới thiệu buổi phóng sự có ghi âm về nhạc Việt. Nhạc là tiếng nói của tâm hồn của mỗi dân tộc, bằng ngôn ngữ chung của loài người, ngôn ngữ của tiếng đờn, giọng ca. Phát tích ở miền Bắc, nhạc Việt có một điệu Bắc, nhanh nhẹn, lẹ làng, tuy không hùng vĩ và vui tươi, song không đến nỗi buồn thảm. Dân Việt tràn vào Nam, làm cho dân Chăm, rồi dân Miên mất nước, rồi đồng hóa hai sắc dân này vào đại gia đình Việt. Sự buồn thảm, vì mất nước của hai sắc dân này không khỏi ảnh hưởng đến tâm hồn chung của dân tộc. Tâm hồn buồn thảm, nói lên bằng điệu nhạc Nam. Đến khi bị thực dân Pháp đô hộ, tâm hồn buồn thảm của dân càng thêm dáo dạt. Tánh cách chung của âm nhạc là như vậy, song mỗi tác phẩm là một

huyền ngưng của một trạng thái tâm hồn. Nó nói hết về đại cương trạng thái ấy. Tuy vậy mà có được một bài, xuất hiện vào lối năm mươi năm nay, mỗi năm mỗi biến. Mà sự biến của nó tả được đường lối chung của nhạc Việt. Là càng ngày càng đốn đau, buồn thảm. Bài ấy xuất hiện, với cái tên nguyên thủy là « dạ cổ hoài lang », nghĩa là tiếng trống ban đêm làm cho một chinh phụ nhớ chồng. Cô đọng trong hai mươi câu, mỗi câu chỉ có hai nhịp, bản nhạc ấy là tất cả dòng thơ *Chinh phụ ngâm* tóm tắt...

Sau một tiếng nhịp, tranh, tiêu hòa với tiếng của Huệ Minh. Nàng ca rằng :

*Từ đưa phu tướng.*

*Bảo kiếm, sắc phong, lên đàng,*

*Vào ra luống trông tin chàng,*

*Năm canh mơ màng !*

*Luống trông tin bạn,*

*Tình giấc hèo, thở than !*

*Chàng dẫu xa ong bướm,*

*Xin cũng đừng phụ nghĩa tào khang !*

*Đêm luống trông tin bạn,*

*Ngày mới mòn như đá vọng phu.*

*Vọng phu vọng, luống trông tin chàng...*

*Năm canh mơ màng.*

*Chàng hỡi chàng có hay ?*

*Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.*

*Biết bao thuở đó đây sum vầy ?*

*Duyên sắt cầm, tình thương ?*

*Nguyện cho chàng*

*Đặng chữ bình an*

*Trở lại gia đình.*

*Cho én nhàn hiệp đôi !*

Huệ Minh tuy đã già, song giọng hã còn thanh tao, lãnh lót, cảm động và náo nức. Ngộ Thu quen nghe hò hát ở sông Hương, cũng phải nhận rằng giọng « dạ cồ hoài lang » cũ xưa có phần ai oán hơn nhiều. Cầu Lệ trình bày tiếp :

— Huyền thoại truyền rằng bài này xuất hiện ở Bạc-Liêu vào năm 1919. Lúc ấy, có nhiều nhà ái quốc bị giam ở thành này, và vợ con lao nhao đến tìm thăm. Song không được nhà cầm quyền thực dân cho phép. Các bà chỉ đứng xa xa khảm đường mà nhìn, rồi rơi lụy, Một ngục quan, người Việt, thấy việc thương tâm, nên thuật lại cho một thi sĩ kiêm nhạc sĩ ở Vĩnh Trạch. Thi sĩ lấy cái cảnh vợ một nhà cách mạng, ngồi xa xa khảm, mong tin chồng, đêm đến mà không hay, nghe tiếng « trống ban đêm » của khảm khắc hồi canh, mà « nhớ chồng », đề làm tứ, hầu đặt lời thơ và phổ nhạc. Tuy nhiên không thể nói lộ liễu rằng người chồng đây là

một nhà cách mạng sa cơ, nên dùng từ ngữ « sắc phong » mơ mơ màng màng. Sắc ở đây không phải là sắc của vua. Sắc ở đây là sắc của đảng cách mạng, là lệnh của đảng ái quốc. Tinh thần ái quốc của lời thơ, phá bằng một điệu nhạc ai oán náo nê, là hai yếu tố cho bài « dạ cồ hoài lang » từ miệng này sang tai kia, trong vài năm đã lan truyền khắp miền Nam. Vì nó nói đúng được hồn của dân tộc, một dân tộc khờ vì nhục mất nước và luôn luôn nghĩ việc phục thù, náo nê vì thất bại nhiều, mà bị dắt tiến theo con đường của định phận... Từ năm 1924, phong trào quần chúng, do Nguyễn An Ninh đốt ngòi, càng to lên, càng rộng ra. Hồn dân tộc mạnh lên, lớn ra mà thực chất vẫn giữ. Đứa bé lớn lên, cần may áo mới cho rộng hơn cho nó mặc mới vừa. Bài « dạ cồ hoài lang » mỗi câu hai nhịp, không biết nhạc sĩ nào canh cái, mỗi câu gấp đôi nhịp lên. Và tên là bài « vọng cồ », cô đọng bốn chữ « vọng phu văn cồ », nghĩa là « nàng trông chồng nghe tiếng trống » của ban đêm mà nhớ nhung. Từ đây, tên này được giữ luôn, để miêu tả tâm hồn của người Việt, chớ chẳng phải riêng của vợ một nhà cách mạng sa cơ.

Tranh, tiêu và ca lại khởi lên đề trình bày một bản « vọng cồ » tả sự chia ly của đôi « nhận

đành kêu sương nơi biển bắc, én cam · khóc hạn ở trời nam ». Đờn ca vừa dứt, thì Cầu Lệ nói vài lời, trình bày phong trào cách mạng năm thất bại và chìm trong bùn lầy của một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Sự buồn thảm gia tăng. Sau tám nhịp, lên mười sáu. Từ đó bài nhạc trở nên trường thiên. Nên người ta chọn sáu câu tiêu biểu nhất, mà làm khổ cho nhạc, cho lời ca. Mười sáu nhịp, gấp đôi lên thành sáu mươi bốn nhịp. Và hiện nay, đang vươn lên một trăm hai mươi tám nhịp. Mỗi khi trình bày một giai đoạn, thì Cầu Lệ dừng lại, nhường lời cho nhạc, cho ca, trình bày một bài vọng cổ tiêu biểu nhất của giai đoạn.

Chỉ có một bài vọng cổ, từ hai nhịp, đến một trăm hai mươi tám nhịp, buổi phóng sự thâu thanh choán nhiều thời giờ.

## 7.

Bác sĩ Trần Nghĩa Trọng được điện văn, mở ra đọc, mới hay rằng chính là đứa con trai mình là Hayashi từ Tokio mới vừa đến. Một cuốn phim được rọi lên trong ký ức của chàng. Chàng vốn là đảng viên của đảng Hắc Long, ở vào cánh tả, chia xẻ cái chủ trương rằng muốn cho dân tộc Nhật được một địa vị rực rỡ trên

bàn cờ thế giới, thì không nên mang hia của các đế quốc xâm lăng và bóc lột, mà dẫm theo vết của các cường quốc thực dân. Trái lại, dân tộc Nhật phải cầm đầu cho các dân tộc Á châu dựng thức tỉnh bằng phương tiện của xã hội chủ nghĩa, của cách mạng văn hóa. Ở Tokio, chàng học y khoa, đan diu cùng một nữ sinh viên mà có một đứa con trai. Chàng vừa tốt nghiệp, thì vợ chàng qua đời, bỏ đứa con trai lại cho bài nội nó nuôi. Và chàng bị nhập ngũ. Bởi chàng là đảng viên của đảng Hắc Long, nên chàng được bổ sung vào ngành do thám. Đổi họ, đổi tên làm một người Cao Ly, tên Chungil, sang miền Nam nước Việt mà đi khắp đó đây, đề bề ngoài bán cao ly sâm và mua thuốc sống do nông dân hái ở các rừng, bề trong là lặn lội đề về bản đồ các miền rừng núi và giao thiệp với các nhà cách mạng Việt.

Nhờ đó mà chàng giao thiệp được gia đình của ông thầy thuốc Bắc, không có con trai nên nuôi chàng làm con nuôi, và đổi tên họ chàng lại lần thứ hai, là Trần Nghĩa Trọng. Chàng cưới đứa cháu vợ của cha nuôi và sinh được một đứa con gái, đặt tên là Trần Nghĩa Phương Nữ vào năm 1940. Thừa việc chàng có quốc tịch Việt, bộ tham mưu Nhật hạ lệnh cho chàng đi học lại và đi thi vào đại học, đề lên lối trong giới

sanh viên đề sách động, tổ chức, điều khiển họ. Chàng đã có học thuốc ở Nhựt rồi, nên bây giờ học lại, không tốn thì giờ. Chàng nhờ có nhiều thì giờ, sẵn có kinh nghiệm tổ chức, và có nhiều phương tiện tài chánh do độ tham mưu Nhựt bí mật cung cấp, cho nên đảng Hưng Việt do chàng thành lập phát triển rất mau lẹ.

Năm 1945, sau khi Ý đã hàng đầu Đồng Minh, Đức sắp bại trận, và Nhựt đang kiệt quệ về đủ mọi mặt, Nghĩa Trọng gọi về cho đảng Hắc Long một số kế hoạch vĩ đại, đề nhờ đảng chuyển đạt lên Nhựt hoàng. Kế hoạch này là kế hoạch Hayashi, mượn tên Nhựt của chàng mà đặt, và đại ý là « dân tộc Nhựt thua chiến tranh, âu là phải thắng hòa bình ». Chính là kế hoạch này ảnh hưởng rất mạnh đối với đường lối của nước Nhựt và đã khiến Nhựt hoàng hạ lệnh cho quân đội Phù Tang thi hành cuộc đảo chánh ngày 9 tháng III năm 1945, đề gài cho dân tộc Việt Nam vào cái thế đương đầu với quân đội Pháp trong một cuộc chiến tranh kéo dài hàng chục năm, mở màn cho một cuộc tranh hùng giữa khối cộng và Hoa Kỳ, với dụng ý là khi hai khối mâu thuẫn nhau đến triệt đề, mà đánh nhau thì e đồ vỡ tất cả, thì nước Nhựt đứng ra giải hòa, trước mua chuộc tình cảm của tất cả loài người, ấy gọi là chính thuật « chinh tâm ».

Kế là giữ cái thế trọng tài giữa đôi bên tranh hùng, mà vươn lên ấy gọi là chiến thuật «chính giao»; sau là dựa vào hai thành tích trước mà mở các thị trường Á Phi cho kỹ nghệ và thương mại Nhật, làm cho dân Nhật phú cường lên, ấy là chính thuật «chính lương». Không cần lực quân hùng hậu, hải quân đông đảo, không quân ào ạt, mà chỉ nhờ thông minh, khôn khéo, mưu kế và nhẫn nại, mà dân tộc Nhật thắng hòa bình. Kế hoạch này, Hayashi đặt tên là kế hoạch «tam phân thế, lưỡng tranh hùng», mượn nơi thủ đoạn của Khổng Minh gài cho Châu Du và Tào Tháo đánh nhau ở Xích Bích mà đoạt lấy Kinh châu.

Sau khi quân đội Nhật bị áp lực của bom nguyên tử mà hàng đầu Đồng Minh không điều kiện, binh lính Nhật thấy bị đưa về đất Phù-Tang, thì Trần Nghĩa Trọng vì có giấy tờ là người có quốc tịch Việt Nam, ở lại xứ này, hoàn tất sự học của mình ở trường thuốc mà ra mở phòng mạch ở Tây Ninh, sống giản dị, bình dân, dân chúng ai cũng mến yêu. Và bởi chàng mất hẳn giọng nói của Nhật, nên không một ai nghi ngờ gì gốc tích của chàng cả. Trừ có vợ chàng, trừ có con gái chàng là Phương Nữ mà chàng dạy dỗ kỹ lưỡng, nên nói tiếng Nhật rất rành

Nàng cũng bắt chước cha mà học thuốc, và năm nay học năm thứ năm ở trường thuốc Saigon...

Nghĩa Trọng lái chiếc xe ô tô của mình mà xuống Saigon, đến khách sạn mà tìm Hayashi rồi dắt chàng đi tìm em gái là Phương Nữ. Vừa gặp em, chàng nói :

— Lịch sử đặt cho hai dân tộc Nhật và Việt cái thiên chức mà bảy thế kỷ trước, hai dân tộc đã cùng chung giải quyết. Hồi thế kỷ thứ XIII, quân Mông Nguyên ồ ạt, chinh phục Âu châu và Á châu. Chiến thuyền của chúng bị trận bao nhận chìm, chúng đổ bộ qua Nhật không được. Bộ binh của chúng ba lượt bị quân nhà Trần đánh bại. Nhuệ khí của chúng bị mòn mà nhà Nguyên sau đó bị lật đổ. Nay vào thế kỷ XX, chủ nghĩa độc tài cộng sản lại đe dọa hoàn cầu. Hai dân tộc Nhật Việt lại phải chận làn sóng chinh phục đỏ. Số phận đã tượng trưng cho sự đồng thiên chức ấy bằng cách là cho chúng ta khác mẹ mà cùng một cha. Anh có mẹ Nhật em có mẹ Việt. Nước Nhật và nước Việt là nước mẹ của riêng mỗi chúng ta. Mà chúng ta thờ chung một cha là nhân loại.

Phương Nữ đáp :

— Cá nhân anh, đối với em, có tình máu huyết, nên anh thấy vấn đề như vậy. Liệu cả

dân tộc Nhật đối với dân tộc Việt, nhìn lịch sử, có cặp mắt của anh chàng ? Thế kỷ XIII, ở xứ này có Trần Quốc Tuấn, có quân nhà Trần có toàn dân Việt, cùng một dạ chống xâm lăng của quân Mông Nguyên. Còn vào thế kỷ XX này, đứng trước sự xâm lăng ý thức hệ, thì trong hình ảnh tượng trưng mà anh vừa nêu ra, đại diện cho dân tộc Việt là em Phương Nữ, một đứa gái yếu mềm. Làm sao đứng đầu cho nổi cái phong trào quật khởi được ?

Nghĩa Trọng gật đầu nhẹ nhẹ, tỏ ý tán thành lời của con gái, mà mắt nghiêng nhìn Hayashi, chờ chàng đáp thế nào. Hayashi trầm ngâm rất lâu, chậm chậm nói :

— Hai năm trước đây, cả dân tộc Nhật rung động vì cái tin Phật giáo Việt Nam tranh đấu chống bạo quyền và cảm xúc mãnh liệt khi được nghe các vị tăng tự thiêu để động viên tinh thần phản kháng của thế giới. Làn sóng chinh phục đồ thuộc về một ý thức hệ. Phải dùng một lực lượng tinh thần mới chặn đứng nó được, mới đánh bại ý thức hệ ấy nổi. Lực lượng tinh thần vị tất phải nằm trong thân mình của một lực sĩ. Sáng tạo ra ý thức hệ có khả năng đánh lui được thuyết độc tài đỏ, vị tất phải là một học hùng cường. La-Mã chinh phục cả thế

giới quanh Địa Trung hải mà bị chinh phục lại bởi cái đạo thương người của một dân nhỏ bé là dân Do Thái... Xưa vào thời đại mà người ta đánh nhau bằng mộc, bằng giáo, thì người Việt ba lần đánh lui quân của Mông Nguyên. Nay, thế kỷ XX, mà sự thành bại định phân trên trận tuyến của tinh năng trí thức, anh không tin rằng sự thắng trận của người Việt sẽ do một Trần Quốc Tuấn mới lãnh đạo. Anh lại tin rằng kẻ phát cò thắng trận là một vị thủ lĩnh tinh thần, một giáo chủ...

Phương Nữ mắt mơ màng nhìn trong xa xăm, chậm chậm nói lời anh :

— Làm người phạm, khó thế làm vị giáo chủ ấy. Họa may là có Maitreya tái lâm, như Phật Thích Ca đã báo hai ngàn năm trăm năm trước.

## 8

Trời oi bức. Quạt máy treo nơi trần quay hết tốc độ mà không đem mát mẻ lại. Basu uống ly sô đa thứ ba để nghe nốt câu chuyện mà hai người Việt đang cãi nhau. Basu là người Ấn lai Anh. Cha chàng rời nước Anh năm 1939, lúc chàng mới năm tuổi. Ông về Ấn Độ, theo

Chandra Bose, kêu gọi thành lập đạo quân giải phóng nước Ấn, rồi đến năm 1945, sang qua Việt Nam. Gặp lúc quân đội Nhật đầu hàng, ông cùng Chandra Bose cõ một phi cơ sang Nhật, rồi bị tai nạn giữa Thái Bình Dương mà cả thầy mất tích... Basu lớn lên, được mẹ, là một nhà văn xã hội, dạy tôn kính cha, dạy tôn kính những cao vọng nhân đạo, và tập tành cho chàng viết văn, làm báo. Từ khi bước chơn vào đại học, chàng đã nuôi chí viết một thiên khảo cứu về những ngày cuối cùng của nhà đại ái quốc Ấn Độ là Chandra Bose, mà nếu còn sống, ắt được dân chúng phụng thờ chẳng thua Gandhi. Vì lẽ ấy mà chàng học thêm tiếng Việt tại trường đại học Luân Đôn, và trong mấy năm, ngày nào chàng cũng nghe đài BBC về phần Việt ngữ. Nên chàng nói tiếng Việt rành lắm.

Càng moi sâu những tài liệu nói về Chandra Bose, Basu càng thấy hiện một vấn đề. Vào những năm cuối cùng của thế chiến thứ hai, mấy trăm triệu người Ấn đã quyên rất nhiều tiền, vơ vét vàng bạc, châu báu, đem ra xứ ngoài giao cho Chandra Bose để mua khí giới mà tuyển mộ binh lính cho đạo quân giải phóng nước Ấn. Số tiền kếp sù này chưa dùng, là Nhật đã bại trận. Bây giờ nó ở đâu ?

Theo hai người Việt đương cãi nhau, mà Basu nghe lóm được, bởi họ tưởng chàng là Ấn Độ, không nghe được tiếng Việt, nên không dè dặt, thì người ta tìm được gần Krongpha một cái hầm vàng. Và những biến cố chánh trị và quân sự trong thời gian gần đây là do sự các lực lượng đang tranh nhau để làm chủ cái hầm vàng ấy. Một nghi vấn nảy ra trong đầu óc của Basu. Biết đâu hầm vàng này không phải là của quân đội Nhựt dấu, như hai người Việt lập luận như vậy, mà lại là của Chandra Bose và bè đảng đã chôn ? Nếu quân đội Nhựt đã dấu, thì trong hai mươi năm nay, các tổ chức của họ đã lập thế mà moi lấy rồi. Đâu có bỏ quên như vậy được ? Chỉ có cái giả thiết là hầm vàng này do Chandra Bose dấu, rồi cả bọn bị tai nạn máy bay mà chết hết, thì hầm vàng trở nên vô chủ và bỏ lại đó đến nay. Basu đang miên mang trong những tư tưởng này, thì một nhà báo Việt đến nói chuyện với chàng bằng tiếng Việt, làm cho hai người kia ngơ ngác, kêu bồi trả tiền rồi đi.

Nhà báo Việt, tên Thượng Sĩ, cho Basu hay:

-- Đánh lớn ở Krongpha. Bên này mở cuộc hành quân lớn. Bên kia đem hai trung đoàn bao vây lại. Kịch chiến suốt 24 giờ rồi. Đoàn pháo

đài bay, từ Guam bay sang dội bom mãnh liệt, cứ cách mười thước là có một quả bom rơi xuống...

Basu nghĩ. Tại sao Krongpha ? Phải chăng rằng cuộc hành quân lớn đã mở ra đề yểm hộ cho một số người đến tìm tông tích của kho vàng của Chandra Bose ?

Phải chăng rằng cộng sản cũng hay được tin ấy, đến tìm cách giành làm chủ kho vàng ? Mà kho vàng có thật cùng chăng ? Hay là nó chỉ là do óc tưởng tượng xây dựng ? Rồi người ta giành nhau, chết hàng ngàn để tranh làm chủ một cái ảo vọng ?

Thượng Sĩ nhâm nhi ly quít ki sô đa, do bồi bụng đói, nghe rượu mạnh chạy trong máu, nói hăng lên :

— Năm 1945, tôi đã là cán bộ bí mật chống Nhật và chuẩn bị cuộc cướp chánh quyền của Việt Minh. Ngày cướp chánh quyền, tôi vác cò đi đầu. Một tháng sau, tôi lại đi đầu trong cuộc biểu tình, tổ chức tại bờ hồ Hoàn Kiếm, đề chống với việc Hồ Chí Minh ký hiệp định sơ bộ. Năm 1954, tôi di cư vào Nam, biết trước rằng tôi không thể nào sống dưới ách thực dân mới là ách của Trung Cộng. Tận trong xương tôi, tôi

ghét Tàu. Không biết cái đó có phải ông cha từ ngàn đời truyền lại không. Nhưng từ khi quân đội Lư Hán kéo qua, mà Việt Minh dạy dân căm rãng mà chịu những tai họa của lính Tàu, tôi đâm ghét lây Việt Minh, tôi bỏ hàng ngũ của họ, tôi chống lại họ. Vì tôi thấy trước rằng họ sẽ hàng đầu Tàu, họ sẽ làm nô lệ cho Tàu. Cộng sản Tàu lên nắm chánh quyền, bọn nô lệ mới này lấy áo ý thức hệ mà khoác lên, để che cái xác của chúng. Tôi biết rõ cái ấy, từ ngày mà họ lấy vàng gom góp của dân trong « tuần lễ vàng » để đánh khối lại mà lo cho thắng Tiêu Vân. Anh Basu, anh có biết Tiêu Vân chăng ?

Basu lắc đầu. Thượng Sĩ hợp thêm một ngụm nói tiếp :

— Tiêu Vân là một cộng sản, trá hình Cu-min-tăng, làm ủy viên chánh trị trong đạo quân của Lư Hán. Cộng sản và cộng sản với nhau, đồng chí và đồng chí với nhau, mà đồng chí cộng sản Tiêu Vân đã nuốt của đồng chí cộng sản Hồ chí Minh mấy tấn vàng mới chịu che chở cho khỏi bị Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Tam đảo chánh. Ý thức hệ là tấm tã lót dít cho trẻ con. ỉa vào đó. Chỉ có quyền lợi là thiết thực, chỉ có tình dân tộc là thiêng liêng. Anh Basu, tôi dám cá với anh điều này. Nếu mấy trăm tấn

vàng ở Krongpha mà lọt vào tay cộng sản, thì tất cả sẽ chở tận Bắc Kinh. Không có một gờ ram nào dính tay Hà Nội.

Thượng Sĩ nốc hết hai phần ba ly rượu đặt mạnh ly xuống bàn, nói tiếp :

— Máy tháng nhập đoàn vào Việt Minh, tôi rành cái biện chứng pháp của họ. Cán bộ của họ sẽ giải thích. Chia chi cho Hà Nội, đề rồi xây cất ra cái gì, thì bị oanh tạc mất đi cái nấy ? Nhiệm vụ của Cộng sản Việt Nam là trường kỳ cầm chơn cho quân đội Mỹ lún sình ở đây, mười năm, hai chục năm... Máy trăm tấn vàng à ? Thì chở hết về Tàu, đề cho các nhà bác học của Trung Hoa vĩ đại sử dụng mà chế ra những khí giới bí mật, hầu khi hồng quân Tàu xuất trận là nắm ngay thắng trận. Biện chứng pháp giải thích nghe có xuôi rớt lỗ tai không ?

Basu cười tủm tỉm đáp :

— Kế hoạch, họ tính rất là chặt chẽ, rất là khoa học. Họ có đấu óc tranh đấu, thì họ phải có kế hoạch tranh đấu.

— Nhưng tôi không thể chấp nhận sự thành công của kế hoạch ấy. Năm nay tôi năm mươi tuổi. Ngày mà Trung cộng tung khí giới bí mật để chinh phục thế giới, có lẽ tôi sẽ đếm được bảy mươi. Tôi phiêu lưu từ nhỏ, đến 1954 vào

Nam mới lập gia đình. Tôi nay góa vợ, song có được một trai tám tuổi. Chừng ấy, chắc tôi sẽ có ít đứa cháu nội, tuổi dưới mười tuổi. Tôi liệu tôi còn đủ sức mà âm thầm đưa lại lu nước mà động đầu nó vào nước. Tôi giết chúng nó hết, rồi tôi tự cắt cổ tôi. Tôi không muốn dòng họ tôi bị Tàu đô hộ lần thứ hai. Lần trước, chúng tôi mang ách một ngàn năm. Lần này, thì diệt chủng luôn.

Basu cười, khuyên ngăn :

— Anh say rồi ! Bỏ ly rượu đi, đừng uống nữa ! Chuyện anh nói làm tôi nhớ sức lại một công chức Việt Nam, ôm mấy đứa con đi trốn nước, rồi tởn phiên mình tự cắt cổ lại không dám, đề bị bắt, bị lôi ra tòa và bị kết án tử hình. Bị kết án tử hình, nhưng không bị hành quyết. Người ta cố ý nhắc là chớ nên nghĩ đại Anh lúc ấy già đã bảy mươi, mà còn nghĩ đại. Anh giết bảy cháu nội của anh. Nhưng thằng con trai anh còn sống. Nó sẽ có vợ khác. Nó sẽ sanh con khác. Dòng họ anh sẽ sống dưới ách của cộng sản. Vấn đề không phải là đến lúc ấy rồi chọn một biện pháp bi đát. Vấn đề là làm sao tránh cho không thể xảy ra cái lúc mà anh có thể nghĩ đến sự bi đát.

Basu vừa dứt lời, vừa bung ly rượu của Thượng Sĩ mà đồ xuống sau ghế. Chàng trả tiền cho bồi, nắm tay đồng nghiệp mà dắt ra ngoài. Một tắc xi trống vừa trò tới, chàng ngoắt lại, mở cửa xô Thượng Sĩ vào, leo lên sau và nói một địa chỉ cho tài xế.

## 9

Sau mấy tiếng gõ cửa, một cậu trai ló đầu ra nói :

— Bố tôi ốm. Không tiếp khách được...

Thượng Sĩ chận ngang nói :

— Biết rồi ! Từ mấy năm nay, ai cũng biết bố cháu chán đời, chưởi đồng cả. Ai cũng biết bố cháu vào đại học văn khoa, xách chai bia theo uống cho đầy bong bóng, rồi đáy giữa lớp, đề cho đám sinh viên thấy rằng thầy mình điên về thời cuộc. Rồi ai cũng biết bố cháu lộng giả thành chơn, giả điên hàng chục năm, rồi hóa ra điên thật. Nhưng cháu vào nói với bố rằng có chú Thượng Sĩ dắt một người khách ngoại quốc đến hỏi thăm về cha, là một người bạn thân của bố cháu.

Thiệu Đà nằm ở trong, nghe giọng quen, nói vọng ra :

— Vào đây ! Vào đây ! Ai đâu hỏi thăm về cha ?

Basu bước theo Thượng Sĩ, tiến vào căn phố hẹp, ngổn ngang những kiện hàng, chất đầy phòng trước. Vào phòng sau, chàng thấy một ông già sồn sồn, mình ở trần và vắn xà rồng, vừa đưa tay bắt chào, vừa nói :

— Thằng Ngô Đình Diệm đưa nước nhà đến cảnh thế này. Nó đã chết gần hai năm nay, mà nguy cơ chưa gỡ nổi. Tôi tập làm Cao miên, đề khởi tuổi hồ làm thằng Việt Nam trí thức mà cứu nước khỏi quốc nhục không được...

Thiệu Đà nói tới đây, nức tiếng khóc, lệ tuông ra, lăn tròn trên hai má, chậm chậm ngâm bài thơ chữ :

*Thế sự du du nại lão hà ?*

*Tá cuồng tưng thử vịnh bi ca.*

*Đắc thời mãi quốc vi anh tuấn.*

*Vận khứ anh hùng tắc quả ma !...*

Thượng Sĩ chặn ngang hỏi :

— Anh nói ai là kẻ mãi quốc mà làm anh tuấn ?

Thiệu Đà thôi ngâm thơ, đáp :

— Tao nói thằng nào bán nước cho Bidault,

lãnh trách nhiệm thi hành cái chánh sách thả sâu vào quả, để cho miền Nam Việt Nam này như trái bị đục khoét ở trong, mà rụng vào tay của Trung Cộng. Mầy biết thằng bán nước đó chó !

— Còn anh nói ai là kẻ anh hùng mà phải làm quỷ làm ma ?

— Tao đây chó còn ai nữa ? Bị văn nó buộc, tao phải dùng chữ quỷ ma. Chó tao còn tệ hơn bọn quỷ ma nữa ! Quỷ ma còn có kẻ sợ mà cúng cho con gà luộc, cho cái nòng heo. Còn tao điên cuồng như thế này, có ai xem bao bằng cái chi chi đâu ? Con vợ tao dung tao sống, vì nó sợ ở tù nếu nó giết tao cho chết phứt rồi. Chó nó chán có thằng chồng điên cuồng, từ sáng đến chiều churõi không ngớt. Churõi ai ? Churõi tất cả thiên hạ. Rồi tự churõi lấy mình.

Basu nãy giờ đứng chờ, xen vô nói :

— Bác nói bác điên cuồng, vậy cháu xin bác cho cháu thử có phải vậy chăng ? Bác có nhớ có một người bạn Ấn Độ, tên là Tarapada Basu, một sử gia như bác chăng ?

Thiệu Đài nheo mắt, cố tìm trong tiềm thức, giây lâu đáp :

— Basu à ? Sao lại không nhớ ? Cánh tay mặt của Chandra Bose mà ! Năm 1945, vào tháng

bảy, anh có đến Hà Nội mà diễn thuyết cho Ấn kiều. Rồi nghe nói anh ấy bị tai nạn phi cơ, cùng với Chandra Bose rơi xuống biển. Ấy ! Anh là người biết chết. Chết mà để lại sự yêu thương trong lòng của mấy trăm triệu đồng bào. Chết mà để lại sự kính phục của ngay bọn thù của mình. Chớ nào có ngu dại mà chọn cái chết trong phi nhò và nguyên rửa tất cả ?

— Như vậy thì bác còn sáng suốt lắm. Còn nhớ kỹ lắm ! Bác nào có điên ? Cháu đây là con trai của Basu, bạn của bác. Cháu quả quyết là bác không điên. Bác cố gắng lên, bỏ cái điên giả tạo để trở lại đời sống, nếp sống bình thường đi !

Đưa con trai đun nước xong, pha trà bùng lại, rót ra mời. Thiệu Đà mời Basu và đáp :

— Cái điên của bác không phải là cái điên giả tạo. Cái điên giả tạo là cái điên của họ Mao ở bên kia kia !

Basu cười dài hỏi :

— Bác chưa từng gặp Mao Trạch Đông, sao bác biết là Mao Trạch Đông mắc chứng điên giả tạo ?

Thiệu Đà hớp một ngụm trà nóng, có vẻ khoái trá cười hì hì, đáp :

— Bọn triết nhân Tây phương, bọn Heidegger, Sartre đề c o thuyết tồn sinh, không cắt nghĩa được chi ráo. Mao Trạch Đông; nào có lo việc tồn sinh cho tám trăm triệu người Tàu ? Năm 1954, tại một hội nghị Genève, Mao Trạch Đông bằng lòng theo thuyết cộng tồn do Nga chủ trương. Bây giờ Mao Trạch Đông lại chống với thuyết cộng tồn cũng do Nga chủ trương, và một mực chống lại thuyết đó, dầu phải nhận mấy ngàn quả bom nguyên tử rơi bên đất Tàu. Mạnh giẻ rách họ Mao còn lượm lại đề làm giấy.

Thuyết tồn sinh, họ Mao coi có ra gì ? Tự do chọn lựa ? Họ Mao đâu có tự do lựa ? Họ Mao bị bắt buộc phải làm cái gì ngược với Nga. Nga làm trắng thì Mao làm đen, đề chưỡi Nga. Nga chủ trương cộng tồn, thì Mao chủ chiến. Mao là một thằng điên. Điên cái điên giả tạo. Hi, hi, hi...

Thiệu Đà vỗ vế cười to. Thằng con trai thừa:

— Bệnh của bố tôi như thế đấy ! Luận bàn thế sự đề rồi chưỡi tất cả. Ai, bố tôi cũng đem ra mà mổ xẻ...

Thiệu Đà chận ngang, quát thằng nhỏ :

— Thằng ranh con ! Không đúng ! Bố mày chưa đem thằng cha Sartre ra mà mổ xẻ. Thằng

cha lãnh tụ của thuyết tồn sinh này cũng mắc cái chứng điên giả tạo của Mao Trạch Đông. Nó đâu có được tự do lựa chọn ? Nó bị bắt buộc chọn lựa cái thái độ nào mà thiên hạ thấy không chọn. Thiên hạ ai cũng cho là vinh diệu nếu trúng giải thưởng Nobel. Nó được trúng thưởng nó từ chối cái chơi ! Tồn sinh mà ! Thiên hạ ùn ùn ký tên phản đối bản án bỏ tù nhà văn Nam Tư vì cái gọi là tội dám tố cáo độc tài ở Nga. Nó không chia tay ký tên vào. Tồn sinh mà ! Thằng ranh con ! Tao biểu mấy chịu khó chép tất cả lời của bố mấy thốt ra từ sáng đến chiều. Rồi mấy đăng lên mấy sẽ xem. Văn của bố mấy sẽ được hậu thế sùng bái như hiện nay người ta đang sùng bái văn của Kafka. Mấy nghĩ kỹ xem. Cái thế giới này càng ngày càng điên, thì chỉ có thứ văn chương điên của bố mấy, điên mà biết mình điên, điên có hệ thống, có lập thuyết, mới nói được tiếng nói trung thực của thế giới. Mấy xem ! Thuyết tồn sinh của Sartre chỉ là một thuyết điên, điên mà giấu rằng mình điên, mà bọc cái điên của mình bằng một thứ bản thể luận rối rọt bông bong mà thiên còn ca tụng thay. Huống hồ là cái thuyết điên của bố mấy điên mà dám nói mình điên, điên mà xây dựng trên một nhận thức luận điên, một bản thể luận

điên, một nhân sinh quan điên. Ngôi sao của thuyết tồn sinh của Sartre sẽ lu lờ, nếu ngôi sao của thuyết « toàn cường triết luận » của bố mầy mọc lên. Thằng ranh con, mầy ngu lắm. Bố mầy mắt kém, tay rung, viết không được. Bố mầy đọc cho mầy chép. Mầy không chịu chép bộ « toàn cường triết luận », Ba mầy cũng ngu. Tao biếu bố vốn ra mà in bộ « toàn cường triết luận », thuê dịch ra đủ thứ tiếng. Sách sẽ bán chạy như tôm tươi. Bu mầy không chịu, cứ đâm đầu đi buôn bán, kiếm mỗi ngày không đến trăm bạc. Cả tháng nay, bu mầy không nuôi tao được một xi rượu. Có ngu không ?

Basu khuyên :

— Bác ơi, bác gái có lý mà buôn tảo bán tần. Sách của bác không ai thèm mua đâu.

Thiệu Đài vỗ lên trán một cái rầm, nạt to :

— Sao mà không mua ? Cả thế giới đang điên. Năm được tình năng nguyên tử, mà không dùng nó để mưu hạnh phúc cho loài người. Lại thi đua mà lao đầu vào cái chiến tranh tận diệt. Có điên không ? Đã điên đến như thế sao lại không mua sách « toàn cường triết luận » của tôi ? Sao không suy tôn tôi lên làm thủ lĩnh của cái ý thức hệ của thời đại ? Sao không mau mau trao giải thưởng Nobel cho tôi, để tôi mỗi bữa

cơm có một xi rượn uống - mà giải lòng sầu thế hệ ? Tarapada Basu ơi, Chandra Bose ơi, sao năm ấy các anh không rủ tôi cùng ngồi chiếc máy bay, để cùng rơi xuống biển cho rồi ? Để tôi sống chỉ thêm hai mươi lăm năm tủi nhục trong cái thế giới càng ngày càng điên ?

## 10

Lần lượt, khác đến nhà bác sĩ Bái, và đúng tám giờ cả thầy đều có mặt. Cầu Lệ khởi sự :

— Thưa quý vị, tôi xin lỗi thầy và ba nuôi để khai mào buổi nói chuyện ngắn này, để quý vị có một ý niệm khái quát hầu quý vị có thể hiểu cuộc thăm viếng mà chúng tôi tổ chức hôm nay. Lối năm mươi năm trước đây, nơi một làng hẻo lánh giữa rừng thuộc tỉnh Phan Thiết, có một ông đồ nho dạy chữ Hán và chữ quốc ngữ cho vài chục trẻ nhỏ của xóm. Ông là người gốc ở Hà Tĩnh, vùng sỏi đá không đủ đất cho nông dân cày cấy, nên những thanh niên cố gắng học hành, hề thi đậu thì ra làm quan ăn bổng lộc của triều đình, hề thi rớt thì đi đó đây mà dạy học đề cầu thực. Vào những năm thực dân đặt chân trên đất này, những thanh niên có học ở tỉnh này, đã mấy lượt, tụ tập nhau lại mà tổ chức làm cuộc phản đối ách ngoại bang. Có một lần, vị lãnh tụ, là có một phó đảng, tên Nguyễn Sinh Huy, vừa toan

tính ấy đã bị bại lộ. Nguyễn Sinh Huy bị đày vào Nam, đồ đảng bị phân tán các nơi. Nguyễn Sinh Huy đi vào Nam, có dắt theo một đứa con trai, tên Nguyễn Sinh Cung. Nhưng ông hận đời vì mình thất bại, ông mơ ước cho con thành công, nên ông cải tên lại cho, từ ấy Sinh Cung đổi tên lại là Tất-Thành. Và khi câu chuyện tôi thuật đây khởi đầu, cụ phó bảng Nguyễn Sinh Huy đã qua đời. Tất Thành đã thành niên, và sau khi lưu lạc đó đây, vừa làm thầy giáo ở trường tư Dục Thanh ở Phan Thiết, nên tìm đồ đảng cũ của cha mình mà viếng. Tất Thành đến viếng ông đồ mà tôi đã tả khi vừa khởi đầu câu chuyện, và theo tục lệ của xứ tôi, Tất Thành gọi bằng chú, mặc dù không có họ hàng.

Basu đưa tay ra dấu muốn chặn ngang. Cầu Lệ dừng lại, đề cho chàng đặt câu hỏi. Chàng hỏi :

— Thưa cô, Tất Thành nào ? Có phải là người từ năm 1920 tới 1945 đã hoạt động cho Quốc Tế Cộng Sản dưới danh hiệu là Nguyễn Ái Quốc, và từ năm 1945 cho đến nay, dưới tên là Hồ Chí Minh chăng ?

Cầu Lệ gật đầu. Basu tiếp :

— Xin lỗi quý vị cho tôi đặt một câu hỏi nữa. Chẳng hay ông đồ nho ở Phan Thiết tên chi ?

— Cầu Lệ đáp :

— Ông ấy tên Nguyễn Hữu Hoàn, là thân sinh của người bệnh mà chúng ta sắp viếng đây. Tên người bệnh là Nguyễn Hữu Ngự, mà trong những lúc lên cơn kịch liệt chối cái tên cúng cháo của mình mà vỗ ngực tự xưng là Ngê-Bá-Lí. Sờ dĩ chúng tôi tổ chức cho quý vị viếng và phỏng vấn Ngê-Bá-Lí, bởi vì trong các áng văn chương quốc tế, các văn hào đã tả những người bị lương tâm cắn rứt vì hành động của mình. Còn ở đây lương tâm của Ngê-Bá-Lí cắn rứt cho đến nỗi làm cho người phát điên lên, không phải bởi những hành động của mình, mà lại bởi một hành động của cha mình. Trong quý vị, có ai có óc phân tích tế nhị như Dostoiewski, ắt có một cái tứ đề viết một tiểu thuyết tân kỳ.

Nhìn vào đồng hồ tay, Cầu Lệ nói tiếp :

— Sau lời giới thiệu vắn tắt, tôi xin quý vị lên xe, kéo trễ hẹn. Và lại, nói chuyện thẳng với đương sự chắc chắn thích thú hơn là nghe kẻ khác thuật một cách khô khan.

Khách chưa kịp đứng dậy, thì bác sĩ Bái ra dấu cho cả thầy ngồi xuống và nói :

— Con gái tôi, từ phương xa về, không hiểu hết những tiều tiết, nên trong lời khai mào, quên phần quan trọng. Đã đành, chúng ta tò chức cho quý vị phỏng vấn một nạn nhân của thời cuộc, quý vị chưa hiểu chỉ đến thời bình ở xứ này, và có lẽ của cả cái nhân loại của ta. Trước khi gặp Ngê-Bá-Lí, quý vị sẽ gặp, và rất lâu, vị bác sĩ giám đốc của dưỡng trí-viện Biên-Hòa. Thà chúng ta đến trễ mấy phút, hơn là quý vị không biết chỉ về bác sĩ này...

Ulrich tán thành gật đầu. Hayashi và Basu cùng một lượt nói :

— Thật đúng lắm !

Bác sĩ Bái nói tiếp :

— Đồng nghiệp của tôi, nay chỉ huy dưỡng trí-viện, trước kia là một bác sĩ lỗi lạc về Tây-y, từ năm 1945, đã làm giáo sư ở Đại-Học Hà-Nội. Trái với các học trò của người, họ chỉ mới quẹt quẹt vài câu của Pasteur, là đã vội phủ nhận y học cổ truyền của phương Đông, giáo sư ta đã nghiên cứu rất kỹ Đông

Y, với nhãn quang của khoa học tối tân. Nhờ kiêm cả Đông Tây, mà nghệ thuật của người đến chỗ tinh vi, và nhờ đó mà danh tiếng đồn khắp cả xứ. Nên khi Việt Minh đoạt được chánh quyền họ liền lập tức chọn ngay làm y sĩ đặc biệt của Hồ-Chí-Minh và của các lãnh tụ của đảng cộng.

Phương Nữ chú ý đặc biệt, nên hỏi :

— Thưa bác sĩ, vị giáo sư ấy thế nào ?

— Ấy là Trần-Tuấn-Kiệt, sau này cũng làm y sĩ đặc biệt của Ngô-Đình-Diệm và trong vài năm, có dạy tại Y Khoa Đại-Học Sài Gòn về bệnh thần kinh. Tuấn Kiệt cũng có một ngòi bút tế nhị. Di cư vào Sàigòn, ông đã góa vợ. Hơn tiếp tục học thêm Đông Y với một ông lang họ Phạm, quê ở Bà-Rịa, quận Long Điền, ông tục huyền với đứa con gái út của Thầy. Nàng này không có Tây học, nhưng nhờ cha dạy, mà Hán học và Quốc học rất tinh thông. Và những tác phẩm, của vợ chồng chung ký tên là Phạm-Long-Điền, được đọc giả thưởng thức cái tế nhị của Đông Phương lẫn Tây Phương.

Bác sĩ Bái nói tới đâu, thì Ngọc-Thu dịch ra tiếng Đức cho Ulrich nghe nho nhỏ. Phương

Nữ cũng tóm tắt lại bằng tiếng Nhật cho Hayashi nghe. Hayashi ra dấu xin nói. Bác sĩ Bái nhường lời cho, và Hayashi nói :

— Làm văn sĩ, đã là bác sĩ đặc biệt của Hồ-Chí-Minh của Ngô-Đình-Diệm, nếu ông Tuấn-Kiệt viết một thiên hồi ký nhan đề là « Tôi đã là ngự y của hai vị hoàng đế nước Việt-Nam hiện đại Hồ-Chí-Minh và Ngô-Đình-Diệm » thì sách ấy dịch ra đủ các thứ tiếng, danh sẽ lẫy lừng, lợi sẽ to tát. Hiện nay, đã có thể có ba bản dịch rồi. Cô Ngọc Thu và ông Ulrich dịch ra tiếng Đức, ông Basu dịch ra tiếng Anh, Phương Nữ dịch ra tiếng Nhật và tôi gọt giũa lại văn cho. À tôi quên, nếu cô Cầu Lệ có thời giờ mà dịch ra Pháp và tiếng I-Pha-Nho, thì những điều tai nghe mắt thấy của các vị bác sĩ đặc biệt của Hồ-Chí-Minh và Ngô-đình-Diệm sẽ được khắp thế giới đua nhau mà tìm biết.

— Bác sĩ Bái ngăn lại :

— Đến Biên-Hòa khi gặp bác sĩ Kiệt, tôi yêu cầu quý vị chớ nên đem vấn đề, mà ông Hayashi vừa nói, ra mà bàn. Tôi sợ dĩ giới thiệu thân thế của vị đồng nghiệp của tôi, bởi vì tôi muốn quý vị có một ý thức rõ rệt về người mà thôi. Bác sĩ Kiệt là một trong số người hiếm hoi ở xứ này mà còn chịu ảnh

hưởng của Lão Trang. Người thường nói với bạn bè cái lập luận sau này mà người gọi là « lục cơ động tác » nghĩa là loài người động tác bởi do một, hay là nhiều, trong sáu cái máy này. Một là *lợi* : Đó là trường hợp của Ngô-Đình-Nhu và bọn chúng, có một túi tham không đáy, vơ vét bao nhiêu cũng chẳng đủ. Hai là *quyền* : đó trường hợp của Ngô-Đình-Diệm, Hồ-Chí-Minh và của tất cả nhà độc tài họ có thể sống kham khổ, nhưng chẳng hề chia quyền cho ai cộng tác với mình. Ba là *danh* : đó là trường hợp của Sartre và những ai giống như vậy, họ trọn đời tính toán làm cái gì nổi danh hơn thiên hạ mới thỏa mãn. Bốn là *công* : đó là trường hợp của Trương Lương có một chương trình diệt Tần, phá Sở, hề làm xong rồi thì « công thành, nhân chi phối » mà chẳng màng lợi, quyền, danh, chí cả. Bốn động cơ này có thể người thường cố gắng mà rèn luyện ép xác, thì làm nổi. Còn hai cái động cơ sau, cái thứ năm là *thuật*, cái thứ sáu là *đạo*, thì trong năm bảy trăm năm, một hai ngàn năm mới xuất hiện một người.

Basu nói :

— Vị loại như vậy là tể nhị lắm.

Bác sĩ Bái gật gù nói tiếp:

— Đề trị bệnh điên, Tây Y trước đây chỉ dùng thuốc. Từ ngày học thuyết của Freud thành hành, thì người ta bắt đầu dùng phân tâm học để giúp sức với thuốc. Bác sĩ Kiệt đi xa hơn, nghiên cứu Phật, Lão, Trang để phục hưng đạo đức của Đông phương, hầu cộng tác với Tây Y, mà trị tâm bệnh của loài người. Đầu tiên bác sĩ Kiệt trị lấy bản thân mình. Phân tích nội tâm hàng chục năm, ông nhận thấy mình động tác không do cái lợi. Há không biết rằng vợ chồng chịu khó viết thiên hồi ký, mà đề tài như ông Hayashi đã nói, thì thiên hồi ký ấy, dịch ra các thứ tiếng, sẽ in không biết bao nhiêu triệu quyển. Thời cuộc Việt Nam đã làm cho tất cả báo chí, tất cả đài phát thanh chăm chú, đề ý, xem ở Việt Nam xảy ra việc lạ gì. Một quyển sách như vậy, làm thỏa mãn lòng hiếu kỳ của tất cả, sẽ đem lại cho tác giả một số tiền to tát vô cùng. Vợ chồng ở không đi khắp đó đây du lịch, ăn xài sang trọng như đế vương, mẫu đời chưa hết. Nhưng đồng nghiệp tôi chẳng vụ lợi. Và ông cũng chẳng ham quyền. Phỏng ông ham quyền thì hồi làm ngự y Ngô đình Diễm, mấy lần

nhà độc tài họ Ngô hỏi ông có muốn làm Tổng trưởng bộ Y Tế, thì ông chỉ dạ một tiếng thì ông đã chêm chệ ngôi ghế Tổng trưởng rồi...

Bác sĩ Bái dừng lại, hớp một ngụm trà thắm giọng và nói tiếp trong sự im phăng phắc của thánh giá :

— Bác sĩ Kiệt cũng chẳng cầu danh. Bởi vì sau khi phối hợp Đông Y và Tây Y, đồng nghiệp của tôi tìm được một phương thuốc, chẳng những trị được tâm bệnh của người mà còn trị được thời bệnh của nhân loại. Tôi tin chắc một trăm phần trăm rằng nếu ông đem phương thuốc ấy mà công bố, thì ngay trong năm ấy, ông sẽ được, cùng một lượt mà lãnh hai giải thưởng Nobel. Một giải về Y Khoa, một giải về hòa bình. Hồi nào đến bây giờ, có ai mà trong một năm lãnh hai giải thưởng Nobel danh dự nhứt chẳng? Bác sĩ Kiệt chịu khó công bố mà thôi, thì danh có ngay tức khắc. lại lẫy lừng khắp thế giới. Nhưng bác sĩ của chúng ta, chẳng ham lợi, chẳng ham quyền, lại cũng chẳng ham danh nổi. Ông là hạng người như Trương Lương, chỉ cầu cho công được thành, rồi ăn vào rừng tòng, ăn cơm với rau, thưởng thức cái công được thành của mình.

còn ngon lành, hơn là ăn khô lân chả phụng.

Hayashi thắc mắc hỏi :

— Tôi chưa thấy do đâu mà động cơ tâm lý của bác sĩ Kiệt, là chỉ muốn cầu cho công được thành, động cơ ấy lại ngăn không cho ông công bố một phương thuốc trị bệnh cho từng người và cho chung cả nhân loại ?

Bác sĩ Bái đáp :

— Điều này tế nhị, tôi không đủ tài liệu để giải thích. Vả lại, tôi tự hỏi, mà tôi chưa biết tôi có quyền giải thích cho người khác nghe chăng. Vậy tôi nhường lời cho ông bạn cố giao của tôi, là ông Hồ đây. Người có đủ tài liệu để giải thích, và cũng đủ thẩm quyền để suy xét coi có nên giải thích cho quý vị nghe không.

Hồ đứng dậy, chậm rãi nói :

— Tài liệu thì quả tôi có. Nhưng quyền tiết lộ những tài liệu ấy, tôi chỉ có một phần. Tuy nhiên, bác sĩ Kiệt phải nắm một phần và khi hai chúng tôi thỏa thuận, thì một người trong hai chúng tôi mới được công bố. Bây giờ chúng ta trễ đến mười phút. Chúng ta hãy lên xe, với

tốc lực đặc biệt, chúng ta còn có thì giờ mà đến bác sĩ Kiệt không lỗi hẹn.

||

Ngồi gần Bác sĩ Bái, trong xe, Phương-Nữ hỏi :

— Cháu là sinh viên y khoa. Lúc này, bác nói bác sĩ Kiệt tự chữa bệnh cho mình. Nhưng thì giờ gấp rút, bác không vào chi tiết ấy được. Nay, cháu xin bác hé cho cháu thấy cách trị bệnh ấy làm sao. May ra cháu thấy một đề tài đề nạp mà làm đề tài của luận án cho cháu. Cháu chú ý đến điểm ấy lắm, nên tìm cách ngồi chung với bác một xe, bên cạnh bác, để có hoàn cảnh hỏi bác. Xin bác đỡ đầu cho một sinh viên vào hàng con cháu bác, và cũng có thể cho mình là một tín đồ của chị Tuyết-Lê con gái yêu của bác.

Nghe nhắc tới Tuyết-Lê, bác sĩ Bái cảm động, nén hai hòn lệ trào ra, nhìn vào xa xăm và nói :

— Học thuyết của Freud, cháu đã biết Bác sĩ Kiệt, sau khi nghiên cứu và tìm thấy «lực cơ động tác» rồi, kết luận rằng tâm lý của mỗi

người đều do một, hay là nhiều, động cơ này thúc đẩy, và nếu không thỏa mãn được, động cơ này dày dò tâm hồn mình. Kẻ bị động cơ dày vò nhà Phật gọi là dục vọng. Những kẻ «chương nguyên trong đạo Phật tưởng đâu rằng dục vọng chỉ do lòng tham của xác thịt, của ý muốn chiếm hữu sắc đẹp, tiền bạc, sản nghiệp, lợi quyền, danh. Tác giả của chuyện ngắn *Con thằn lằn chọn nghiệp* tế nhị, đã chứng minh bằng nghệ thuật, rằng lòng muốn thành Phật cũng là một dục vọng nữa. Dục vọng mà không thỏa mãn, bị dồn ép. thì người có thể điên. Bác sĩ Kiệt tự phân tích lòng mình, xét mình, biết mình cũng bị động cơ thôi thúc. Động cơ ấy là lòng muốn công thành, Từ năm 1947 đến năm 1954, ông vui sống trong tham khồ, giữa rừng thiêng, nước độc trong mọi sự thiếu thốn vật chất dưới đe dọa của bom đạn, để làm y sĩ đặc biệt của Hồ-Chí-Minh và các lãnh tụ đầu não cộng sản bởi vì ông nắm được cái hi vọng rằng công ông thành. Tôi không nói cái công mà ông nhằm đo là công gì, bởi vì nó không thuộc về y học. Nhưng đến năm 1954, sau đình chiến, các lãnh tụ Cộng sản không dùng ông làm y sĩ đặc biệt nữa, vì họ không còn ở trong thiếu thốn, ông biết trước rằng ở lại ngoài Bắc,

công của ông lại sẽ không thành; ông lại trốn mà đi cư vào Nam. Bảy giờ, được Ngô-Đình-Diệm chọn làm y sĩ đặc biệt, ông lại nuôi một cái hi vọng mới, là xây dựng một công nghiệp mới. Chẳng dè một ngẫu nhiên và tôi không có quyền phanh phui cái ngẫu nhiên ấy ra làm sao, làm cho ông mất cái chức y sĩ đặc biệt. Ông thấy công nghiệp ông không thành, hóa ra thất vọng, muốn điên. Cũng may là ông bạn của tôi, là ông Hồ, hiểu được nỗi lòng của ông Kiệt, nên tạo cho ông một hi vọng. Ông ngúi ngoai lãnh làm giám đốc của dưỡng trí viện Biên Hòa, để chờ ngày thực hành công tác. Đó, cô đã hiểu chưa? Phương pháp trị bệnh của bác sĩ Kiệt là là nhận chân cơn bệnh của người do nguyên nhân nào mà sanh ra, hễ là do dục vọng không thỏa mãn dày vò, thì tìm cách làm cho dục vọng ấy thỏa mãn.

Phương Nữ hỏi :

— Như vậy thì phép trị bệnh của bác sĩ Kiệt trái với tôn giáo sao ? Các tôn giáo chủ trương diệt dục, còn bác sĩ Kiệt dùng phương pháp thỏa dục.

Bác sĩ Bái đáp :

Bề ngoài hình như vậy song thật sự cái không nghịch nhau, nếu ta đi sâu vào chi tiết. Đề làm cho thảo mãn dục vọng, trước hết bác sĩ Kiệt dùng thuốc mà làm cho dục vọng ấy chịu bớt đi. Đạo Phật và Lão đạo đồng ý về tiêu tiết này, nên chủ trương cho tín đồ ăn chay, đề cho thịt cá, các chất bổ kích thích như hành, hẹ; tôi nén không làm cho xác thịt đòi hỏi việc nhục dục. Nhưng đạo Phật và đạo Lão chỉ thấy có chút xiu dục vọng, của xác thịt Bác sĩ Kiệt vượt xa hơn. Người nghiên cứu đủ mọi hình thức của dục vọng, do xác thịt, do lợi, do quyền, do danh, do công, do thuật do đạo mà tìm thuốc đặc thù đề là dịu dục vọng. Việc ăn chay chỉ là cho dục vọng đừng cho tăng lên, chớ không làm cho giảm bớt. Thuốc của Bác sĩ Kiệt nghiên cứu nhằm mục đích làm giảm bớt dục vọng. Nhưng mà giảm thì giảm phần nào đó thôi. Giảm cho đến cái mức mà phương pháp thứ hai là thỏa mãn phải đem ra áp dụng.

Bác sĩ Bái vừa nói tới đó, thì xe đã ngừng ngay trước thềm nhà riêng của bác sĩ Trần tuấn Kiệt.

## 12

Bác sĩ Kiệt đứng dậy nói :

— Quý vị muốn hiểu phương pháp trị tâm bệnh của tôi, tôi rất vui lòng mà trình bày. Riêng về bệnh nhưn Nguyễn hữu Ngự, tôi chỉ cho phép quý vị, phỏng vấn với điều kiện. Điều kiện ấy, là quý vị không được phép hỏi bệnh nhưn về việc ông thân sinh của bệnh nhưn là cụ Nguyễn hữu Hoàn, độ năm mươi năm trước đây, đã mắng ông Nguyễn tất Thành thế nào khiến cho ông này bỏ xứ, lưu lạc hải hồ, mà bây giờ trở nên Hồ chí Minh. Tôi biết rõ chi tiết ấy. Quý vị tò mò, tôi sẽ thuật mà nghe. Nhưng quý vị hãy hứa danh dự với tôi là không đã động việc ấy với bệnh nhưn. Tôi đã khờ sớ năm bảy lần rồi, vì chút xiu ấy. Bởi vì bệnh nhưn có cái mặc cảm phạm tội rất nặng nề, không phải cho mình, mà cho cha mình. Trong mấy lúc lên cơn điên, bệnh nhưn luôn luôn nói : «Hồi đó mà cha tôi không mắng cho tôi, một mách khiến cho y bỏ xứ mà lưu lạc giang hồ, đi làm cách mạng, thì quá y sống sống một đời tâm thương của một thầy giáo

tư thực, ở một tỉnh nhỏ. Và cầm vận mạng miền Bắc, ắt là một người khôn ngoan hơn, tránh cho dân tộc khỏi rơi vào ách nô lệ của Mao Trạch Đông, miễn cho dân tộc chém giết nhau gần chục năm rồi và còn có thể đổ máu mấy chục năm nữa. Cha tôi là Nguyễn Hữu Hoàn lái Nguyễn Tất Thành trốn ra ngoại quốc, năm mười năm sau nước non như thế này, cha tôi đã phạm tội lớn với tiền non. Cha tôi đã phạm tội với non sông. Cha tôi đã phạm tội với dân tộc ! Cái mặc cảm phạm tội giùm cho cha này đè nặng lên tâm tư bệnh non. Tôi trị cho bệnh non mạnh, rồi để cho tự do về đời sống hằng ngày, rồi có kẻ vô tình hay hữu ý, và trong lúc mà thần kinh của người bị cảm xúc mạnh, kẻ ấy hỏi ngay tiểu tiết nọ, thì cơn điên lại tái phát. Và trong lúc điên một, ai vô ý mà động lại vết thương lòng, thì bệnh non điên gấp mười lên. Quý vị đã hiểu cái lý vì sao vị y sĩ, là tôi, có phận sự chăm sóc bệnh non Nguyễn Hữu Ngừ phải bắt buộc điều kiện cứng rắn như vậy. Bây giờ tùy quý vị. Ai muốn nói chuyện với bệnh nhân Nguyễn Hữu Ngừ, thì trước phải đưa tay lên mà hứa danh dự không động tới vấn đề tabou ấy.

## 13

Nhờ bạn mình, là Hồ, cắt nghĩa rành rẽ, Ulrich đã hiểu rằng cuộc phỏng vấn Ngê Bá Lí ở nhà thương Biên Hòa này quan trọng vô cùng. Nên từ sáng, người đã cho một ê kíp nhiếp ảnh và thâu thanh lên làm một cuộc phóng sự có ghi âm về cái thế giới điên ở Việt Nam.

Về bề ngoài, cái thế giới này không có chi làm cho dễ ý rằng dân cư là người điên. Xe hơi qua khỏi cổng, du khách thấy hai bên là mấy ngôi nhà thấp dùng làm văn phòng, giống như một nha nào đó. Công chức làm việc cũng cần thận, cần cù, nhưng có lẽ, làm công chức ở một nhà thương điên cũng có một cái gì đặc biệt, khác hơn là công chức ở các nơi khác. Nơi mặt, nơi mắt, trong tiếng nói, phim ảnh và băng nhựa dường như cũng ghi được điều đó... Một cây cầu nhỏ, bắc ngang qua một dòng nước uốn quanh. Không có sò sò nắm đất bên đàng, không có dầu dầu ngọn cỏ. Mà lại một bia khắc tên vị bác sĩ Nguyễn Văn Hoài, người đã chỉ huy viện này trước đây, bia dựng trên một đám cỏ xanh tươi. Tại sao bác sĩ Hoài được đề cao như vậy? Vì bác sĩ nghiên

cứu, thấy bao nhiêu kẻ vì lợi, quyền, danh, công... thấy có một chút cái điên trong người và kẻ làm thần tượng cho công chúng lại là kẻ mà chất điên nhiều hơn đồng bọn của mình một tí, nhưng chưa đến nỗi loạn óc. Bằng chứng là Hitler, mà đã một hồi dân tộc Đức lên cơn tôn sùng như thánh sống. Bác sĩ Hoài có viết một tác phẩm để chứng minh rằng đứng về phương diện khoa học. Hitler có đủ triệu chứng của một người đau bệnh điên. Hitler cũng chỉ là một ví dụ mà thôi. Chỉ huy loài người, biết bao kẻ đích thị là điên mà quần chúng trong một thời lên cơn, đã suy tôn lên làm lãnh tụ của mình. Bác sĩ, bạn với Hồ, đã tìm ra một phương pháp để cho người điên tự mình trị lấy mình. Tôn giáo. Tôn giáo nào cũng được. Một cá nhân lên cơn điên, có thể làm dịu sự điên rồ của mình bằng tôn giáo. Mà một dân tộc lên cơn điên, lại càng cần dùng tôn giáo hơn nữa. Ờ ờ, cái phim ảnh bằng nhựa dường như ghi được nơi mắt, nơi mắt, nơi tiếng nói của công chức là cái thần tôn giáo. Sống trong xã hội người điên bức mình lắm. Điên là một thứ bệnh truyền nhiễm lắm. Thấy người điên, thét rồi ngấy, hóa ra điên mất. Không khác nào ở trong nhà thương cùi, lâu chầy rồi cũng vương vi trùng Hansen ; ở

trong nhà thương lao lâu chầy rồi cũng vướng vi trùng Koch. Nếu chẳng có một sự hi sinh, dễ mấy ai chịu sống gần gũi người điên dề mà bị nhiễm ?

Xe lên lối trên đường quanh co, ngang dọc giữa những tàng to bóng mát. Cách cách, những ngôi nhà trệt, giống như biệt thự của những ông tiểu tư sản. Cảnh khiêu gợi an nhàn, sự tin tưởng tôn giáo, sự thoát tục. Phép vị loại của bác sĩ Kiệt thể hiện bằng cách chia bệnh nhơn thành khu vực. Hạng bệnh nhơn đông đảo hơn tất cả thuộc về hạng bệnh về «lợi». Có cái lợi về «sinh lý». Bệnh nhơn thuộc loại này, hầu hết là đàn bà. Bác sĩ Kiệt giải thích :

— Đàn ông bị dục vọng của xác thịt, có thể làm thỏa mãn dục vọng ấy với bọn mãi dâm, với lối cưới vợ có hôn thê, hay không hôn thê công khai hay bí mật. Nhà văn Vũ Trọng Phụng tả một ông nghị Hách nhơn lên cơn điên kéo một gái nhà quê vào xe mà «giải quyết» cuộc lên cơn. Ở chợ Lách trước đây, có một ông phủ ngồi quận, lúc lên cơn, trời hừng hừng, ra nằm núp trong bụi, chờ đoàn con cầy đi qua rình chụp người đi chót kéo vào bụi... y hết như cộp rình chụp người đi chót móc họng mà

ăn thịt vậy. Không cần biết con cầy ấy là đẹp không, già, trẻ. Miễn là miếng mồi giống như con thịt đi sau chót bị cọp chụp là thỏa mãn ông phủ ấy rồi. Ai cũng cho rằng tiền kiếp của ông phủ này là cọp, nên rất thích thú cái lối vồ con thịt như vậy. Nên gọi ông là « cọp Chợ Lách ». Thật ra, ông có hung dữ chút nào đâu ? Ông nghị Hách, « cọp Chợ Lách », khi lên cơn điên, mà dục vọng được thỏa rồi, thì dục vọng độ xuống. Còn phụ nữ bị tục lệ, xã hội ràng buộc. Lúc lên cơn đâu có thể làm nghị Hách, như cọp Chợ Lách.

Ulrich xen một câu :

— Nhà văn Anh là Lawrence, trong tác phẩm *Tình như Chatterley như*, đã có một lập trường giống như bác sĩ. Mỗi khi phụ như lên cơn thì làm cho dục vọng độ xuống một cách độc đáo...

— Nhưng gái chưa chồng, nhứt là ở thôn quê là nơi mà phong tục ràng buộc, dục vọng không làm sao thỏa mãn được, điên cuồng lên. Người Việt gọi bệnh ấy là « mắc dăng dưới », và hiểu rằng các cô ấy dương tư thông với con quỷ có tên là Hà Bá... Nhiều cô mắc dăng dưới, rồi điên luôn và gia đình gởi đến đây. Bệnh này khó trị lắm. Bởi vì luật

pháp không cho phép chúng tôi áp dụng một phương pháp trị bệnh một cách hợp lý...

Thính giả cùng cười rất hồn nhiên. Chỉ có mấy cô lộ một cái thẹn cũng hồn nhiên. Bác sĩ Kiệt nói tiếp :

— Nổi theo số người bị bệnh về sanh lý, ấy là kẻ thất vọng về tiền tài. Làm ăn thất bại, của cải bị chúng giựt, mua giấy số xò ra trúng, nhưng lại làm mất tấm vé đi. Trong vị loại, đáng lẽ phải có một khu vực để giữ những người «điên về quyền». Nhưng hạng này nếu họ thành công thì họ cầm quyền mà ngồi trên đầu, trên cổ mình, ai dám bắt họ mà gởi lên đây. Còn nếu họ thất bại, thì không phải nhốt họ ở đây. Họ bị nhốt ở Chí Hòa. Họ bị đày ra Côn đảo, họ bị cách mạng nổi lên giết quách.

Đoàn xe đến một góc. Bác sĩ Kiệt giới thiệu một «bệnh nhờn» tuổi hơn năm mươi và nói :

— Qui luật của dưỡng trí viện này, do chế độ thực dân đặt ra, làm cho lắm người điên lại ở ngoài vòng pháp luật, còn kẻ chẳng điên lại bị nhốt. Đó là trư ờng hợp của ông

này. Ông vô số «phong thần», bị nhốt ở đây tháng hai năm 1945, nay đếm hơn hai mươi năm. Bác sĩ Hoài có nghiên cứu trường hợp của ông và đã ghi vào một hồ sơ đầy đủ. Đọc hồ sơ này, thật là một tiểu thuyết. Ông vốn là một tiểu phú, gốc ở Hậu giang. Hai vợ chồng có học, bà vợ đọc được tiểu thuyết Pháp. Thấy nghề làm ruộng cực khổ, ông bán hết sự nghiệp lên Xuân Lộc khẩn rừng, phá hoang mà lập đồn điền trồng cao su. Ông chỉ có cái tội là cường độ kém, không làm thỏa mãn sinh lý của vợ, thêm lo làm ăn cả ngày và lúc mới lập đồn điền thì lo cả đêm, đâu còn thời giờ mà làm phận sự người chồng. Dục vọng xác thịt của bà không thỏa mãn, một chứng điên nhúm lên. Ở rừng không có chi giải buồn, bà đọc tiểu thuyết. Chính là quyển tiểu thuyết mà ông Ulrich nhắc lên lúc nãy là đầu dây mối nhợ cho tiểu thuyết thực mà chúng ta chứng kiến. Bà đọc, thấy Chatterley phu như giải quyết cơn điên sinh lý của mình với anh phu trẻ tuổi làm vườn, những cảnh ngoại tình mà nhà văn Lawrence tả một cách sôi động làm như lửa nung sôi lòng của bà. Dân không được, bà bắt chước phu như mà giải quyết với anh sếp-phơ của mình. Với anh sếp-phơ

bà sống những phút say sưa, thỏa mãn của Chatterley phu nhơn. Phần sợ bị chồng bắt, phần sợ bị mất những say sưa, bà lập kế... để miên trường sự say sưa ấy. Giết chồng để ở luôn với tình nhơn ư ? Không được. Ăn mạng sẽ dẫn đến kết quả là công lý sẽ can thiệp. Bà sẽ ở tù. Vào tù, ngoài sự mất tự do, ngoài sự ăn uống khổ cực, còn việc làm sao mà thỏa mãn xác thịt dày vò ? Không biết làm sao mà bà biết cách là làm cho ông điên nặng trong 48 tiếng đồng hồ.

Basu lấy làm lạ hỏi :

— Làm cho người ta điên trong một thời gian lâu như vậy được à ?

— Được ! Ở Mê Tây Cơ có giống nấm, tiếng Pháp gọi là *champignons hallucinogènes*. Uống một chút xiu thôi, thì thấy tinh thần lâng lâng. Không khác nào kẻ vừa dùng ma túy. Uống quá nhiều, thì thấy mình thành tiên bay lên cõi xa xăm, gặp các đấng mà bàn bạc về những vấn đề siêu thoát. Uống quá nhiều, thì điên thật tình, chừng nào chất nấm bị bài tiết hết ra khỏi cơ thể thì hết điên. Ở đất này, có một thứ cây có một tánh chất giống như loài

năm ấy. Có lẽ, ông này đã bị vợ cho uống một thứ gì chế bằng thứ cây nọ. Và ông đã điên và bị chơ gởi vào đây. Sau 48 giờ, thuốc đã già, hết cơn điên giả tạo này, ông tỉnh lại hoàn toàn. Song theo qui chế của dưỡng trí viện này, một bệnh nhơn nào bị gia đình gởi vào, mà không được gia đình lãnh trở ra, thì dưỡng trí viện không có quyền thả ra. Hơn hai mươi năm, ông bị nhốt trong này. Chán quá, bị tòa án kết án, còn mong mãn án, khỏi cảnh tù tội, hoặc còn mong có cách mạng, có ân xá mà có lại tự do. Còn đang này, bị vợ chánh thức, có hôn thú, kêu án chung thân, biết ngày nào mãn án? Có cách mạng, ai lại thả một người «điên» để phá làng phá xóm sao? Có vị tổng thống nào «anh minh», dám ân xá, để cho ông về thấy cảnh của cái bị cướp, vợ ngoại tình nhốt mình trong tù, rồi ông phát điên thật tình, giết gian phu dâm phụ?

Ulrich nghe Ngọ Thu dịch lần lần, gật gù rồi nói :

... Phi lý ! Nã hội phi lý : Kẻ điên như nhơ hưởng tự do, còn người không điên bị nhốt, chẳng biết lúc nào được thả. Vợ cho tã chết đi, ai có quyền đại diện cho gia đình mà

lãnh ra ? Ở tù chung thân à ? Phi lý !

— Đúng vậy ! Bác sĩ Hoài cho mượn tiểu thuyết mới cho ông này đọc. Đọc xong Malraux, Sartre, Camus... ông bỉnh ta đâm ra viết tiểu thuyết và làm thơ.

— Chẳng hay tên tiểu thuyết và các tập thơ là chi ?

Bác sĩ Kiệt đáp :

— Tiểu thuyết nhan đề là *Chứng nào người điên trở về* ? Nói theo đó là *Khi người điên trở về*... Còn mấy tập thơ đều có chung một tên là *Thơ điên*.

— Chắc những tác phẩm này độc đáo lắm.

— Tôi không có quyền tiết lộ. Song quý vị suy ra, ắt cũng hiểu được phần nào. Tác giả đã sống thật với cái phi lý, cái cô đơn khắc khoải tâm tư, ắt đâu cần một cái hứng giả tạo. Cũng không cần xây dựng một cốt truyện cầu kỳ. Sự thực đã quá kỳ lạ rồi. Và trọn ngày gọt giũa câu văn, suốt hai mươi năm, có lẽ tác phẩm có cái gì vượt hẳn... Ông Ulrich là một nhà văn, cốt chuyện như vậy chắc ông khai thác được mà sáng tác.

## 14

Ngê-Bá-Li người gầy đét, tóc hót ngắn, luôn luôn dựng ngược, dường như muốn làm mấy cái lông nhím mà bắn khắp nơi. Mặt có vẻ luôn luôn âu lo, mắt hình không ngó ra đề từ mình đàm thoại với mình. Thỉnh thoảng tìm được một từ nào hay, thì cười hắc hắc, tay phải đặt lên ngực như dẫn trái tim lại, tay trái đưa lên cao, làm như một nhà thuyết pháp đang giảng đạo lý cho đám tín đồ của mình. Người nói :

— Máy thẳng cha viết sử, xách lúp mà tìm xem chơn lòng của mụ Võ Hậu như thế nào nên khiến mụ ta đâm dặt như vậy, chẻ tóc làm tám đề suy luận xem Hùng Vương của nước Văn Lang có phải là chư hầu đã làm chúa nước Sở bên Tàu chẳng. Máy cha nội ấy mê mãi trong chi lý, mà không đề ý đến những vấn đề trọng đại của lịch sử...

Ngê-Bá-Li vừa nói tới đó, thì đoàn người do bác sĩ Kiệt hướng dẫn vừa bước đến ngưỡng cửa. Kiệt nói :

— Giáo chủ thuyết pháp mà chẳng có tin đồ nghe, ắt không được hưng cho lắm. Nên tôi mạn phép mời quý vị đây đến nghe. Vậy mời giáo chủ tiếp tục !

Ngê Bá Lí vui vẻ bắt tay mọi người, mời mọi người ngồi bệp xuống đất như tục Nhứt Bồn, còn mình thì đứng mà tiếp tục nói :

— Tôi nói hiện tượng lớn trong lịch sử là hiện tượng tôn giáo. Các nhà tư tưởng Tây phương nông cạn, bởi nông cạn nên kêu căng cho rằng tôn giáo không đáng kể. Họ cho rằng đáng kể là chánh trị, là kinh tế, là triết học, là quân sự. Nào hay đâu các thứ ấy chỉ là các thứ Tồn Hành Giả, Bát Giải, Sa Tăng, con Long Mã mà thôi. Tôn giáo là thầy Đường Tăng, coi mềm nhũn vậy, chẳng có chút phép mầu, thế mà là « sư phụ » của cả thầy. Từ mấy ngàn năm ảnh hưởng của chánh trị, kinh tế, triết học quân sự giống như các lâu đài bằng cát mà trẻ con dấp trên bãi biển. Những đợt sóng của thời gian ào tới, quét sạch còn lại gì đâu ? Ầ, ồ, ồ. Hãy còn ! Hãy còn ! Cái còn ấy là tôn giáo !

Hồ ra dấu muốn nói. Ngê bá Lí nhường lời cho và Hồ hỏi :

— Ông nói như vậy, ý ông muốn xưng ra một tôn giáo mới để cho ông làm giáo chủ chẳng?

Ngê bá Lí nghe rằng, cười, hai tay đưa lên trời dường như đón rước cái gì từ trên không rơi xuống vậy, rồi hốt cái vô hình ôm vào lòng có dáng sung sướng như người mẹ ôm con mà cho bú. Hayashi và Ulrich nhìn Hồ, muốn hiểu Ngê ta làm gì như vậy. Hồ giải thích :

— Bấy lâu nay, Ngê bá Lí ôm một hoài bão lớn. Ngê bá Lí ôm một hoài bão lớn. Anh nói, Lưu vực sông Nil, đã là nơi phát tích của cái tôn giáo cổ của Ai cập Vùng sông Hố đã là nơi phát tích của đạo của Moise và Jésus. Sông Hằng đã nung nấu cho đạo của Thích Ca, sông Hoàng đã là khởi điểm của đạo tu tiên của Hoàng Lão. Rồi Ngê bá Lí làm một bài thơ, nhan đề là *Ta chờ*. Chờ gì? Ngê bá Lí chờ từ lưu vực sông Cửu long xuất hiện một tôn giáo mới để ngăn « Mác lê hống hách tràn U-Ran ». Khi tỉnh trí, Ngê bá Lí biết mình trí kém tài sơ, thì chỉ mong chờ. Nhưng lúc lên cơn, thấy chẳng có ai ôm chí lớn ấy, nên tự cho mình có sứ mạng thiêng liêng là lập cái tôn giáo mới ấy!

Ngê bá Lí quát to :

— Không phải ! Im mồm ngay !

Hồ nhún nhặn nói nhỏ nhẹ :

— Nếu tôi nói không phải, thì mời ngài giải thích cho bà con nghe. Chúng tôi là người phạm tục, muốn hiểu phải nhờ lời, nhờ chữ. Chớ nào đã đạt cái hạnh Bồ tát mà hiểu cái vô ngôn !

Nghe bá Lí híp hai mắt lại, buông xụi tay xuống, rồi, mắt vẫn nhắm, từ từ nói :

-- Thằng cha Võ Phiến ở nhóm *Bách Khoa* phải đề hơn mười năm mới nhận thức một sự thật mà đáng lẽ tất cả người Việt nào cũng phải biết. Từ đèo Hải-Vân trở ra, không có cái hồn tôn giáo đích thật. Dân đảng ngoài chỉ có cái vỏ ngoài cái email tôn giáo mà thôi. Người đảng ngoài chỉ theo những tôn giáo cò truyền mà tổ tiên, ông bà cha mẹ truyền lại. Còn từ đèo Hải vân trở vào càng gần lưu vực sông Cửu Long, cái hồn tôn giáo mới càng bàng bạc, càng mãnh liệt. Cái tôn giáo huyền bí nhứt của miền Nam là Bửu sơn Kỳ hương, bây giờ tục danh là Hòa Hảo, chỉ tràn lan đến bờ sông Đồng Nai mà thôi. Đạo Cao Đài hơi duy lý hơn một chút, thì tràn

ra đến Quảng nam là đuổi sức. Ngê bá Lí ta thì cha là người Hà tĩnh, mẹ là người Phan thiết, ta cũng sanh và trưởng ở Phan thiết, làm sao ta có tâm hồn tôn giáo sung mãn để làm giáo chủ của cái đạo mới ? Thằng cha Hồ này là người miền Nam, sao nông cạn mà bảo ta hoài bão cái mộng sáng tạo ra tôn giáo mới ?

Hồ cười hì hì, nói khích :

— Vậy chớ người sáng lập tôn giáo mới ấy là ai ?

Ngê bá Lí vẫn nhắm hít mắt, từ từ đưa tay mặt lên, chìa ngón trỏ mà chỉ thẳng, nói :

— Sáng lập tôn giáo mới này, không cần tìm đâu xa. Người ấy ở ngay trước mắt ta, ta không cần mở mắt ra mà nhìn mới thấy. Người ấy đã được nàng Tuyết Lê báo cho thiên hạ biết trước, như thánh Jean-Baptiste báo trước Jésus xuất thế. Các người muốn biết, thì dò theo ngón tay ta mà hướng theo đề nhìn ! Basu lật đật chạy ra sau lưng Ngê bá Lí mà nhìn theo ngón tay chàng.

**Hết phần thứ nhứt.**

## PHẦN THỨ HAI

### CẦU CHƠN

#### I

Mưa liên tiếp trút nước trong ba ngày đêm. Đường sá lụt lội, sinh lầy trơn trượt. Có chỗ nước dồn lại từ các dốc mà đổ xuống, thành những con suối sâu và rộng chảy như cắt. Đã tám giờ rồi, mà ánh sáng mặt trời chưa xé mây nổi mà bắn được tia nào. Mây đen và dày nghịt báo hiệu rằng sẽ còn những cơn mưa dữ dội nữa.

Đại úy Đặng Võ Cầu Chơn dẫn hai đại đội, phân làm sáu toán mà len vào sáu con đường mòn của khu rừng này. Chàng luôn luôn đề ý nghe trong máy viễn thông, những tin tức do các phân đội báo cáo lại, và mỗi phút báo cáo tình hình chung cho cấp chỉ huy. Trĩ chăm chú như thế, mà không ngăn được

nhưng hình ảnh chớp nhoáng mau lẹ xẹt vào lòng chàng.

Mười hai năm trước, chàng đỗ tú tài, được bác sĩ Bái cho tiền sang Pháp học. Và chàng học toán, tính đề dự bị thi vào các trường lớn, hầu trở nên kỹ sư. Nhưng chàng lại đổi ý, ghi tên học khoa học, đề tìm cách lập một lý thuyết, đề giải thích lắm hiện tượng mà khoa học bây giờ chưa giải quyết nổi. Rồi năm ấy, hai nhà bác học Trung Hoa, dựa vào quan niệm âm dương mà đưa ra một phát kiến mới về cơ cấu của vật chất, nên được giải thưởng Nobel. Chàng suy tư đề tìm ra do đâu mà còn quan niệm được thuyết âm dương này, và dân tộc nào đã phát kiến trước nhất cái quan niệm ấy. Chàng thị kiến, thấy hình như dân tộc Việt là thi tổ của thuyết này. Rõng là Lạc Long Quân, là dương. Tiên là Âu Cơ, là âm. Sự kết hợp của dương và âm, Rõng và Tiên sinh sinh hóa hóa. Chàng viết thư về nhờ cha tìm tài liệu đề cho chàng nghiên cứu về Kinh Dịch, thì cha chàng khuyên chàng nên về mà học với một bậc thâm nho, vì theo vị này, có lắm chỗ nên biết, mà ở trong sách không có chép.

Cầu Chơn vâng lời cha về xứ. Mỗi tuần chàng dạy học ít giờ để sống, còn từ sớm đến khuya chàng nghiên cứu với vị thâm nho. Nhờ cha chàng vừa tìm được một ông đồ vừa phát minh một phương pháp đặc biệt để dạy chữ Hán, người thông minh và có một trình độ học thuật rộng, chỉ mất ba bốn tháng thì đọc sách được, nên chàng đã học ngay được Kinh Dịch. Ông đồ nho dạy chàng cũng là bạn với cha chàng, thấy chàng thông minh, nên thương tình mà gả con gái cho. Lúc chàng cưới vợ, thì vợ chàng sắp sửa làm được sư.

Vợ chàng giữ được truyền thống của nhà nho, hễ con gái thì phải lo đảm đang chẳng những lo việc tề gia nội trợ, mà còn phải xoay xở cách nào cho có tiền nuôi chồng ở không ăn học. Là một nhà trí thức tân thời, nàng Phương Lan, vợ chàng, hiểu rằng khi xưa, nếu các bà đồ buôn tảo bán tần, để nuôi các ông đồ ăn học, để rồi «lều chõng» hầu đoạt công danh, thì ngày nay công danh của một nhà trí thức tân thời không phải là đồ đạt để làm quan nữa. Công danh ngày nay là làm nhà bác học, làm nhà tư tưởng đem những viên đá

khối to mà lấp cái hố của dốt nát, hầu loài người xây đắp lần lần con đường tiến tới của văn hóa. Vợ chồng đang xây mộng đẹp, thì loạn ly nổi lên. Cầu Chơn bị động viên, ngót năm năm, chàng bị thương ba lần, tham chiến vài trăm trận, lần lượt đến chức đại úy.

Tham chiến vài trăm trận, chàng chưa hề nao lòng lần nào. Nhưng lần này, chàng thấy lòng se lại. Không phải vì chàng dẫn có hai đại đội, còn đối phương là cả sư đoàn khét tiếng, từ miền Bắc mới do đường rừng mà kéo vào, với những quân thiện chiến, với võ khí tối tân do các nước Cộng sản vừa gửi đến viện trợ. Không có cấp chỉ huy nào cất nghĩa cho chàng rõ. Song trí thông minh của chàng đã đoán biết. Vai trò của hai đại đội của chàng là vai trò của miếng mồi đề nhử cho cọp rời hang đá mà ra vồ thịt. Nói theo binh pháp cổ truyền, ấy là diệu hồ ly sơn. Chàng biết trước rằng khi quân của chàng đâm phúng vào trận tuyến của đối phương, cả sư đoàn 325 ủa ra nghinh chiến, thì một lệnh sẽ lập tức truyền cho chàng giả thua, kéo quân rút lui chậm chậm. Đề cho quân địch đuổi theo đến gần bờ biển... Rồi lúc ấy, phi cơ từ các

hàng không mầu hạm sẽ nổi nhau mà bay lên vù vù, cứ nhắm sau lưng sư đoàn 325 mà dội bom, đề lừa sư đoàn ra càng gần mé biển. Chừng đó, từ các chiến hạm, súng đại bác sẽ nhả đạn. Và trong lúc đạn của đại bác và bom nhả xuống, vàng thau khôn phân, ngọc đá lẫn lộn, có thể hai đại đội của chàng và cả chàng, cũng chia mà hứng lấy...

Nhưng không phải vì vậy mà lòng chàng se lại.

Lòng chàng se lại, bởi vì vị chánh ủy của sư đoàn 325, có quyền tối hậu quyết định, thì, theo sự báo cáo của nhân viên tình báo, là trung tướng Phi Hùng, một danh tướng của Việt cộng. Nhưng không phải bởi chàng chỉ là một đại úy mà phải đụng độ với một danh tướng, nên chàng nao núng. Chàng nao núng, bởi vì từ năm 1953, nhờ chị chàng là Cầu Trang thuật lại, Phi Hùng là anh cả của chàng, tên thật là Đặng Võ Cầu Minh. Và số phận oái oăm, trong cuộc chiến tranh này, hai anh em ruột lại mỗi người đứng một bên mặt trận.

Một hai tiếng nổ báo hiệu rằng cánh quân của chàng vừa gặp dân quân du kích. Họ bắn

một hai phát rồi rút lui, dụ chàng sấn vào sào huyết. Chàng đoán biết rằng sẽ lọt vào sào huyết. Nhưng chàng đã lãnh lệnh là cứ việc sấn vào, cho đến khi nào được lệnh rút lui. Chàng ra lệnh cho quân cứ tiến, mà lòng băn khoăn, không hiểu Phi Hùng phản ứng bằng cách nào.

## 2

Trong một hang đá, ánh sáng chập chờn như trời nhá nhá nhem tối. Mây vừa xé, rót một vài tia vàng chói xuống cụm rìng, thì trong hang hơi sáng lên, để cho nhận rõ hai người đang nói chuyện. Một người tuổi gần sáu mươi, một người dưới tuổi năm mươi, nói chuyện nhau bằng tiếng Tàu, giọng nói Bắc Kinh. Người trẻ nói:

— Theo tin tức vừa bắt được thì có ba toán quân, mỗi toán hai đại đội, một toán từ phía Bắc kéo xuống, một toán từ phía Nam kéo lên và toán thứ ba từ mé biển kéo vào, cả thảy đều hướng vào khu này. Như vậy là chúng đã biết rõ tổng hành dinh của sư đoàn ta đóng tại đây. Chúng biết ta có cả sư đoàn,

mà chúng chỉ đưa có sáu đại đội, tôi nghi là quý kẻ. Đồng chí cố vấn nghĩ sao?

Người già hơn đáp:

— Không nghĩ sao cả! Đồng chí Phi Hùng há quên mạng lệnh sao? Dầu chúng nó có sáu đại đội, dầu chúng nó có sáu tiểu đoàn, đường lối duy nhất của ta là dùng chiến thuật biến người mà tận diệt.

— Nếu chúng chỉ đưa ít quân xông trận như vậy, tôi e chúng dùng đó làm miếng mồi để nhử cho ta ra khỏi đám rừng này. Ở trong rừng, quân ta núp sau gốc cây, ta thấy địch, địch chẳng thấy ta. Ấy ta có cái thế bách nhị của quân Tần thuở trước. Dầu cho chúng có đem hai ba sư đoàn đến giao chiến với ta, ta cũng không sợ. Hơn nữa, quân ta ẩn dưới tàng cây, máy bay địch không thấy đề đội bom.

— Đồng chí Phi Hùng lầm! Ta phải đem quân ta bày ra chỗ trống cho phi cơ địch thấy. Chúng thấy, chúng bu lại oanh tạc. Từ dưới, súng phòng không của quân đội Trung Hoa vừa sáng chế có trang bị bằng ra-đa, sẽ bắn rơi vài chục chiếc. Ấy là chiến thuật

« thả gà con dụ điều hâu, đề bản chúng ». Sợ gì phi cơ của họ? Súng phòng không của ta bắn bách phát bách trúng, như Tiết Đình San xạ nhận!

— Nếu chúng ta biết thả gà con bắt điều hâu tù lại mà bản chúng, thì cũng nên đề phòng địch cũng biết thả dê mà điệu hồ ly sơn. Hồ rời khỏi núi, xuống đồng bằng, chúng thả bầy chó săn ra vây, cũng khó lòng cho hồ. Đồng chí Lâm Đường khá đề phòng.

Lâm Đường cười khắc khắc đáp :

— Ta đã từng tham chiến với chúng. Chúng không có mưu kế gì đâu. Có gì thắc mắc, chúng bấm nút máy tính điện tử mà nhờ máy trả lời giùm. Năm 1950 ở Triều Tiên, vũ khí chúng ta còn kém cỏi thô sơ, trên chiến trường chưa phân thắng bại. Chỉ vì ta mới vừa có chánh quyền ở lục địa, mà trình độ kinh tế không cho phép ta kéo dài một cuộc chiến tranh trường kỳ. Vì vậy mà lúc ấy chúng ta chấp thuận một cuộc ngưng chiến. Bây giờ khác hẳn...

Phi Hùng suy nghĩ rất lâu rồi chậm chậm nói :

— Tình thế bây giờ khác hẳn với tình thế năm 1950, tôi cũng đồng ý như vậy. Mười lăm năm trước đây Nga và Hoa thành một khối thống nhất. Còn bây giờ mặt trận cộng sản rạn nứt khắp nơi. .

Lâm Đường tỏ vẻ căm tức, vỗ vỗ churôi thề :

— Tieu na má ! Bọn Nga này thật là « bành xạch » !

Phi Hùng can gián :

— Đồng chí Lâm Đường quá giận mà mặt trầm tĩnh, quên dùng tiếng phổ thông lại văng tục bằng thổ ngữ Quảng Đông ! Phạm kỷ luật của quân đội rồi đó ?

— Không giận sao được ! Cuộc làm ăn sắp thành công, sắp chia hùn đến nơi mà bọn Nga xé rào, toan bắt tay với đế quốc, chủ trương xét lại chủ nghĩa Mác-Lê, lấy cớ là gột rửa chủ nghĩa Staline. Chúng quên rằng không có Staline dân dất từ năm 1923, đến năm 1953, nếu trong ba mươi năm ấy mà ở nước Nga, Trotsky lãnh đạo, thì đã tự sát trong một cuộc phiêu lưu, còn nếu bị Boukharine cầm đầu, thì đã hóa ra một quốc gia tư bản.

Phi Hùng không đáp, nghĩ rằng, nếu năm 1923 chánh quyền không vào tay Staline mà vào tay Trotsky, thì lịch sử ở nước Tàu đã đi theo chiều hướng khác, thì phong trào ở Đức chưa ắt đưa Hitler lên cầm quyền, thì chưa ắt có thể Chiến thứ hai, và ngày nay, mình là trung tướng chánh ủy của một sư đoàn, bề ngoài có tiếng là tối hậu quyết định, mà thật sự, nhứt cử nhứt động đều do vị cố vấn Tàu ra lệnh cả. Đến như những cảm nghĩ mình, chàng cũng chẳng dám nói ra, sợ lộ tông tích là trước kia, chàng có nuôi chút ít cảm tình với nhóm Đệ tứ ở Sài Gòn. Chàng nhớ lại, vợ con chàng thấy ở trong bàn tay của chánh phủ Hà Nội, gia đình của em chàng, Cầu Nghiêm, mắc kẹt ở Bắc Hàn, và ngay bản thân chàng, mặc dầu là chánh ủy của sư đoàn, nếu chàng thổ lộ ý gì, thì trong hàng đội viên, tức khắc có người nhảy ra bắt cho chàng vài viên đạn. Vì vậy mà chàng không đáp.

Chàng đang ở trong thắc mắc ấy, thì trong máy truyền thông, đã có tiếng báo cáo :

— Toán thứ nhất, hai đại đội do đại úy Đặng Võ Cầu Chơn chỉ huy, đã tiến gần sát bản doanh, chỉ còn cách một cây số.

Nghe tên Đặng Võ Cầu.Chơn, Phi Hùng biến sắc. May là ở trong âm u của hang đá, nên Lâm Đường không nhận thấy mặt của vị trung tướng đã lăn lóc gần hai mươi năm ở chiến trường nay, lần thứ nhứt đổi màu.

### 3

Chiếc xe jeep ngừng ngay trước nhà thuốc Phương Lan. Một thiếu úy rời khỏi xe, bước vào, đến đứng trước quầy. Cô bán hàng hỏi:

— Thưa thiếu úy, thiếu úy muốn dùng thứ chi?

— Tôi không mua thuốc. Tôi cần gặp bà chủ. Xin cô báo cho biết có thiếu úy Tùng từ Đà Nẵng mới về, muốn gặp bà Đặng Võ Cầu Chơn.

Trong một phòng thí nghiệm, tường cần gạch kiểu láng bóng trên một cái bục lát bằng gạch, ba cái bình thủy tinh đặt trên lò điện, trong bình nước sôi sục sục. Ở góc có một máy tính điện tử, mấy kệ sách bằng thép sơn, chứa những sách dày cộm. Trên bàn viết, một cái kiếng hiển vi to tướng đặt kề một quyển sách đã giở ra. Cả một bức tường bị một tấm bảng

đen gắn dính vào, trên bảng, có những phương trình toán học những công thức hóa học. Phương Lan, mặc blouse trắng, dáng rất suy nghĩ, bước chậm chậm trong phòng, thì cô bán hàng gỗ cửa bước vào thưa :

— Thưa bà, có Thiếu úy Tùng từ Đà Nẵng về, muốn gặp bà.

— Em mời ông vào đây...

Tùng bước vào. Phương Lan chào và mời ngồi nơi ghế bành đặt trước bàn viết của nàng. Tùng móc túi lấy ra một bao thơ dày cộm, đứng dậy cầm hai tay mà dâng cho Phương Lan và nói:

— Thầy Cầu Chơn có thơ này gởi cho thím.

Phương Lan tiếp lấy, lấy cái rọc bao thơ mà mở thơ ra, vừa nói:

— Khác nhau chỉ có mấy tuổi, em đừng gọi như vậy.

— Cháu vốn là nhờ thầy dạy dỗ cho, thì người vợ của thầy, tất nhiên cháu phải gọi bằng thím.

Phương Lan bận đọc thư chồng, không cãi về lối xưng hô nữa. Đọc xong, nàng hỏi :

— Anh Cầu Chơn có dặn miệng điều gì không ?

— Thừa không. Nhưng cháu có một cái tin xin báo cho thím. Thím nên bình tĩnh mà nghe báo cáo nốt...

Phượng Lan nghi là tin chẳng lành, mặt tái đi. Hai bàn tay run run, mặc dầu đặt vững trên bàn viết. Nàng nghe khô cả lưỡi, cả môi, mặc dầu nàng ớn lạnh cả người. Thấy nàng vậy, Tùng nói :

— Xin thím yên tâm. Cháu về đây để trấn tĩnh lòng thím. Có thể thím sẽ được tin gọi là «chẳng lành». Song thím còn nhiều hy vọng. Thím hãy tin cháu đi.

Tùng móc túi lấy một tấm giấy nhỏ, trình cho Phượng Lan và nói :

— Đây là tuồng chữ của thầy. Thím xem lấy mà làm bằng !

Phượng Lan tiếp lấy đọc. Miếng giấy chỉ có mấy chữ : « Anh còn sống. CC của Phượng Lan ». Nàng đọc đi đọc lại, nhìn kỹ từng nét, coi có phải là chữ của chồng chẳng. Nàng lật đi lật lại mảnh giấy, thấy dấu xếp bàu nhàu, dấu mồ hôi dính lộn với những cái lem luot... Tùng kể.

— Thấy Cậu Chơn lãnh lệnh kéo quân dự dịch ủa ra gần mé biển, để cho máy bay từ các

hàng không mầu hạm, cút lên một lượt đội bom vào chỗ xô sát, và để cho các đại bác từ các chiến hạm nhả đạn xuống. Số người chết của hai bên rất nhiều. Nhiều cái xác không nhìn được là của ai. Vì nó đã nát như thịt đã quết nem. Và sau khi kiểm điểm lại, thì thấy Cầu Chơn mất tích. Đã chết rồi chăng? Ban tham mưu nghĩ như vậy. Vì nếu thấy còn sống sót, mà đi lạc, thì mấy ngày sau đã về được rồi. Bởi chỗ đội bom gần sát mé biển lắm. Thấy đã bị địch bắt rồi chăng? Ít có thể xảy ra việc ấy. Vì các máy bay dò thám chẳng thấy dấu một người nào chạy thoát về phía rừng núi. Chạy về phía đó thì bị bắn chết hết. Chỉ có chạy ra phía ngoài biển thì mới sống sót. Nhưng lại bị lượm bắt không sót một người. Chắc có lẽ thím sẽ được giấy tờ cho hay rằng thấy Cầu Chơn mất tích. Nhưng mà ba ngày sau, có một đứa nhỏ xách một con vịt vừa mặc áo lá, đến Đà Nẵng mà hỏi thăm thiếu úy Tùng. Gặp cháu, nó đưa con vịt và nói:

— Ông thiếu úy kiếm chỗ kín đáo mà mổ con vịt. Trong có cái thư của đại úy Cầu Chơn gửi cho bà.

Tôi nhận lấy con vịt, cho nó một ngàn đồng bạc, nhưng nó không lấy, lập tức biến đi. Tôi đem

mỏ con vịt, trong ruột có cái ống đựng có mảnh giấy mà thím cầm trong tay mà thôi.

Nghe xong Phương Lan thở phì, nhẹ nhõm..

## 4

Nghe Phương Lan thuật xong, Cầu Lệ nói :

— Như vậy thì thằng Chơn còn sống và hiện đang làm tù binh của Việt Cộng. Làm tù binh, mà có thể gửi một bức thư lậu từ chiến khu cộng sản đến tay một thiếu úy quốc gia, hẳn không phải là dễ !

— Thừa chị năm, tuy là không dễ, nhưng hãy có thể tưởng tượng được. Trong bức thơ của ba con Phương Huệ gửi về cho em, trước khi anh ra trận, anh có nói rằng nghe đâu vị chánh ủy của sư đoàn 325 là trung tướng Phi Hùng. Mà Phi Hùng, theo lời của chị tư Cầu Trang, lại là anh hai của mình, tức là anh Cầu Minh đó.

Cầu Lệ cắn móng tay, suy nghĩ lung lắm, rồi nói :

— Sang Âu Châu chị đã đọc rất nhiều sách nói về tâm địa và chánh sách của bè lũ Staline.

Mà phái Mao Trạch Đông lại là phái Staline chánh cống. Không khéo đây, anh hai vì tình huynh đệ mà che chở cho thằng Chơn, rồi bị tình nghi, mà liên lụy cả hai anh em. Không biết chừng anh ba Cầu Nghiêm cũng bị nghi kỵ luôn.

Phương Lan cắn móng tay có vẻ nghiền ngẫm. Cầu Lệ nhìn nàng, cố ý đoán xem nàng nghĩ gì. Một chập Phương Lan nói:

— Chị làm ơn quản lý hộ viện bào chế và hiệu thuốc cho em, săn sóc cho cháu Phương Huệ, thay em mà làm mẹ nó. Kinh doanh của em, em thuê một đồng nghiệp đứng tên. Còn cho nó chạy, tất nhiên phải có người nhà.

— Còn mợ đi đâu?

— Em sẽ sang Hồng Kông, do con đường Cầu Lùng mà vào lục địa của Trung Hoa Cộng sản.

— Krawchenko rời chủ nghĩa mà tìm tự do. Mợ lại đi tìm độc tài à?

— Không đâu chị. Em đi tìm chồng. Con người tự do, dầu sống dưới ách nô lệ, vẫn là tự do. Kẻ nô lệ, ngất ngưỡng trên ngai vàng, vẫn là nô lệ. Hiện hay, trong cái thế giới cộng

sản, Tàu là nước mà độc tài khắc khe hơn tất cả. Trong lúc mà Nga và các nước Trung Âu, tiến theo lối xã hội chủ nghĩa đa phương, thì Tàu gò bó trong đường lối độc tôn, độc khối. Bên kia cởi mở lần lần, bên này càng ngày càng siết chặt. Tánh anh Cầu Chơn thẳng thẳng, cứng rắn, uốn cong không được. Phải có em ở bên cạnh, dịu mềm, điều khiển thì mới thắng họ được. Thầy em luôn luôn dẫn Kinh Dịch mà dạy em từ thuở bé: dĩ nhu thắng cương.

— Thằng Cầu Chơn mất tích ở Bình Định. Mợ sang Cầu Lùng làm sao mà gặp nó?

— Khi mà Cơ đốc giáo ngự trị thế giới, người ta đã nhận thấy rằng tất cả đường lối đều dẫn đến La Mã. Ngày nay, ắt trong vùng cộng sản gò bó, tất cả đường lối đều dẫn đến Bắc Kinh. Em sang Cầu Lùng, rồi do đường bộ lên Bắc Kinh. Đến Bắc Kinh, em sẽ gặp ba Phương Huệ, rồi cả anh hai và anh ba nữa.

— Bi đát ! Bi đát ! Gia đình Đặng Võ ta vốn chống với chánh sách Staline, mà số mạng ruồi dong, lại mắc vào lưới của dư đảng của Staline. Dân tộc Việt vốn là kẻ thù vạn kiếp của đế quốc Tàu, thì lịch sử ruồi dong xô dân

Viết ra làm tai say cho Tàu thao túng trên bàn cờ thế giới. Con và dâu họ Đặng Võ thấy đều sẽ vào nanh vuốt của Tàu Cộng. Chỉ còn hai gái, chị Cầu Trang và chị đây mà thôi.

— Nữ sanh ngoại tộc. Vì vậy mà em gởi Phương Huệ cho chị tư và chị nuôi. Phỏng nó là là trai, có lẽ số mạng cũng xô nổi nó trong hòng của sư tử.

## 5

Từ khi Phương Lan có chồng, ngoài công việc riêng của nàng, công việc của một dược sư, nàng đã cố gắng để làm thơ ký đặc biệt của chồng, kiêm cả vị mê-xen cung cấp tất cả phương tiện cho chồng làm việc. Nghe chồng trầm trồ cái máy tính điện tử, giúp cho cả nhà toán học giải quyết trong vài giây những phương trình vi tích mà các nhà toán học đại tài phải nhiều ngày mới hy vọng tìm ra, thì nàng đành dùm, mà sắm cho chồng một máy tính tối tân.

Nhờ máy ấy mà, mặc dầu toán học nàng đơn sơ, nàng dõi theo công trình của Cầu Chơì không đến đời khó làm. Và khi Cầu Chơì bị động viên nhập ngũ, thì nàng tiếp tục giúp chồng

đề Cầu Chơn có thể luôn luôn bằng thơ mà cộng tác với vợ đề đeo đuổi sự nghiên cứu.

Hai vợ chồng nghiên cứu gì ? Đề tài đầu tiên thuộc về một vấn đề lý thuyết. Nếu đem trình bày ra, sợ e lý thuyết quá khô khan, làm chán độc giả. Nhưng nếu không van lơn độc giả chịu khó mà nuốt cho trôi liều thuốc đắng là đoạn lý thuyết khô khan này, thì không hiểu làm sao mà một nhà giỏi toán, chuộng khoa học như Cầu Chơn lại quay về nghiên cứu Kinh Dịch. Vậy xin nói phớt qua phần lý thuyết đầu tiên này. Nhưng, đối với các độc giả khó tánh, người chép truyện xin mách trước rằng quý vị nên bỏ đoạn này của chương này, miễn là quý vị hiểu ngầm cho rằng bởi vì Cầu Chơn hé thấy rằng thuyết âm dương, nguyên tắc căn bản trên ấy xây dựng Kinh Dịch, lại cũng có gì phản phát với nguyên tắc căn bản của máy tính điện tử.

Lúc Cầu Chơn từng học ở Paris, học xong hai năm toán học đặc biệt tại Lycée St Louis và đỗ rất cao trong cuộc thi vào trường Bách Kỹ, chàng sang Thụy Sĩ mà nghỉ hè. Nơi núi cao chơn chở, hùng vĩ và nguy nga, nơi một làng hẻo lánh ở cao chót vót, vào mùa hè mà thỉnh

thoảng có rơi tuyết như vào dịp Cha Noel viếng trẻ em và biếu quà cho chúng, chàng thông cảm với vũ trụ bao la, và tìm cái nguyên tắc nào mà tất cả có thể gom vào một mối được. Như một tối ngồi bên lò sưởi mà đọc tạp chí, ngẫu nhiên chàng đọc được một bài báo nói về những máy tính điện tử tối tân, trong nháy mắt đã giải quyết những phương trình vi tích mà nhà toán học đại tài đề hàng tháng mới tìm ra manh mối. Chàng thấy nói máy tính ấy là cả một hệ thống chẳng chịt về những «duyên» mà vai trò của mỗi duyên là giải đáp bằng một cách đơn giản : có hay không.

Mùa hè năm ấy, Cầu Chơn chúi đầu vào phòng để viết một luận án mà chàng đặt nhan đề là: «nguyên tắc mâu thuẫn của Aristote và máy tính điện tử». Viết xong luận án, chàng xét lòng, thấy lúc trước mê kỹ thuật bao nhiêu, thì bây giờ chàng mê lý thuyết khoa học bấy nhiêu. Khi hết mùa hè sắp sửa về Paris đề khởi năm học mới, chàng viết thư cho trường Bách Kỹ rằng chàng rút lui mà không vào trường này. Chàng lại ghi tên học toán ở Viện Toán Học Henri Poincarre và luôn ở Collège de France.

Trọn năm ấy, hễ cầm đầu vào sách đề dõ theo chương trình dạy dõ của hai trường này

xong, thì chàng lại đến vườn Luxembourg mà ngắm cảnh. Khi tuyết rơi, khi hoa đua nở, biến thửa vườn này thành bức tranh không lồ màu sắc sỡ, chàng lại nghĩ đến những nguyên tắc đang chi phối vạn vật. Chàng lại thấy cái nguyên tắc mâu thuẫn của Aristote khô khan hẹp hòi và nghèo nàn. Tất nhiên, nó chỉ nói đến một phần nhỏ của sự thật. Rồi chàng giải quyết được tất cả vấn đề tương phản giữa cái luận lý hình thức của Aritoste và cái luận lý biện chứng của Hégel mà chàng thấy rằng cả hai chỉ là những cạnh khía của một cái thực thể bao quát hơn. Cái này là cái thuyết âm dương của phương Đông.

Và cuối năm, chàng lại xin thông hành mà đi nghỉ hè ở Na Uy, đến một làng hẻo lánh, sống với dân la bông mà nhìn « mặt trời không khi nào lặn », tập quen nếp sống một năm chỉ có « một ngày », sáu tháng tối trong âm u của ban đêm, sáu tháng rực rỡ của ban ngày. Ở đây, một ngày là một năm. Cái nhìn của chàng bị nhơn lên đến 365 lần. Vũ trụ quan của chàng khoáng trương theo tỷ số đó. Chàng không thấy cái vũ trụ của chàng còn bị bó hẹp trong cái không thời gian của Einstein nữa. Chàng

lấy một tập giấy mà viết những trăm tư của mình chung quanh vấn đề «thuyết âm dương, luân lý hình thức và luân lý biện chứng». Và chàng cũng bắt đầu muốn học Kinh Dịch. Rồi chàng nhờ Kinh Dịch mai mối mà chàng được vợ là Phương Lan, một gái gương mẫu của Việt Nam, gồm tất cả những đức tánh quý hóa của người đàn bà đảm đang xốc vác gánh tất cả gánh nặng gia đình để xây dựng sự nghiệp cho chồng. Mà chồng nàng xây mộng lập lý thuyết khoa học, thì Phương Lan biến thành một nàng nghiên cứu khoa học nốt... để phụng sự cho chồng.

Tư thái này làm cho Cầu Chơn cảm động lắm. Khi ở nhà thì chàng cắm đầu ở phòng làm việc mà nghiên cứu, bên cạnh cái máy tính điện tử mà Phương Lan chặt mọt để mua cho. Bây giờ từng quân, chàng không nghỉ suy tư. Nghĩ được cái gì, thì lập tức ghi vào giấy mà gửi về cho vợ lắp vào hồ sơ. Gặp phương trình nào khó, chàng gửi về cho vợ để nhờ máy tính giải quyết cho. Càng đi sâu vào sự suy tư chàng càng thấy rằng Kinh Dịch đã đặt những nguyên tắc đầu tiên cho tất cả sự suy luận của thời nguyên tử. Những câu, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh

bát quái, ấy là những phương trình đầu có thể thể hiện trong máy tính điện tử bằng ba cái duyên đầu. Đáng lẽ duyên càng tăng lên, thì sự sinh sinh hóa hóa sẽ đến chỗ vô cùng, song người xưa chỉ thấy tám lập phương, thành ra 64 quẻ của Kinh Dịch. Và bởi họ chưa biết toán học cao cấp, nên chưa thấy rõ rằng số 6, là số hào của một quẻ, chỉ là biểu của 64 diễn ra bằng hình thức 26. Và đáng lẽ trong 64 quẻ của Kinh Dịch, phải có 64 cái động cho mỗi quẻ và do đó mà sinh ra 2<sup>22</sup> biến, người xưa chỉ đếm được 384 biến mà thôi, bởi nghĩ rằng trong mỗi quẻ có 6 hào, thì 64 quẻ hơn cho 6, chỉ sinh ra 384 biến...

Những phát kiến của những nhà bác học Tàu được giải NOBEL chứng minh lý thuyết của chàng. Rồi phi hành gia Nga, rồi Hoa kỳ, bước ngoài phi thuyền để đi chân đạp vào không gian lại chứng minh thêm cho lý thuyết chàng nữa. Và những tài liệu mà Cầu Chơn vừa thảo xong và nhờ thiếu úy Tùng mang về cho vợ vừa đặt công thức cho sự phát minh không tiền khoáng hậu trong khoa học. Và chính là sau khi nghe chồng vướng vào lưới Việt Cộng mà nàng nghĩ rằng nàng có thể mang

phát minh ấy mà trình cho Mao Trạch Đông. Đó là phương pháp duy nhất đề cho Phương Lan sống bên cạnh chồng thân yêu. Không vậy, chồng ở bên thế giới bên kia, vợ ở thế giới bên này, năm năm chẳng có chim ô thước đội cầu, Ngưu Lang của thế kỷ XX đâu có hy vọng nào đề gặp nàng Chức Nữ của thời đại nguyên tử ?

Đó là luận điều mà nàng đã trình bày cho chị chồng là Cầu Lệ. Cầu Lệ còn vương đôi chút ngần ngại, thì nàng thuyết thêm rằng :

— Tính nhà của em là như vậy. Mà đứng về nghĩa chung cho nhân loại, có thể ba con Phương Huệ cùng em có thể thuyết phục cho Mao Trạch Đông tạm trở về thuyết cộng tồn của năm 1954, bằng lòng tạm đình chỉ chiến cuộc ở Việt Nam, với hy vọng rằng nhờ phát minh của ba con Phương Huệ, mà nước Tàu sẽ làm chủ địa cầu và vũ trụ... mà chẳng tốn viên đạn. Nếu được vậy, miễn cho bao nhiêu người dân bà Việt Nam bớt khóc chồng sinh ly hay tử biệt, bởi cuộc chiến tranh thường trực.

Lời kết luận ấy làm cho Cầu Lệ xiêu lòng.

## 6

Phương Lan đã nộp đơn đề xin thông

hành đi Hồng Kông. Ngoài chị chồng là Cầu Lệ ra, nàng dấu không cho ai biết mưu định của nàng. Nhưng đối với Cầu Lệ, chẳng những nàng chẳng dấu, mà luôn luôn nàng hỏi kinh nghiệm và ý kiến. Một hôm nàng nói :

— Chị năm à ! Em chỉ học được, nhờ dõi theo chồng mà làm quen chút ít với phương pháp suy tư của khoa học lý thuyết. Nên em không phải là triết gia. Tuy vậy, em cũng không thề xao lãng với những bản khoán của triết học. Chị có đọc nhiều sách triết không, chị ?

Chị đọc một mớ tiểu thuyết hiện sinh, một vài cuốn triết lý hiện sinh... Em hỏi chị vậy ?

— Em muốn hỏi chị có ý kiến chi về sự phân tranh giữa duy tâm và duy vật ?

Cầu Lệ chau mày khá lâu, đáp :

— Mỗi cái có phần đúng của nó, có phần sai của nó.

— Có phải là chị thấy rằng phần sai của duy vật chính là chỗ đúng của duy tâm ; còn phần sai của duy tâm lại là chỗ đúng của duy vật chăng ?

Cầu Lệ suy nghĩ, rồi chậm chạp đáp :

— Mẹ con Phương Huệ tế nhận chỗ ấy, có lý lắm.

— Xin phép chị cho em đưa lập luận của em. Không thể nào duy vật hoàn toàn đúng được. Và cũng không thể nào duy tâm hoàn toàn đúng được. Em lại đi xa hơn nữa. Duy vật không thể nào tách rời duy tâm, mà đứng cô đơn một mình. Cả hai, duy tâm và duy vật, không phải là thực thể. Vì lẽ đó mà có thể ví chúng nó như hai cái mặt của chung một mề đay. Câu nói đó là một hình dung thô sơ mà thôi. Thật ra, tâm và vật có thể quy về thuyết âm dương, một bên là âm một bên là dương. Ba con Phương Huệ thường cắt nghĩa. Âm dương là hai quan niệm, mới có khi mà ngôn ngữ loài người tiến đến mức có thể rên ra tiếng trừu tượng được. Song ở trong văn hóa Việt Nam cũ xưa, chưa có tiếng trừu tượng đề dùng, thì tổ tiên mình lại hình dung bằng hai hình ảnh Rồng và Tiên.

— Thăng Chơn cắt nghĩa cho mợ làm sao về điềm này ?

— Ảnh dạy em rằng Rồng là nguyên tắc của đàn ông là dương nên tượng trưng cho Lạc Long

Quân. Nó cũng là sức mạnh, là hành động. Còn Tiên là nguyên tắc của người đàn bà là âm, nên tượng trưng cho bà Âu Cơ. Nó cũng là tế nhị, là lý thuyết. Hai cái đó phải đi cặp với nhau, mới có sự sống được. Còn nói theo danh từ triết học bây giờ, Rỗng là duy vật, Tiên là duy tâm đó.

— Có phải là hai vợ chồng em chủ trương dung hòa duy tâm và duy vật chăng ?

Phương Lan lắc đầu mà nói :

— Không phải là dung hòa. Tâm và vật có thể ví như trai và gái. Mới sơ sanh, đứa trẻ nào ý thức được rằng nó là trai hay gái đâu ? Khi được mấy tuổi rồi, trẻ con mới ý thức cái tính của nó. Gái ý thức trước hơn trai, cũng như thuyết duy tâm xuất hiện trước duy vật. Rồi trải một lúc, trai và gái không chơi với nhau, kỵ nhau, ghét nhau. Đó là giai đoạn mà duy tâm và duy vật chống đối nhau, tử thù nhau...

Nhưng một ngày kia cả hai đứa thấy trưởng thành, rồi hấp dẫn nhau, mê nhau, thiếu nhau thì sống không nổi. Đến mức phải lấy nhau mà sinh con đẻ cháu... Vợ chồng em không phải

chỉ chủ trương cho Tâm và Vật phải dung hòa nhau. Còn hơn nữa kia ! Tâm và Vật phải yêu nhau, phải lấy nhau, sanh con đẻ cháu, thì sự sống mới miên trường. Chớ cả hai Duy Tâm và Duy Vật kích bác nhau, chống đối nhau, đó chỉ là hình thức thiếu nhi của nhân loại nói chung và cả triết học nói riêng...

Chuông điện thoại reo. Phương Lan lật đật lấy kê vào tai nghe và nói :

— Bác sĩ Trần tuấn Kiệt à ? Chào bác sĩ... Tôi sẽ đi ngay và cho chị năm tôi cùng đi nữa... Ra khỏi thành phố ít lắm là mười lăm phút. Từ đầu xa lộ, đến Dưỡng trí viện tôi sẽ đi với hết tốc độ. Tôi sẽ đến trước mười giờ ! Chào bác sĩ !

Phương Liên vội vã thoát blouse, mặc áo dài rồi cùng Cầu Lệ ra xe, tự mình lái lấy. Nàng vừa lái vừa tiếp tục nói chuyện :

— Vấn đề Tâm Vật mà tôi đặt ra cho chị lúc nãy, có một tầm quan trọng đặc biệt. Những kẻ thuần túy duy tâm, tôi kể cả những người vô ngực xưng mình duy vật mà hành động thật là duy tâm, tưởng rằng chỉ cải biến tư tưởng của Mao Trạch Đông và bè đảng, là xong xuôi cả. Vì vậy mà họ viết báo đề thuyết phục, gởi

du thuyết đến gặp đề dụ. Họ tin rằng tư tưởng của Mao Trạch Đông chi phối cho cả đường lối của Trung Hoa Cộng sản rằng ý thức hệ của Mao là đấng tạo hóa của vũ trụ. Trái lại những kẻ duy vật thuần túy, tôi kể cả những người võ ngực xưng mình là duy tâm mà hành động thật là duy vật, tưởng rằng đối phó với Trung Hoa Cộng Sản, chỉ có thể dùng áp lực quân sự kinh tế, kỹ thuật để cải biến *hoàn cảnh* của nước Tàu. Họ bao vây kinh tế, họ chuẩn bị chiến tranh để thay đổi điều kiện vật chất của Tàu.

Phương Lan mê mải trong tràng lý thuyết, suýt tí nữa là thắng không kịp, mà cán một đĩa nhỏ vừa mới vọt ra. Cầu Lệ can thiệp :

— Em ra xa lộ sẽ nói tiếp ! Rủi mà có tai nạn, ai sống sót mà đi Cầu Lùng để cứu thắng Chơn.

— Em không chết đâu ! Mà rủi em có chết thì chắc chắn là chị phải sang Bắc kinh mà áp dụng cái quan niệm của em về Triết học này.

Xe vừa thoát khỏi cầu Phan thanh Giản, Phương Lan nhấn ga cho nó chạy bon bon trên xa lộ. Tiếng gió chạy ngược nghe ù ù. Nàng phải nói lớn lên để Cầu Lệ nghe cho rõ.

— Theo em, phải cùng một lượt cải biến cả tư tưởng và hoàn cảnh. Nói theo danh từ triết học, cần phải áp dụng cả duy tâm và duy vật. Vì quan niệm này, mà em đến viếng bác sĩ Trần Tuấn Kiệt.

— Chi vậy ?

— Em nghe nói bác sĩ Kiệt có tìm ra được một thứ thuốc, hễ uống vào thì máu bớt hăng, lòng căm thù bớt, dạ ích kỷ nhạt, mà người hóa hiền lành, khoan hồng, vị tha.

— Điều ấy có thể được không em ?

— Có thể lắm ! Nhưng kết quả một phần nào thôi. Như khi thuốc đã đi rồi, thì cái tự nhiên mau mau trở lại. Chính là lúc thuốc đang có công hiệu, thì ta dùng tư tưởng, biện luận, mà cải biến đường lối của họ đi...

— Thiệt không ?

— Thiệt chứ ! Chị đọc tiểu thuyết thấy nói ở Nga có thứ thuốc, hễ uống vào, thì đương sự nói cả sự thực, bí mật gì cũng khai ráo. Mấy chục ngàn năm nay, người ta đã biết uống rượu. Rượu há không phải là một thứ thuốc ảnh hưởng nhiều đến tâm lý của người uống sao?

## 7

Ngọ Thu lái chiếc xe Mercedes chạy với tốc độ vừa vừa trên xa lộ. Ông Ulrich ngồi bên cạnh, trong túi có cái máy ghi âm chỉ to hơn gói thuốc một chút, mà cái micro lại làm giống như đồng hồ đeo tay. Ông thường dùng cái máy miniphon để ghi tất cả lời qua lại, mỗi lượt phỏng vấn người nào. Rồi cuộn dây thép đã ghi chép lời, được Ngọ Thu cho đọc lại chậm chậm, để cho nàng đánh máy thành nháp, hầu Ulrich sửa chữa, thêm tả cảnh khi cần. Giữa nàng gái Huế và nhà văn Đức lớn tuổi, sự cộng tác đã dệt một cảm tình nồng hậu gần như thân yêu của cha con. Ngọ Thu đã bỏ luôn dự định thi vào sư phạm để làm giáo sư. Nàng cũng nghĩ đến việc tiếp tục học trường được đề đoạt cho được một cái bằng được sĩ. Với cái bằng ấy, một đứa con gái nghèo như nàng sẽ làm gì? Lập một hiệu thuốc tây ư? Muốn có một hiệu thuốc nhỏ, ở một phố có qua lại, đừng quá tệ như một tiệm tạp phô các chú, nàng sẽ cần một số vốn khá rộng để sang một căn phố, đóng tủ kệ, mua chứa hàng hóa: tính nhón nhón, hơn hai triệu bạc. Nếu nàng có hai triệu bạc, thì nàng chẳng lập hiệu thuốc để làm gì.

Nàng sẽ cho xuất bản quyền *Thái Hòa kinh* bằng tiếng Đức, như Hồ đã khuyên nàng. Mà làm sao nàng có được hai triệu bạc để lập tiệm thuốc tây? Có bằng được sư chỉ có thể cho thuê mảnh bằng ấy cho một nhà tư bản khai thác. Nàng sẽ ở không mà ngựa tay lãnh một tháng hai chục ngàn. Còn ở không mà ngựa ngáy chịu không nổi thì đi ngồi lê đôi mách, đến thư viện đọc tiểu thuyết, hết kiểm hiệp thì hiện sinh. Đọc chán quá thì viết chơi, rồi để bản thảo nằm vào đáy rương đợi khi chết rồi, hậu thế tìm thấy mà khai thác. Chớ ở xứ Việt nam này sách vở không bán ngoài các thành phố lớn được, sách hay và dễ đọc, bán chạy một ngàn quyền phải mất cả năm. Còn loại sách tư tưởng như của nàng viết, trong mười năm, họa may bán được một trăm quyền. Nhưng không phải cái viễn đồ bán sách bằng tiếng Việt không chạy làm cho nàng bỏ cái nếp sống mà nàng đã nghĩ hai năm trước. Nàng thấy rằng cuối thế kỷ thứ XX, bởi ý thức hệ tư bản và cộng sản chọi nhau, mà cả nhân loại mắc vào vòng, loạn ly, thì tiếng gọi « thái hòa » của nàng phải được mọi dân tộc cùng nghe. Chớ tiếng thốt ra bằng tiếng Việt chẳng thấm nhập vào đại chúng, len lỏi vào tâm hồn của những người cầm tay lái của thế

giới, thì tiếng nói ấy làm sao mà biến thành lực lượng có chút khả năng mà biến chiều của lịch sử ?

Càng gần Ulrich, càng rèn luyện thêm tiếng Đức, càng rèn luyện thêm tiếng Đức, càng trau dồi ngôn ngữ của Goethe và Nietzsche, và nhất là càng thực tập trọng nom công việc viết lách và sáng tạo của một nhà văn lão luyện là Ulrich nàng bỏ cái mộng dịch *Thái Hòa Kinh* từ tiếng Việt sang tiếng Đức, mà nàng lại xây cái mộng khác, là đem những suy tư cũ mà mặc cho một lớp áo mới tức là viết lại hoàn toàn. Nàng không khởi *Thái Hòa Kinh* bằng « Chuyện con Thằn lằn chọn Nghịch » mượn ở một tác giả khác. Mà nàng lại sáng tác một cốt chuyện huyền thoại khác đề nhập đề. Cốt chuyện này nàng đặt tên là « Lời nhắn của bà Âu ».

## 8

Ngày xưa...

Người ta nói là cách bốn ngàn năm nay. Song thời xưa, thiên văn học còn quá ấu trĩ, cách làm lịch có thể chưa xuất hiện, thì cái quan niệm « năm » không giống như bây giờ. Vì vậy mà có những huyền thoại như ông Bàn Cổ sống

tám trăm năm, những vua Phục Hy, Thần Nông trị vì quá lâu, quá mức tưởng tượng. Nhưng ta chớ bận lòng về sự đo lường thời gian ấy, mà chỉ ghi nhớ rằng là lâu, lâu, lâu lắm mà thôi. Ta chỉ nhớ rằng việc xảy ra vào thời xưa, xưa lắm lắm.

Thuở ấy, từ vùng mà nay gọi là Động Đình Hồ, đến chỗ mà nay gọi là đèo Ngang, sớm xuất hiện một cái văn minh, khác hơn tất cả những cái văn minh đồng thời khác. Như ở phía trên Động Đình Hồ, loài người sống bằng sự săn thú, giết thú mà ăn thịt, bắt thú con nhốt nuôi để phòng những khi thời tiết xấu mà săn chẳng có gì; rồi sau dạy dỗ những loại dễ uốn nắn làm gia súc. Còn phía dưới đèo Ngang thì loài người lại sống về cách bắt cá. Nơi vùng mà văn minh này xuất hiện là một nơi khí hậu ôn đới, đất phì nhiêu, cỏ cây thịnh vượng mà không đến đâu bị đại thọ choán hết. Nhờ vậy mà có nhiều loại cây có trái ăn ngon, thêm bổ dưỡng. Người này thử, nếm, dạy cho người kia, nên họ chú trọng hái trái mà ăn, ít nguy hiểm hơn là việc săn thú mà họ phải đương đầu với loại dữ và ít nguy hiểm hơn là mò cá mà họ phải gặp rắn, thường luồng, sấu giết hại họ trở tay không kịp. Cái văn minh

sớm hiện này, bây giờ ta tạm gọi là văn minh ăn trái (để phân biệt với cái văn minh ăn thịt, thịt của thú hay thịt của cá). Và nơi vách các động đá là nơi trú ẩn đầu tiên, khi họ chưa biết cất nhà, họa sĩ của họ thường vẽ hình trái cây, khác nơi ở động đá do người săn thú, bắt cá mà hình vẽ là hình thú và hình cá. Hình trái cây thường được vẽ là một hình trái tròn, xẻ ngang giữa, bày dấu của tám cái hạt nhỏ, phía trên có một cái lá, dưới có dính cái cuống còn mang hai lá. Chính là cái hình này lần lần biến đi, đến nay thành chữ Việt. Và những bộ lạc sống ở vùng này, tham gia vào cái văn minh này, được gọi là Bách Việt.

Người cầm đầu cho những bộ lạc Bách Việt này, huyền thoại gọi là Lạc Long Quân. Một huyền thoại khác cho người ấy là Rồng. Vợ là bà, huyền thoại gọi là Âu Cơ, vì bà đẹp đẻ lắm. Một huyền thoại khác bằng vào sự đẹp ấy, cho bà là Tiên. Và huyền thoại lại nói hai vợ chồng bất hòa, chia trăm đứa con làm hai, vợ dắt năm mươi lên núi, chồng dắt năm mươi xuống biển. Nhưng huyền thoại không nói rõ dòng giống, của kẻ lên núi bây giờ ở đâu, còn dòng giống của kẻ xuống biển bây giờ ở đâu. Đó là

một điềm mà các sử gia, bầy vào huyền thoại không đề ý đáp lại đề làm thỏa tò mò của người nghe huyền thoại và đọc sử Việt...

Bốn ngàn năm đã qua. Trong bốn ngàn năm ấy, loài người tập cái thói, hễ điều chi óc mình không quan niệm nổi, trí mình không giải thích nổi, thì loài người không cố gắng tìm hiểu rồi tìm thế mà thực hiện cho được. Trí óc lười biếng của họ làm cho họ sáng tạo ra đáng thiêng liêng này nọ, có phép mầu, có quyền vạn năng. Loài người không chịu tìm cho bằng, hay hơn các thiêng liêng do trí họ sản xuất ra, mà vẽ hình dựng tượng lập bàn thờ để chiêm bái ban ơn cho mình. Thái độ đó làm cho người muốn đem sức sáng tạo của người làm chủ tể cho hành động đành thúc thủ vô sách. Đó là cái « hiện sinh » căn bản, bao trùm tất cả, chi phối tất cả « hiện sinh » khác của loài người. Hiện sinh này đã tượng trưng bằng sự rút lui về núi của bà Âu Cơ, hình ảnh của trí. Còn ông chồng là Lạc Long Quân lại xuống biển. Ấy là hình ảnh hành động bị trầm luân trong cái thái độ người chối cái vạn năng của tinh thần sáng tạo của mình, lại để cho hành động bị chi phối không phải bởi trí tuệ, mà bởi quyền lợi, bản năng, hận thù...

Nếu Nietzsche nghiên cứu ý nghĩa của thần thoại Hy Lạp, của bi kịch Hy Lạp, của tu từ Hy Lạp mà lập thuyết của mình, thì Ngô Thu lại nghiên cứu ý nghĩa của các thần thoại thuần túy Việt Nam, mà xây dựng lý thuyết của *Thái Hòa Kinh* ; mà nâng đặt thêm cho một nhan đề phụ là « Lời nhắn của bà Âu ».

## 9

Bà Âu là Tiên, là mẹ sanh của cái văn minh đầu tiên của loài người mà xuất hiện ở vùng ôn đới của Cực Á Đông. Bà là Đẹp Dẽ, ấy là gồm cái Mỹ. Bà là Tiên, ấy là gồm cả Thiện, cả Chân, cả Trí Tuệ và sản phẩm của Trí Tuệ là lý thuyết.

Chồng bà là Rồng, là cha đẻ của cái văn minh ấy. Mặc dầu thiên biến vạn hóa, khi ẩn, khi hiện, khi núp nơi đầm mà thu mình vào con cù, khi cỡi mây lướt sóng, Rồng cũng chỉ là thú, chưa đạt đến trình độ người, lựa là đến bậc siêu nhân là Tiên. Rồng tượng trưng cho sức mạnh, cho hành động. Mà hành động lại bị bản năng, tình cảm, ưa, ghét, hận thù chi phối...

Rồng và Tiên lấy nhau mà sanh ra cái văn minh. Vì ăn quả là tượng trưng của sự thành công của Trí Tuệ. Trí Tuệ đã biết nếm trái nào ăn ngon và bỏ dưỡn, biết ươm trồng, gieo cái nhân để ngày kia hái quả. Mà kẻ trồng cây phải đem công phu, phân bón, vun quén, tưới nước và nhẫn nại đợi chờ. Nghề trồng cây cũng là một nghề luôn luôn cần phải cải tiến, canh tân. Nào đem giống mới về mà gieo ở vườn nhà cho vườn thêm tân kỳ, thanh mậu. Nào khai khẩn đất mới và tốt. Nào dùng đủ thuật chọn giống, chấp cây để cho trái càng thêm quý. Nó là một quá trình thường xuyên để cố gắng làm cho cao quý đẹp đẽ hơn. Ý nghĩa ấy làm cho người phương Tây mượn chữ culture là một chữ rút ở nghề trồng trọt, có nghĩa là trồng trọt để gọi cái văn hóa.

Cái văn hóa không mượn tiếng của nghề săn mà gọi mình. Săn có nghĩa gì là cải tiến canh tân đâu ? Săn là giết, để lấy thịt mà ăn. Săn là bắt thú mà nhốt lại để dành bữa khác mà làm thịt. Có cải tiến canh tân ấy là cải tiến vô khí. Anh thợ rừng, tìm được chất thuốc độc để tẩm tên mình, hễ bắn trúng con thú, thì nó chết tức khắc, chỉ làm cho kỹ thuật giết chóc tiến

đến tuyệt đỉnh. Thì mấy ngàn năm trước, Phục Hy là thần tượng cho cái nghề săn thú bắt thú, nào phải tượng trưng cho Văn hóa ? Tượng trưng cho văn hóa, là Thần Nông là kẻ sáng lập ra nghề trồng trọt để tìm cái ăn mà nuôi người, là kẻ nếm trăm thứ cỏ để tìm thuốc trị bệnh cho người.

Hơn bốn ngàn năm sau, Phục Hy và Thần Nông ở ngay trong lòng của mỗi người, trong các khối dân. Pha được thuốc pháo tín đồ của Thần Nông chế các loại, pháo bông, pháo thăng thiên để giúp cho người lạ tai vui mắt. Tín đồ của Phục Hy lại chế ra súng đại bác để giết được nhiều người và công hiệu hơn là đâm đá hay dùng dao mác.

Vào cuối thế kỷ XX, khi tinh năng nguyên tử xuất hiện, thì tín đồ Phục Hy tìm cách chế ra bom nguyên tử để giết một lượt mấy trăm ngàn người. Còn cũng với tinh năng nguyên tử tín đồ Thần Nông lại tìm cách trị bệnh, canh cải nghề nông, khoáng trượng tinh lực và nâng cao mức sống của người.

Các sử gia Tàu không hiểu ý nghĩa của huyền thoại, chép rằng vua Phục Hy có trước vua Thần Nông. Lầm to ! Lầm to ! Không có ông

nào tên là Phục Hy, cũng không có ông nào tên là Thần Nông, mỗi ông thấy sống dài đằng đẵng. Đó là hai tượng trưng cho cái văn minh liên tục và vươn lên hoài, thành cái Văn hóa, cái càng ngày biến cho con người càng đẹp đẽ hơn, cho người trở nên NGƯỜI.

Dân tộc Việt chỉ nhận mình là con cháu của Thần Nông. Trong bản năng, dòng sử của người Việt là dòng văn hóa. Lạc Long Quân không ý thức được điều đó. Vợ là Âu Cơ là cái tinh thần văn hóa. Rong bời còn thú tánh tiếp cận với tín đồ của Phục Hy mà sa đọa của chồng lôi cuốn theo. Đó là *cái ly vị vĩ đại* trong dòng sử của người Việt. Âu Cơ dắt năm mươi con lên núi, hình tượng rưng cho sự vươn lên. Lạc Long Quân dắt năm mươi con xuống biển, hình ảnh tượng trưng cho sự trầm luân cho sa đọa. Và mấy ngàn năm sử của dân Việt là mấy ngàn năm của năm mươi đứa con theo Lạc Long Quân, lặn hụp trong trầm luân, khổ ải trong sa đọa.

Đau đớn đã biến thành cái bản thể của người Việt. Người Việt không có anh hùng cá, không có loại thơ hùng và vui tươi. Thơ người Việt là thơ của rên siết của khóc than, của tuổi phận của đoạn trường. Nhạc của người

Việt là nhạc của sâu thẳm, của thôn thức, của náo nề. Không vậy sao được ? Vì Rồng và Tiên từ mấy ngàn năm đã ly dị nhau ? Phân tích ý nghĩa của huyền thoại Rồng Tiên, tổ tiên người Việt, Ngộ Thu đã dẫm chơn theo Nietzsche là kẻ đã tìm ý nghĩa của thần thoại Hy Lạp.

## 10

Bà Tiên Âu Cơ sau bốn ngàn năm ly dị với chồng là Rồng, xa cách năm mươi con, khắc khoải tình của vợ, tình của người mẹ. Cái bi của Thích Ca vì nhân loại, thế nhân chưa sống được cái bi ấy nó nào nuốt thế nào. *Chớ cái tình yêu chồng, thương con của bà Âu Cơ*, tất cả đàn bà đều có sống, đều biết nó đeo dặt đến mức nào! Văn nhân, thi sĩ đã tìm được những giọng bi ai để mượn miệng người chinh phụ tựa cửa trông chồng mà buột than, mà chẳng có đứa con cháu nào của bà Âu Cơ, tách rời bà suốt bốn ngàn năm, lại cất tiếng mà khóc bà, mà nhớ bà. Bị chồng là Rồng bỏ rơi, bị con cháu lãng quên, có đau khổ nào bằng đau khổ của bà Tiên Âu Cơ ? Mà nào phải bà kéo năm mươi con kia lên núi vì bà đã phạm tội đâu ? Bà ra đi, vì chẳng muốn cho tất cả con bà không

thấy ngụp lặn ttong trầm luân, vương vẩn trong sa đọa !

Trầm luân và sa đọa ấy là thời hạ ngươn, thời của ai ai cũng tưởng [mình thành công bằng tranh đấu, tưởng mình đề lên đầu người thì chắc chắn mình sẽ ngai đầu cao hơn người. Nào có đề mỗi ai thấy đấu tranh, mà kỹ thuật giết chóc đưa đến tuyệt đỉnh, thì không còn kẻ thắng người bại, mà cả thấy phải tận diệt. Rõng là bản năng, là hành động, rõng không thấy điều đó. Tiên là lý trí, là suy nghĩ, tiên ý thức điều đó từ ngàn xưa. Một cuộc ly dị kéo dài cả mấy ngàn năm, mà Rõng chưa tỉnh ngộ. Tiên có thể nhẫn nại mà chờ một vài ngàn năm nữa, cho chồng và cho con phản tỉnh. Nhưng khoa học và kỹ thuật không cho phép triền hạn sự phản tỉnh. Phải phản tỉnh ngay, bằng không thì khoa học và kỹ thuật sẽ dùng bàn tay của những cá nhân nuôi mộng làm Siêu Nhân, của những dân tộc nuôi mộng làm Siêu Dân Tộc mà đốt cháy tan địa cầu.

Trước thềm của thời đại nguyên tử, loài người đã được một lần cảnh cáo. Hitler nuôi mộng làm Siêu Nhân, đem mộng mê hồn thổi vào lòng dân tộc Đức : mộng ấy là mộng làm Siêu Dân Tộc. Cá nhân muốn làm Siêu Nhân, dân tộc

muốn làm Siêu Dân Tộc, điều ấy không đáng trách, lại nên khuyến khích. Đáng trách là nắm lấy khoa học và kỹ thuật mà làm vũ khí để đấu tranh, toan dùng bạo lực mà đè đầu tất cả để cho một mình mình lên. Đáng trách là vâng lệnh bản năng mà chẳng tuân lời của Trí Tuệ. Hitler đã đốt ngòi cho thế chiến thứ hai, đem tàn phá và tang tóc gieo rắc khắp hoàn cầu trong suốt mấy năm. Rồi nước Đức thua, rồi Hitler chết trong nguyên rủa của loài người.

Mà chỉ không đầy hai mươi năm lời cảnh cáo ấy chẳng còn được nhớ. Mao Trạch Đông mê say với giấc mộng Siêu Nhân, đem cái mộng làm Siêu Dân Tộc mà thồi vào lòng tám trăm triệu dân Tàu để cho họ làm tám vạn nhún mà nhảy phóng theo đường lối của Hitler đã nhắm. Bà Âu đứng trên cái thế của bốn ngàn năm suy tư, mà cả tiếng kêu gọi con cháu bà : « Làm Siêu Nhân, làm Siêu Dân Tộc, chỉ có con đường sáng suốt của bà vạch từ bốn ngàn năm mới dẫn đến đích. Phải vươn lên. Phải về núi, núi tượng trưng cho cao cả, cho cái nhìn thấy rộng và xa. Phải thành Tiên. Chớ nên mê mãi xuống biển, tượng trưng cho trầm luân sa đọa.

Dân Việt mà theo bà, thì trăm đứa con trở lại thành anh em, chấm dứt cái cảnh năm mươi

lên núi, năm mươi xuống biển. Dân Việt mà theo bà, thì đem Tình Thương và Tha Thứ lấp hố Chia Rẽ và Hận Thù. Dân Việt mà theo bà, ấy là Dân Việt làm Siêu Dân Tộc, hướng dẫn loài người rời ngươn của tranh đấu, của tự diệt bằng căm hờn và hận thù, tức là cái hạ ngươn, đề bước sang ngươn của Tình Thương, là ngươn Hạnh Phúc là Thượng Ngươn Dân Việt mà theo bà, ấy là Siêu Nhân xuất hiện, vị Siêu Nhân ấy là thủ lãnh của Siêu Dân Tộc. Tín đồ của Phật mừng rỡ, hoan nghinh, cho Siêu Nhân ấy là Maitreya giáng phạm đề chỉnh lại cái pháp. Tín đồ của Ki Tô, ca ngợi cho Siêu Nhân ấy là Đấng Christ tái lâm. Ai cũng cho đất Việt là đất lành bởi vì bấy lâu nay, Rộng theo cái văn minh của Phục Hy, dầu thiên biến vạn hóa, rộng vẫn là thú. Còn bây giờ, bước qua thượng ngươn, Rộng sẽ theo cái văn minh của Thần Nông. Tượng trưng cho sự chuyển thân ấy, rộng biến thành cây. Và *cây Rộng lại trở hoa*. Và người Việt mong chờ cái hội mà Rộng trở hoa trên đất Việt, mà tóm tắt họ gọi là hội Long Hoa.

Người Việt làm Siêu Nhân, Dân Việt là Siêu Dân Tộc, ấy không phải là dẫm theo vết chân của Hitler hay của Mao Trạch Đông. Bà Âu Cơ đã từ bốn ngàn năm cất tiếng gọi theo bà. Và Ngộ Thu nghe được tiếng gọi của bà,

chép tiếng gọi ấy làm bộ *Thái Hòa Kinh*, là bộ kinh nhật tụng của loài người trong mấy ngàn năm của kỷ nguyên nguyên tử...

Đó, tiếng gọi đàn đề thay lời tựa của *Thái Hòa Kinh*, Ngọ Thu đại lượt đã viết như vậy. Nàng đã duyệt đi, gọt lại mấy lần và hôm qua, nàng đưa cho Ulrich đọc qua. Suốt cả đêm, Ulrich đã đọc đi đọc lại tiếng gọi đàn này và nghiền ngẫm. Nên khi lên xe ông đã nêu cảm nghĩ :

— Thiên phóng sự mà tôi có trách nhiệm thu thập các chi tiết đề làm cho độc giả Đức cảm thấy rằng chiến tranh chấm dứt năm 1945 đến nay hai mươi năm qua, lửa nội chiến vẫn ngùn ở đất này và đe dọa ngôi cho cuộc chiến tranh nguyên tử, Người Việt là người đau khổ nhất về vấn đề Tồn Sinh của loài người. Ở đâu, nhạc và vũ của thanh bình làm cho người lãng quên cái Bi đất ấy. Ở Việt Nam, tiếng súng nổ bên tai, nhắc cho lòng luôn luôn thấy cái Bi đất hiện ra trước mắt. Tôi thấy triết gia Tây phương như Heidegger, Jaspers, Sartre, Camus băn khoăn về Hiện Sinh. Còn ở Việt Nam tất cả đều khoắc khoải bởi việc Tồn Sinh. Và tiếng gọi đàn của Ngọ Thu quả là tiếng bi ca của nàng, lột trần ý nghĩa của một huyền thoại dân tộc, mượn giọng

nói của lịch sử mà nói được thiên chức của nhà văn hóa, của kẻ mong muốn cho người càng ngày càng cao quý đẹp đẽ hơn, cho trở nên NGƯỜI, của kẻ từ chối cái thân phận vô nhân là sau cuộc chiến tranh nguyên tử, loài người phải lần mò lại con đường là mấy chục ngàn năm trước, họ đã từ hang đá mà đi ra.

Ngọ Thu không đáp ngay, một chập sau, nàng nói :

— Thừa ông Ulrich, từ hai ngàn năm trăm năm nay, đức Thích Ca đưa ra Tứ Diệu Đế để trị tâm bệnh. Khô, Tập, Diệt, Đạo. Đệ tử của Ngài dùng bốn cái ấy, biến hóa thành bốn ngàn pháp môn để trị liệu tâm bệnh cá nhân. Trong hàng đệ tử của ngài, chưa có vị bồ tát nào, đến những vị hiền trứ như Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân, Huệ Năng mà đem trí tuệ mà tìm những Diệu Đế để trị liệu « nhân bệnh ». Nay là lúc Matreya phải giáng trần để tiếp nối con đường mà Thích Ca Mâu Ni mới đặt những viên đá đầu. Tất cả người Việt đều tin rằng Maitreya sẽ đến thuyết pháp trên đất Việt này...

— ... trên] đất mà Rong sắp trở hoa, cỏ i lớp thú, vượt lột thú, vươn lên thành cây, mà trở hoa sanh quả. À này cô Ngọ Thu, mấy hôm

trước, chúng ta có đến viếng một nhà giàu xưa, tôi thấy nơi một chậu kiềng, chủ nhân có lấy một góc mai mà gọt thành một đầu Rồng, và uốn thân cây làm thân của rồng. Cô thấy cách chơi kiềng như vậy ra làm sao ?

— Thừa ông Ulrich, câu hỏi của ông đặt ra làm sáng tỏ rất nhiều vấn đề trọng đại của triết học, mà tây phương và đông phương không dùng chung một ngôn ngữ. Mai hóa long hay long hóa mai, đó là tại cái tâm của kẻ nhìn. Tâm là gì ? Phương Tây cho rằng tâm là ý niệm, cái nguyên tắc, cái nguyên nhân đầu tiên sinh hóa ra cái vũ trụ. Phương Đông gọi Tâm, cái gì giúp cho ta chọn lựa đường đi, giúp ta biến đổi ta và biến đổi vũ trụ. Phương Tây bảo Phương Đông mê tín theo số phận và dựa theo bói, theo tướng. Nhưng thầy bói, thầy tướng nào mà chẳng lấy câu «tướng tại tâm sanh, tướng tùy tâm diệt» ? Mai hóa long hay long hóa mai, cái đó là do tâm. Mà tâm ở đây không có giống nơi huyền bí của cái Idée của Hégel, hay là cái nguyên nhân đầu tiên mà lắm triết gia lẫn lộn với Thượng Đế Sáng Tạo.

Ulrich ngừng một hồi lâu, nhìn sông Đổng Nai uốn khúc rồi chun qua dưới cầu. Vài chiếc thuyền con lướt sóng vừa hiện ra trong tầm

mắt, thì xe đã qua khỏi cầu. Cảnh đất liền hiện trở lại. Ulrich nói :

— Cô Ngọ Thu à ! Quan niệm của các triết học gia về cái Tâm có thể ví như đất liền minh mông. Còn định nghĩa của cô ít oi nhỏ bé ví như dòng sông này. Khách lữ hành như tôi chỉ thoáng qua một vài giây. Ngày kia, rời xứ này tôi sẽ nghe luận điệu cũ, chẳng khác nào qua khỏi cầu tôi lại gặp đất liền.

Ngọ Thu đáp :

— Đất liền là cứng rắn, là khô khan. Dòng sông là sống động. Đất ở mãi chỗ cũ. Sông đổ ra biển, cả địa cầu, nhìn nước chiếm nhiều hơn đất liền ông Ulrich ạ ! Cái Tâm ấy cũng là cái Nguyên. Ông lấy chữ Hán mà chiết tự ra, ông sẽ thấy nó là chữ *nguyên* đứng bên chữ *hiệt*, cả hai thấy đều có nghĩa là đứng đầu, mà hiệp lại có nghĩa là mong mỏi. Phương Tây quay nhìn về quá khứ, trọng về vấn đề duy cái này hay duy cái khác. Phương Đông nhìn tới tương lai, nguyện cho nhân loại Tồn Sinh.

Ngừng một chút, dường như để đem trọn tâm linh mình ra mà nói một cái ý nghĩ đã ôm ấp từ lâu, Ngọ Thu tiếp :

— Tây phương tách rời «tâm» và «vật» và bảo cái này phải duy cái kia rồi bắt buộc cả vũ trụ phải «duy» theo họ. Gồm tám trăm triệu dân Tàu học đòi Tây phương, bắt buộc nhân loại «duy» theo Mao Trạch Đông. Bì đất là chỗ đó. Nay là lúc mà nhân loại phải cùng nhau, không phân biệt Đông và Tây, ngày ngày tụng *Thái Hòa Kinh* đề nguyện cho nhân loại Tồn Sinh. Còn khởi kỳ thủy, Tâm đã đứng đầu, hay Vật đã đứng đầu, mà cãi nhau về việc đã xảy ra hơn năm tỷ năm về trước, rồi giết nhau, ông Ulrich ơi, lòng tôi hoàn toàn chối một việc điên cuồng, và tập thể, vĩ đại như vậy.

Vừa buông câu kết luận ấy, thì chiếc Mercedes lại đỗ ngay trước cổng của Dưỡng Trí Viện Biên Hòa.

Từ sớm, Basu đã cùng Hayashi và Phương Nữ đã đến Dưỡng Trí Viện mà thăm Nghê Bá Lí. Họ Ngê tuy điên, mà cũng có lúc tỉnh. Chính là hai ba hôm nay chàng tỉnh nên bác sĩ Trần Tuấn Kiệt muốn cho các nhà trí thức nước ngoài đến gặp chàng. Ngoài đời chàng vốn là một giáo sư Việt văn, sành làm thơ, viết báo, có viết một vài tiểu thuyết, và sáng tác được một bản kịch. Kề ra, chàng có một ngọn bút khá linh động, thường diễn được một tâm hồn

dễ xúc cảm. Nhưng từ khi miền Bắc bị oanh tạc, thì sự cảm xúc này lại quá bén nhạy. Đến chừng các báo đăng tin đồn dập rằng Hồ Chí Minh không chịu tiếp nhận những phái đoàn thiện chí đến Hà Nội để đặt vấn đề thương thuyết thì chàng bấn loạn, gặp ai cũng hỏi :

— Tại sao mà Hồ Chí Minh không hứa đỡ bằng lòng thương thuyết với điều kiện tiên quyết là các cuộc oanh tạc miền Bắc phải ngưng đi ? Thương thuyết thì cứ thương thuyết, điều đình thì cứ đến điều đình. Bàn Môn Điểm cãi năm này sang năm kia không xong, kéo sang Genève cãi nữa. Rồi đâu chẳng ra đâu, đến bây giờ mười lăm năm rồi cũng chưa có ký gì cả. Nhưng có cái hay là dân Triều Tiên không chết vì bom đạn nữa.

Khi gặp bạn cũ mình là Hồ, Ngê Bá Lí cũng đặt câu hỏi đó. Thì Hồ đã đáp :

— Xưa khác, nay khác. Xưa Tàu quá yếu. Nay Tàu mạnh hơn. Xưa Mao Trạch Đông còn kiêng thầy mình là Staline. Nay Mao Trạch Đông muốn làm siêu hơn, thấy con đường nào cũng có kẻ đi rồi, chưa chắc mình chen vào mà tranh nội. Chỉ còn có độc con đường mà Staline

đã dẫn vào, là còn trống. Mao Trạch Đông không muốn ai cạnh tranh, một mình một chợ, thấy mình tuổi già, cướp thời gian mà đi còn quá trớn hơn Staline.

— Việc ấy là việc của Mao Trạch Đông, can có gì đến Hồ Chí Minh.

Hồ cười đáp :

— Hồ Chí Minh là bác sĩ Faust của thế kỷ XX và hiện ở Việt Nam. Suốt đời lặn lội đến tuổi già Hồ Chí Minh gặp Méphistophélès của thời đại là Mao Trạch Đông, bán cái trinh bạch của nàng Marguerite của thế kỷ XX là chánh quyền. Cũng nàng Marguerite ấy làm cho ba anh em Diễm, Nhu, Cần mê say đó. Giá mua cái tình yêu đó là cái linh hồn của mình rồi. Thì Méphistophélès có mấy triệu linh hồn Việt xuống âm cung đề hầu hạ mình, thì tất nhiên Faust phải vâng theo. Faust đâu có quyền tạo một Bàn Môn Điểm thứ hai, đề hai mươi năm hai bên phun nước bọt? Méphistophélès nào có cần nước bọt? Méphistophélès cần có linh hồn người Việt thôi. Chỉ tiếc là Faust, trước khi làm được bác sĩ, chỉ là một thường dân, lại có kẻ biến thường dân nọ làm bác sĩ, đề cho Méphistophélès

trọng tài mà đem cái duyên non của Marguerite mà đòi lấy linh hồn cho.

Câu nói của bạn làm cho Ngê Bá Lý đốn đau, có mặc cảm phạm tội, và ba hôm sau phát điên. Dời lên Dưỡng Trí Viện Biên Hòa, Ngê Bá Lý được bác sĩ Trần Tuấn Kiệt dùng thảo mộc trong xứ mà chế ra một thứ thuốc đặc biệt đề trị cho. Bây giờ, tuy chưa hoàn toàn khỏi, song cũng có đột ít ngày tỉnh trí. Nói rằng tỉnh trí, chưa ắt là đúng. Tìm một danh từ đề tả trạng thái tinh thần này cũng khó. Bác sĩ Trần Tuấn Kiệt mô tả trạng thái ấy bằng một lý thuyết về tâm lý học như sau :

— Mỗi lượt ta thu nhập một điều gì vào cái thức của ta, do sáu cái cửa là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý thì điều ấy vào cái thức ta trong hình thức đơn vị. Nhà Phật gọi ấy là chủng tử. Vào thức của ta, những đơn vị ấy chuyển qua chuyển lại trong ba cái thể giới khác nhau là thể giới của ý thức, của tiềm thức, của vô ý thức. Gọi là chủng tử vì chúng ví như hạt đã gieo vào chỗ ươm, mọc lên, phát triển, sinh hoa, kết quả và mọc tràn lan ra nữa. Tâm của ta lại có khả năng lạ, là bất cứ lúc nào, mọi một

chúng tử lên cũng được, xếp nó lại ngăn của nó cũng mau. Nhưng khả năng này, đối với người mắc bệnh điên, lại mất đi. Cùng một lượt, nhiều nhóm chúng tử lại trời lên, tranh giành nhau mà chường ra ngoài, bằng điệu múa, bằng lời, có khi bằng cái nếp ăn ngủ, đi, đứng. Thuật trị bệnh điên là làm sao vẫn hồi cái khả năng tổ chức và chỉ huy chúng tử trong tâm thức của người điên.

Và, đối với Ngê Bá Lí, bác sĩ phải tốn công phu mà nghiên cứu rất nhiều để tìm một cách trị bệnh đương xứng. Vì Ngê Bá Lí không trở lại trạng thái quân bình của người thường, mà lại từ một cái điên này chuyển sang một cái điên khác. Cái điên trước là cái điên của người có mặc cảm phạm tội. Chuyển sang qua, ấy là cái điên của người nuôi mộng làm một thứ Thánh Jean Baptiste mà báo tin rằng nhưn loại sẽ có một phúc âm mới...

Khi Hayashi đặt giỏ trái cây trước Ngê Bá Lí và đứng thẳng người, cúi đầu ba lượt để làm lễ, thì Phương Nữ thay lời anh mà nói :

— Thưa ông Ngê Bá Lí, bác sĩ Trần Tuấn Kiệt cho chúng tôi hay rằng hôm nay ông đủ

tư cách mà trình bày cho chúng tôi nghe do đâu một ông thị kiến thấy rằng một vị cứu tinh mới sẽ xuất hiện ở xứ này. Chúng tôi vội vã đến đây mà nhờ ông chỉ giáo.

Ngô Bá Lí đứng dậy đáp lễ, mời cả ba bước ra hành lang, cùng ngồi nơi một cái băng dài còn mình thì đi qua, đi lại, khi vung tay lên không trung, khi đặt nơi ngực mà nói :

— Tôi không tự đặt ra một huyền thoại mới. Tôi chỉ lắng tai nghe những lời của tiên bối, của vũ trụ, mà tôi nói ra.

— Những kẻ tiên bối, đã nói gì ?

— Những kẻ tiên bối đã sớm biết rằng đất này là đất lành. Khởi kỳ thủy, giống Indonésien đã cỡi bè vượt biển mà đến đây định cư, với mong muốn rằng con cháu mình sẽ hưởng thiên ân chắc chắn ban cho phước địa. Kể đến từ Tây Tạng, đoàn người đi bộ băng rừng, lần lần mà đến, bây giờ hiện tượng hãy còn. Hiện tượng này nhiều sử gia gọi là cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam. Thật sự ra nó chỉ là sự tìm phước địa của một bộ phận của dân tộc. Hơn hai ngàn năm trước, từ Ấn Độ, người

Bà La Môn kéo đến, hiệp với thổ dân mà dựng nước Phù Nam. Sau đó, nhiều vị cao tăng, đem Phật pháp đến. Gần ta đây, khi nhà Thanh dứt nhà Minh, thì một số người Minh tìm nơi phước địa đến đây định cư trước người Việt. Đến lượt người Việt, thì đợt này tới đợt kia. Cách đây mười năm, cả triệu người đến đất lành... Đó tiền non đã biết trước đất này là đất lành, nên từ mấy ngàn năm nay, tìm đến ở đất...

Basu cười nói :

— ... Đất Hứa Hẹn.

— Phải ! Đất Hứa Hẹn. Mỗi người đem tinh hoa của mình đến, tinh hoa ấy bồi vào tâm hồn của dân xứ này. Không khác nào phù sa ở gần khắp vùng Đông Nam Á được nước sông Cửu Long cuốn đem đến mà bồi lưu vực sông này. Và trên đất phù sa phì nhiêu này sẽ mọc lên đóa hoa, phải đóa hoa.

— Hoa ấy tên là gì ?

— Hoa ấy mọc trên sông Ròng.

Basu đứng dậy, trịnh trọng hỏi :

— Đức Thích Ca, khi gần tịch có nói với đệ tử rằng hai ngàn năm trăm năm sau Ngài, đức

Maitreya sẽ giảng phàm mà thuyết pháp dưới cội Long Hoa. Nay sao ông nói hơi khác vậy ?

Ngê Bá Lí đưa hai tay lên trời, dường như nói rằng mình chẳng làm sao gánh trách nhiệm của sự sai lầm của kẻ khác :

— Tôi xin lỗi ông Basu, chúng ta phải lấy tinh thần phê phán mà rơi vào điềm đó. Thích Ca không có để lại một tác phẩm viết nào cả. Lời của Ngài dạy, khi ngài tịch, thì đệ tử hội với nhau nhớ đâu thì nhắc đó. «Dưới cội Long Hoa», hẳn Đức Thích Ca có nói như vậy không ? Hay là ngài đã nói gì khác, mà kẻ nghe không hiểu, thành ra lập lại lầm. Khẩu truyền mấy trăm năm lẫn, đến khi ghi vào kinh luận, ai đảm bảo rằng đáng với lời của Phật ?

— Nhưng ông nghĩ sao ?

— Tôi nghĩ rằng từ hai ngàn năm trăm năm nay, không thấy nói cội cây nào là cội cây Long Hoa cả, không thấy đâu có nói cội Long Hoa mọc ở đâu. Còn theo tôi, Hoa là một cái gì đẹp đẽ, có sắc, có hương, có thể kết trái, trong trái có hạt gieo đi, mọc cội khác. Vì vậy mà ta thường gọi cái vầu hóa là Hoa vậy. Nói một

cách bóng bảy Long Hoa là một cái văn hóa xuất hiện ở vùng sông Rông. Và hai ngàn năm trăm năm trước, Thích Ca dùng lời bóng bảy mà báo hiệu cho cái văn hóa mới phát xuất từ sông Rông. Ý nghĩa chữ Long Hoa là vậy, không có gì cả.

## 12

Bác sĩ Trần Tuấn Kiệt mời khách dùng trà xong, đứng dậy nói :

— Thưa quý vị, cả thế giới nói chung, quý vị nói riêng, thấy đều thắc mắc đặt dấu hỏi : Việt Nam đi về đâu ? Bởi vì cả nhân loại đều có cảm giác rằng cuộc xung đột ý thức hệ ngày nay chẳng khác chi một quả bom nguyên tử không lồ, mà Việt Nam là cái ngòi...

Ngê Bá Lí chận ngang nói :

— Không phải ! Việt Nam không phải là cái ngòi để làm cho quả bom nổ. Cái ngòi ấy chỉ là một người. Người ấy lại không phải là người Việt Nam. Tôi xin đính chánh !

Bác sĩ Kiệt tươi cười, cúi đầu đáp :

— Tôi vui lòng đính chánh. Và tôi cũng vui lòng nhường lời cho ông Ngê Bá Lí. Quý vị đây,

lặn lội từ Saigon mà đến, chỉ ước mong cho ông vén mây mù mà cho rọi một vài tia sáng của Thái Dương. Chớ tình thế rắc rối như vậy, không còu có phương pháp của khoa học giúp cho loài người tìm được lối thoát.

Ngê Bá Lí không đáp, nhắm mắt híp lại, dường như dồn nhãn quang để nhìn một cái gì ở bên trong. Ulrich nói và Ngọ Thu dịch lại từng câu :

— Tôi cũng đồng ý với Bác sĩ rằng lý trí suy luận của Tây phương trưởng thành theo nếp của Aristote đã vạch không làm sao giúp cho loài người tìm được CHƠN LÝ.

Ngê Bá Lí vẫn không mở mắt từ từ nói lời :

— Tây phương chỉ chăm chú để mắt tìm đường Diệt Sinh thì đâu có mắt nào rảnh rang thay được CHƠN LÝ. Bởi vì Chân Lý ở bên phía Tồn Sinh. Phải nhìn ở bên phía ấy kia ! cũng như hừng sáng, thì phải hướng về phương Đông mới đón thấy Mặt Trời.

Ngê Bá Lí lại ngừng một chập rồi cũng với dáng điệu cũ, nói :

Này ông Hayashi, ông là người Nhật, ông có thể nói lên cho tất cả dân tộc Á Châu cái kinh

nghiệm sống của dân tộc Nhật !

Phương Nữ dịch lời của anh, hỏi :

— Chẳng hay kinh nghiệm sống là kinh nghiệm nào ?

— Là trước 1905, nước Nhật bị Tây phương hiếp đáp. Dân tộc Nhật chống lại Tây phương, điều ấy quả là hay. Nhưng tại sao chống lại được Tây phương rồi, lại thọt cẳng vào hia của Tây phương mà đi? Mang hia của Tây phương mà đi con đường của Tây Phương theo con đường hiếp đáp các dân tộc khác, chính cái đó là hàng đầu Tây phương rồi ! Các vua Mãn Châu thắng nhà Minh, mà đội mão, mặc áo, mang hia của người Tàu để làm vua Tàu, ngày ấy là ngày diệt quốc của dân tộc Mãn Châu. Ngày đó là ngày thua trận không thể cứu vãn được của dân Mãn. Hết rồi ! Hết rồi ! Dân Mãn Châu đã mất địa đồ trong quyền sử..

Ngê Bá Lí ngừng nữa, trầm ngâm lắc đầu rồi nói :

— Cô Cầu Lệ ơi ! Hạnh phúc lớn cho dân tộc ta, mà năm 1792 vị anh hùng Quang Trung mất sớm.. Phỏng Quang Trung sống thêm bốn mươi năm nữa. Ngài đã cưới được công chúa

nhà Thanh làm hoàng hậu, dẫn đại đội hùng binh chinh phục nước Tàu, xưng đế cả nước Tàu, cũng như giữa thế kỷ XVII nhà Thanh đã dựng. Lịch sử sẽ ghi Ngài là anh hùng. Song lịch sử cũng ghi người Việt ta sang Tàu làm quan đề rồi Tàu hóa, đề rồi từ mũi Cà Mau đến biên giới Nga thành một khối người Tàu, đề rồi giống Việt cũng như giống Mãn. Và cô Cầu Lệ ơi! Đề rồi tất cả làng mạc ở đây biến thành công xã, dưới sự lãnh đạo độc nhất của Mao lãnh tụ.

Cầu Lệ căn môi dưới khá lâu, dường như tập trung tất cả nghị lực hầu dần lòng. Nhưng, dần không nổi, nàng nói :

— Từ rất lâu tôi đã suy gẫm về sự thắng trầm của các dân tộc. Những đế quốc xưa như Hy Lạp, La Mã, Nam Tư đã có thời chói lọi, nhưng rồi tàn Đế quốc không lồ hơn tất cả, là đế quốc Mông cổ, tưởng đâu mình là con trăn nuốt con nai, là Tàu, sẽ tiêu hóa nai rồi vẫn còn trăn. Té ra con trăn tiêu mất đi, mà con nai còn nguyên vẹn. Mãn Châu nhỏ bé, chiếm nước Tàu đề thành hàng tỉnh của Tàu. Tôi đồng ý với ông rằng nếu hoàng đế Quang Trang làm hoàng đế của Tàu, thì nước Việt chúng ta hiện nay đã mất quốc tộ và tất cả chúng ta hiện đang reo hò đá

đảo bọn xét lại ở Nga. Và thừa ông Hayashi may cho nước Nhật là năm 1945 nước Nhật thua trận. Bằng không vậy, quân đội Thiên Hoàng sang Bắc Kinh làm siêu Hoàng Đế của siêu Đế quốc da vàng. Ấy là ba trăm năm sau nước Nhật cũng tiêu mất...

Lòng tự ái dân tộc của Hayashi phản ứng, không chấp nhận một kết luận bi quan như vậy. Nhưng Phương Nữ đã bàn góp :

— Tôi rất đồng ý với chị Cầu Lệ. Từ mấy ngàn năm nay, các triều đại ở Tàu có mất. Nhưng dân tộc Tàu không bao giờ thua. Sức bành trướng của dân tộc Tàu không bao giờ ngừng. Bành trướng bằng nuốt mất các nước bị thua. Bành trướng bằng cách tiêu hóa ngay các dân tộc đã thắng các triều đại của họ. Quân Mông Cồ đã thắng nhà Tống, nhưng dân Mông Cồ đã thua và bị nuốt bởi dân Tàu. Quân Thanh đã thắng nhà Minh, nhưng dân Mãn đã bị dân Tàu nuốt mất. Các sử gia không để ý đến hiện tượng bất khả phản hoàn (irréversible) này. Các nhà chánh trị không lo xa mà đề phòng cái hiện tượng bất khả phản hoàn này...

Bác sĩ Trần Tuấn Kiệt đứng dậy, ra dấu can thiệp cho Phương Nữ đừng nói nữa. Cũng may là Ngê Bá Lí vẫn nhắm mắt nên không thấu sự can thiệp nọ. Nghe Phương Nữ nín lặng khá lâu, họ Nghê nói :

— Nhưng cô ơì, các sử gia không thấy một sự mâu nhiệm. Phải ! Đó là một sự mâu nhiệm ! Sự mâu nhiệm này chứng minh rằng cái mà cô gọi là hiện tượng bất khả phản hoàn vẫn có thể phản hoàn như thường,... vẫn có thể phản hoàn ! Sự mâu nhiệm này, cô có thấy không ? Đó là sự dân tộc Việt, sau một ngàn năm Bắc thuộc, lại có thể quật khởi lại, mà mưu sự tự chủ. Con trần nuốt con nai đã tiêu hóa mấy đời mấy kiếp rồi. Nào dè con nai từ miệng trần mà vọt ra, nhảy tung tăng cả ngàn năm nay, thỉnh thoảng trần nọ há miệng tính quạp con nai. Nhưng nai lại búng chân vào mồm trần, đau điếng. Những cái búng chơn ấy mang những tên riêng là Lý Thường Kiệt, là Trần Quốc Tuấn, là Lê Lợi, là Nguyễn Huệ. Thế là ở khắp nơi, hiện tượng mà cô nói đó là bất khả phản hoàn. Còn ở góc trời Nam, hiện tượng lại phản hoàn luôn luôn. Mâu nhiệm ! Mâu nhiệm !

Ulrich gật đầu công nhận lời Ngê Bá Lí và nói :

— Ông Ngê quả có một cái nhìn sáng suốt.

— Nào phải là cái nhìn của tôi ? Tiền hơn đã nhìn thấy rồi, đã ghi lại rồi, đã dùng văn chương truyền khẩu là sấm ký và tuyên hóa khắp dân gian. Từ thế kỷ thứ XVI, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã dạy : « Nước Nam thường có Thánh Tài ». Bọn hậu sinh, hít vài xác mía của tư tưởng Âu Tây, nhứt là cái xác mía của scientisme, nghe ngọt ngọt, vội vã phủ nhận cái mẫu nhiệm ấy. Có dè đâu miếng mía ấy, Tây phương hít hết nước ngọt, rồi nhả cái xác. Có tư tưởng gia nào ở Tây phương còn dám nhai xác mía ấy nữa đâu ? Thế mà bọn hậu sinh lượm xác mía mà nhai, mà nuốt, mắc cở, trợn trắng cả mắt, mà vẫn còn cãi bướng rằng « nước Nam không thề có Thánh Tài », Tôi hỏi đám hậu sinh ấy : « Nếu nước Nam không thường có Thánh Tài, thì làm gì mà thoát được ách đô hộ của người láng giềng khổng lồ ở phương Bắc, sau một ngàn năm đô hộ ? Một ngàn năm ! Một ngàn năm, nào có phải là một sát na ? Dân tộc Mông bị tiêu hóa trong vài trăm năm. Mỗi người Việt đều phải là một

«thánh tài» mới giữ cho dân tộc Việt không bị đồng hóa sau một ngàn năm đô hộ. Tôi hỏi đám hậu sinh vọng ngoại «VẬY chớ Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ không phải là thánh tài sao?»

Hayashi đặt câu hỏi :

— Người xưa quả là Thánh Tài. Nhưng bây giờ nước Việt bị chia đôi. Mười bảy triệu người ở phương Bắc, cộng một số ở phương Nam, lại lót đường cho tám trăm triệu dân Tàu tràn xuống Đông Nam Á. Nên lòng tôi bi quan. Tôi băn khoăn tự hỏi : «SỐ phận dân tộc Việt ra làm sao ? » Tôi tìm không ra lời giải đáp. Nhờ ông dùng giác quan thứ sáu mà trông nom viễn đồ của dân tộc Việt nói riêng của chân loại nói chung sẽ ra sao ?

Ngê Bá Lí đáp :

— Thấy thì tôi chưa thấy nhưng tin thì tôi vẫn tin. Tôi tin rằng 2.500 năm trước đây, loạn ly bủa khắp mặt đất, là kích thích tổ cho những tư tưởng vĩ đại ra đời. Moise ở duyên biên Địa Trung. Thích Ca ở lưu vực sông Hằng, Khổng, Lão, Trang, Mạnh, ở Tàu ; bây giờ loạn ly lại to lớn vô cùng. Ông Ulrich ơi,

hể nước Nam thường có Thánh Tài nơi đất mà «Rồng sắp trở hoa» như ông đặt tên cho thiên phóng sự của ông, tất nhiên lần này phải có Thánh Tài xuất hiện ! Đây ông Ulrich, đề tôi đọc đoạn kết của bài sấm ký mà tôi chỉ nhắc có câu đầu. Khi mà, lần này, Thánh Tài xuất hiện thì.

*... Dũng sĩ nhược hải, mưu thần như lâm*

*Trần Công nãi thị phúc tâm,*

*Giang hồ xử sĩ, Đào Tiềm xuất du.*

*Tướng thần hệ xuất Y, Chu,*

*Thử ky phục kiến Đường, Ngu thi thành.*

*Hiệu xưng thiên hạ thái bình,*

*Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia.*

Ngê Bá Lí ngâm nga, trầm bổng như một nữ ca sĩ trứ danh. Đến bốn chữ chót, chàng nạt thành bốn tiếng lớn, làm cho mấy người đàn bà giật mình. Bấy giờ chàng mới mở mắt mà nhìn...

Chèng thấy tất cả bu quanh Phương Lan đang xỉu, bất tỉnh té nằm dài nơi đất. Bác sĩ Trần Tuấn Kiệt bắt mạch xem nàng còn sống chăng ? Cầu Lệ bán loạt gọi điện thoại kêu y tá đem thuốc cứu cấp đến. Ulrich, Basu, Hayashi

Thu và Phương Nữ hè nhau nâng Phương Lan lên đề trên bàn...

Sau mũi thuốc tim, vài Phút sau, Phương Lan cự mình, rồi nứt lên khóc và kêu :

— Anh Cầu Chơn ! Anh Cầu Chơn !

**Hết phần thứ hai.**

## PHẦN BA

### PHƯƠNG LAN

#### I

Từ hôm ấy, Phương Lan được nhận ngay vào Dưỡng Trí Viện Biên Hòa. Ban đầu, nàng nói xàm. Cậu Lệ tưởng đâu nhờ bác sĩ Kiệt săn sóc thuốc men ít hôm, thì em dâu sẽ khỏi. Nhưng Lan bớt nói, nhưng điều nàng nói lại càng khó hiểu hơn.

Bác sĩ Kiệt có một phương pháp đặc biệt để nghiên cứu con bệnh của mình. Kề ra cũng hao tốn lắm. Vì đối với một con bệnh, có khi phải dùng thường trực hai ba bác sĩ chuyên môn và ba người điều dưỡng có tập nghề đặc biệt. Ngân sách chính phủ không cho phép áp dụng phương pháp này cho bất cứ con bệnh nào. Nên bác sĩ Kiệt chỉ dùng để nghiên cứu một vài con bệnh, với quan điểm hoàn toàn khoa học. Và lại cũng chưa có bác sĩ nào rèn luyện theo phương pháp đề cộng tác.

Đối với Phương Lan, sẵn có sự nghiệp to và Cầu Lệ cố gắng trả bất cứ hao tổn nào, thêm có cả Ulrich, Ngọ Thu, Phương Nữ, Basu và Cầu Lệ tình nguyện, nên bác sĩ Kiệt ráng nghiên cứu tâm bệnh của Phương Lan.

Những cái máy ghi âm gắn trong phòng của nàng, chạy thường trực. Mỗi lời nàng nói được ghi vào băng nhựa theo cái trật tự tự nhiên của nó. Máy người thư ký đánh máy, dựa theo các băng nhựa ấy, mà đánh tất cả lời nói của Phương Lan, không sót chi cả. Đây là những tài liệu mà bác sĩ Kiệt dùng. Chàng cắt nghĩa cho đám « đồ đệ » tạm thời của mình như sau :

— Theo tâm lý học của nhà Phật, cái thức của ta là một cái kho, chứa những chủng tử, tức là những đơn vị của tâm tư ta. Kho này có ba hiên. Hiên của giác thức. Hiên của tiềm thức. Hiên của vô thức. Lương tri và lương tâm ta là viên quản thủ có một tài tổ chức vô lường. Mỗi chủng tử thì cất vào kho, chỗ nào chỗ nấy phân minh. Khi ta nói chuyện hoặc suy tư, hoặc viết lách, thì vị quản thủ đưa ra những chủng tử theo một hệ thống cũng phân minh. Ta dùng xong, ấy là cho chở về kho như cũ. Kẻ thông

minh, người ngu đần, kẻ tầm thường, người thiên tài khác nhau ở vị quản thủ ấy. Người mạnh khác hơn người điên, ấy là do vị quản thủ ấy. Người mạnh là kẻ có một vị quản thủ làm đầy đủ phận sự của mình. Người điên là kẻ mà vị quản thủ này, vì một lý do này hay một lý do khác, không làm đúng phận sự mình...

Ông Ulrich hỏi, nhờ Ngô Thu dịch lại :

— Và phép thiền của nhà Phật có phải chẳng là một thứ rèn luyện vị quản thủ ấy chẳng ?

— Không biết các nhà sư nghĩ sao. Chớ tôi lấy quan điểm của khoa học Tây phương thì tôi cũng nghĩ như ông vậy. Thiền ấy là tập luyện cho vị quản thủ cái Tâm Thức của mình. Do đó mà có các cấp bậc trong thiền các hình thức thiền, các sắc thái thiền. Các chủng tử không phải là những quyền sách bất động, mà quản thủ thơ viện đề nằm nơi kho nào nơi tủ nào, nơi kệ nào là nằm luôn tại đó chờ ta lấy. Chủng tử là một thứ «chúng sinh» có sinh, có tử, có bệnh, có lão, có xã hội tính, kết đoàn, chia lũ với nhau... y như xã hội loài người. Và quản thủ Tâm Thức ví như Thượng Đế chúng. Chúng đã có sự sống, kho của Tâm Thức ví như những cái chuồng, thì chúng lại từ cái chuồng mà xuất

hiện. Và như ông Ulrich nói, thiên là sự rèn luyện vị quân thủ ấy để điều khiển chúng tử, như ở phường xiếc, người nài điều khiển thú của phường.

Tôi đồng ý. Và khi người nài không làm đúng phận sự, thì thú loạn, vượt các chuồng một cách vô tổ chức. Ấy là chủ nhân điên. Tôi nghe nói có lắm người vì thiên mà điên, ấy bởi vì tập cho thú phá chuồng, chúng loạn quá, quân thủ trị không lại và bị thú nó «đảo chánh». Và đảo chánh rồi, chúng không có ai thay làm vị quân thủ mới.

Bác sĩ Trần Tuấn Kiệt gật đầu đáp :

— Đúng lắm ! Đúng lắm ! Tôi lại không cho là một cuộc «đảo chánh». Tôi lại cho rằng là một cuộc «đại loạn ly», như cuộc loạn Xuân-Thu bên Tàu, mà chẳng có chư hầu nào vươn lên mà làm bá nòi. Chúng tử kết bè, kết đảng, tranh nhau, chống đỡ ối nhau, để giành nhau mà «làm bá». Từng bè, từng lũ, tạm làm chủ ta trong vài phút thôi. Ấy là ta nói tiếng nói của bè lũ ấy. Miệng của người điên ví như đài phát thanh mà các lực lượng tương tranh, tranh nhau, chiếm lấy, đọc bản tuyên ngôn của mình, chưa xong lại bị

lượng khác đến cướp. Còn kẻ bàng quan như chúng ta đây, như là thánh giả ngoại quốc, vặn radio mà nghe đài phát thanh của một nước đang hồi đại loạn. Một lát như thế này. Một lát như thế kia. Chẳng hiểu chi cả.

Ulrich gật đầu khen :

— Lý thuyết của bác sĩ Kiệt sâu sắc lắm. Xin phép đề tôi ngoại suy, coi đó đúng chẳng... Nhưng nếu ta không phải là kẻ nghe radio tầm thường mà chúng ta là một nhóm sử gia chúng ta ghi tất cả lời của đài phát thanh nọ, ta phân tích ra, ta vị loại những mảnh múng loạn xị đó theo hệ thống, thì ta có những bản tuyên ngôn có đầu đuôi của bao nhiêu lực lượng đang tranh đấu nơi xứ xảy ra loạn li nọ.

Bác sĩ Kiệt khiêm tốn nói :

— Tôi giả thiết y như ông. Tôi áp dụng giả thiết ấy mà nghiên cứu trường hợp của Ngê-Bá Lí. Cuộc phân tách Tâm Thức của họ Ngê làm cho tôi thấy trong người Ngê, có ba đảng lớn. Một là họ Ngê muốn làm nhà văn Hai là họ Ngê muốn làm một nhà chính trị. Ba là họ Ngê muốn làm một nhà giáo chủ. Ngay như trong mỗi đảng, lại có bè phái tương tranh, nào muốn làm thơ, nào muốn viết kịch, nào muốn

sáng tác tiểu thuyết, nào muốn làm học giả. Khi làm học giả, tìm được một kết luận nào, thì lại muốn làm nhà chính trị, ép buộc thiên hạ phải theo mình. Học giả Ngê, có một mớ ý kiến về lối chính tả, thì lại muốn làm Tần Thi Hoàng mà «định xa thơ», ép tất cả người cùng thời phải theo phép lục thơ của Lý Tư thừa tướng đề nghị. Chính trị họ Ngê lại thấy làm chánh trị theo lối cò diều chậm lắm, muốn sách động quần chúng mau lẹ, thì lập tôn giáo mới, mình làm giáo chủ, thì một lệnh đưa ra, tín đồ ùn ùn vâng theo... họ Ngê sẵn có sự tương tranh, thì một sự kiện nhỏ nào, hoặc buồn vợ, hoặc giận bạn, họ Ngê mất vị quản thủ Tâm Thức mình... ấy là họ Ngê lên đây làm khách của tôi.

Dừng lại, liếc nhìn lại coi có ai hoài nghi, đặt câu hỏi chi thêm, bác sĩ Kiệt mới nói tiếp :

— Bà Phương Lan là một nước đại loạn. Chúng ta là sử gia ngoại quốc, nghe đài phát thanh của bà. Đề xem trong cái nước đại loạn ấy có những lực lượng nào... Đó là giai đoạn đầu. Theo phép trị liệu của y học cũng như của Phật học, phải tìm hiểu nguyên nhân, nhiên hậu mới trị liệu được. Những lời của bà

Phương Lan ví như đồng kiếng bể, do năm bảy miếng kiếng màu vỡ ra và trộn lộn nhau. Trước tiên ta, ta hãy lựa những miếng cùng màu kể đến ta ráp những mảnh cùng màu ấy để tác lập hình dáng của miếng kiếng... Và phép trị liệu, tôi sẽ trình sau.

## 2

Cầu Lệ tự lái xe, bên cạnh đặt đứa cháu gái là Phương Huệ. Nàng rời khỏi thành phố Biên Hòa, dõng theo con đường đi Trị An. Một ý tưởng thoáng qua trong óc nàng. Cái tên Trị An phải chăng là mục đích của hành trình của nàng. Từ hôm Phương Lan xúc động té xỉu, rồi điên luôn, Cầu Lệ cảm thấy lòng bồn loạn và sắp điên theo đứa em dâu. Thế giới điên, dân tộc trải qua cơn cuồng loạn, gia đình phải cơn bão táp, Phương Lan điên theo cái vũ trụ mất lý trí. Và nàng truyền nhiễm. Những phương thức hữu hình của khoa học không không làm sao trị được cuộc cuồng loạn tập thể này. Nàng cảm thấy cần tìm ở một cái huyền vi. Kết luận như vậy, song nàng cho rằng các nhà tu bây giờ đã thất truyền, nàng chẳng biết hỏi ai để mà tìm được cách cảm thông với huyền vi ấy.

Nàng nghĩ rằng Phật pháp du nhập vào miền Nam này trước nhất trong hình thức Theravada mà hiện nay các ông sãi Miên còn theo. Nhưng suốt hai ngàn năm, chưa nghe nghe nói có vị sãi nào đạt đạo. Vào thế kỷ XV, một hai phái của Bạch Liên Giáo một thứ tổng hợp Bạch Liên giáo và thiền tông đến xứ này và dựng ngôi chùa Bửu Sơn mà Cầu Lệ sắp viếng đây. Phái Bửu Sơn này sau ra, lại phát xuất một chi ở miền Hậu Giang. Chi này là chi Bửu Sơn Kỳ Hương, đến nay rất phồn thịnh. Chính là chi này đã hun đúc nên làm vị « đại giác » mà lời tiên tri đến nay đã được thể hiện rõ ràng. Vì lẽ ấy mà Cầu Lệ đến viếng chùa Bửu Sơn, với lòng được đại ngộ.

Xe đến chơn đồi. Cầu Lệ đóng cửa xe, một tay xách giỏ trái cây, một tay ẩm Phương Huệ, nàng leo dốc đồi mà lên chùa. Nơi đại điện, khách đến viếng đông đảo. Thiện nam tín nữ nối nhau quỳ lạy. Nàng mượn một cái đĩa to, đặt quả vào và bưng đề trên bàn mà cúng Phật. Nàng dắt Phương Huệ đến đứng trước bàn mà khấn. Khấn ai ? Khấn ai đã phát đại nguyện là sao chấm dứt nạn người giết người ?

Nàng sức nhớ, hồi nhỏ xiu lúc nàng còn ở

Cần Thơ, nàng có nghe sự tích người nọ chẳng chịu tu hành gì cả, gặp Phật Bồ Tát hỏi chàng nguyện gì, mà tuyên bố rằng chỉ nguyện cho cho người đừng giết người nữa, mà được thành Phật, được mười tám vị Bồ Tát rước về Tây Phương lần đưa con còn ẵm trên tay. Nay Cầu Lệ chẳng cầu thành Phật. Nàng thấy nàng khờ. Nàng thấy đứa cháu đại đang khờ vì mất cha, vì mẹ điên, không côí cút mà hơn côí cút. Nàng thấy em dâu đau khờ đến nỗi mất trí, đến nỗi điên. Tất cả anh em trai đều nằm trong nanh vuốt của một chế độ độc tài, phụng sự cho một chế độ mà nàng tin rằng họ không yêu. Nàng thấy cả nhơn loại đau khờ vì sự tương tranh ý thức hệ.

Tương tranh vì ý thức hệ, nàng thấy đó là một sự phi lý. Ý thức hệ là một hệ thống những ý thức về chơn, thiện, mỹ. Thì cái quý của nó phải để cho người ta tùy theo sự thích thú mà chọn lựa. Thật là phi lý mà bắt buộc người khác phải thích thú cái thích thú của mình. Người Việt thích nước mắm mặc dầu nước mắm hôi, hăng mũi của người ngoại quốc. Người Pháp thích ăn phó mát camembert, mặc dầu phó mát này cũng hôi không thua gì nước mắm Phan Thiết. Nhưng dân tộc Việt và dân

Pháp dẫn quân đánh nhau đề bên này ép bên kia dùng nước mắm, đề bên kia ép bên này ăn camembert, ấy là cả một sự phi lý. Thà nói một cách trắng trợn là giết nhau vì quyền lợi đi, đề cho những nhà văn mĩ mai như Anatole France không thể nói những câu như : « Người ta tưởng hy sinh cao vọng té ra đã chết cho những tử sắt ». Mà còn mĩ mai hơn nữa là « người ta tưởng đâu hy sinh cho những tử sắt của dân tộc mình, té ra người ta chết cho những tử sắt của người khác ».

Phòng có vị Phật xuất hiện, chấm dứt cuộc phi lý này thì bao nhiêu cái khờ tập thể kia tức khắc tan đi. Cầu Lệ không biết gọi đích danh vị Phật nào có thể ban phép lành ấy. Nàng chỉ khẩn bồng lòng vị Phật nào phát đại nguyện diệt được cái khờ tập thể nọ.

Nàng khẩn xong mà không lạy. Nàng thấy không lạy là một sự phi lý. Đã cầu nguyện, tất phải hạ mình lạy lạy cho ƠN trên ban phước lành. Song nàng nghĩ nếu các đảng ấy toàn tri, tất nhiên các đảng ấy phải biết rằng loài người đói đau quá rồi, chẳng lẽ các đảng còn đợi mình lạy lạy họ, họ mới cứu cho ? Như thế, sự lạy lạy, chẳng hóa ra sự lo lót sao ? Nàng phản

đối sự lo lót ; sự hối lộ trong xã hội loài người cho rằng lo lót và hối lộ trong giới các đảng thiêng liêng càng cần bài xích cho kịch liệt hơn nữa.

Cầu Lệ âm Phương Huệ xuống sườn đồi, đặt cháu xuống, dắt nó đi mấy bước thì thành linh một quả đạn bích kích pháo rơi gần đó, nổ một cái rầm. Phương Huệ ré lên khóc. Một mảnh sắt bằng ngòi viết văng trúng vế của Phương Huệ, máu chảy ròng ròng. Năm ba phát đạn khác nổ tứ tung. Tiếng niệm Phật vang dội trong chùa Cầu Lệ mau lấy khăn siết vết thương của cháu, âm nó chạy phăng phăng xuống xe, mở máy chạy cấp tốc về Biên Hòa mà lo rít bó. Rồi nàng lái xe thẳng lại dưỡng trí viện mà thăm Phương Lan.

### 3

Bác sĩ Kiệt nói :

— Tôi đã nghiên cứu tất cả đồ thị, tất cả mảnh mưng của mấy tâm hồn mà sự xung đột và tranh giành đã tạo ra cái điên của bà Phương Lan. Vậy xin lần lượt kể những tâm hồn ấy.

Tâm hồn thứ nhất là tâm hồn chung của loài người, ở vào thời đại này, lí trí không chấp nhận được sự phi lý vĩ đại. Loài người bước đến cửa, đến ngưỡng cửa của Hạnh Phúc. Tại sao không chung lo hưởng cái Hạnh Phúc ấy mà cứ đi tìm thể tận diệt cả loài?

Tâm hồn thứ hai là tâm hồn của một dược sư, không phải thứ bán thuốc như bán hàng chạp phô, mà thứ dược sư có chút cao vọng đem sở học của mình mà chống với thần chết. Việc mình lo, là lo cứu từ người một, mà phi lý là người ta chế những vũ khí có tài giết một cái là hàng triệu người. Sống trong cái phi lý đó, bà Phương Lan thấy thân phận dược sư của mình vô lý quá chừng, công trình của mình vô lý quá chừng. Thế mà tấm lòng nhân của bà nung nấu như ngọn lửa thiêng, bà «chẳng dặng dưng » kê vai vào cái gánh nặng của vô lý.

Tâm hồn thứ ba của bà là tâm hồn của một người vợ. Chồng bà bị ở trong nanh vuốt của Mao Trạch Đông. Bà biết chồng đang nắm một bí mật khoa học. Hễ bà tiết lộ rằng chồng bà biết điều ấy, tức khắc họ Mao sẽ biệt đãi chồng bà, với dụng ý là nắm cái bí mật nọ hầu chinh phục thế giới. Vì thương chồng mà muốn

sang Tàu ngay. Song bà nghi ngờ. Nghi ngờ không biết ông Cầu Chơn có tham sống mà tiết lộ bí mật khoa học ấy chẳng ? Hay là lòng Cầu Chơn chia xẻ cái tâm trạng của bao nhiêu nhà bác học, đến bên hồ tự sát chung của nhơn loại mà dừng lại không muốn cho Khoa Học cung cấp vũ khí cho Chánh Trị một cách quá dễ dàng khi mà chánh trị chưa có chút tinh thần trách nhiệm.

Phương Lan đang sống trong bao nhiêu cái bấn loạn ấy lòng đã đầy ăm ắp những cái đau khổ do bao nhiêu cái phi lý nó dồn dập, thì, một giọt thêm vào, làm cho nước tràn linh láng. Giọt nước đó là nghe nhắc chừng «nước Nam thường có Thánh Tài» rằng «phá điền Thiên Tử giáng trần», thế mà chồng bà, ông Cầu Chơn đáng lẽ được đứng bên cạnh mà làm «tướng thần», làm bậc Y, Chu lại mắc kẹt trong nanh vuốt của Mao Trạch Đông và không biết chừng, vì tham sống mà dâng bí mật khoa học cho Mao Trạch Đông Quý Vương của thế kỷ, hành cái tà đạo.

Cái điên của bà Phương Lan phiền phức như vậy. Bao nhiêu thuốc, mà khoa học hiện

nay đã chế được, không tài nào làm dịu bớt sự tàn phá của bao nhiêu sự phi lý ấy.

## 4

Người nhà vừa chờ Thiệu Đài đến Dưỡng Trí Viện. Vài năm nay, bệnh tình của nhà trí thức này tuy rõ ràng lắm, song không đến nỗi trầm trọng đến mức đánh vợ đánh con tàn tệ. Đánh mà tuyên bố to :

— Thà tao đánh bay, cho sưng tay tao !  
Chớ đề cho thằng cha Tổng Chánh Ủy Nguyễn Chí Thanh tóm bay được, bắt bay ra đấu tố, hỏi vì sao cái dĩ già này lại dám có chồng là thằng Thiệu Đài, thì xác của chúng bay chỉ đề cho chúng nó dần nát.

Bác sĩ Kiệt vốn biết Ngê Bá Lí có quen với Thiệu Đài, nên đề cho hai bạn cũ, vừa cũng là hai nhà trí thức, cùng ở chung một hiên với nhau. Lệ của Viện không đề cho nam nữ ở chung nên bác sĩ cắt đặc biệt một y tá, luôn luôn ở bên cạnh Phương Lan và dắt Phương Lan đến tham gia vào cuộc bàn cãi của ba nhà trí thức điên cái điên của thời đại.

Thiệu Đài gặp Ngê Bá Lí thì lấy làm tương đắc lắm. Chàng nói :

— Lí ơi ! Mày biết vì sao mà vợ con tao cầm tù tao ở đây không ? Chỉ vì tao chửi thiên hạ là dốt hết, chỉ có một mình tao là sáng suốt. Trạng Trình nói « nước Nam thường có Thánh Tài », mà cái đĩ già chẳng chịu nhận tao là « Thánh Tài » thì làm sao mà khỏi Nguyễn Chí Thanh đấu tố nó được ?

Ngê Bá Lí cười hì hì nói :

— Anh sáng suốt chỗ nào đâu ?

— Mày xem này ! câu sấm của Trạng Trình « phá điền Thiên Tử xuất », thiên hạ thấy bàn không ra. Còn tao, tao bàn trúng phóc...

— Khoan ! khoan ! Nhà người khoan nói ! Đề cho ta là Thánh Nhon đây, ta bàn cho mà nghe. Nhà người viết chữ điền, cái ô vuông dài có nét ngang, nét đứng chia làm bốn cái ô nhỏ. Bây giờ nhà người, nổi nét đứng ở phía dưới. Người có chữ giáp. Ấy là năm *giáp thìn*. Năm giáp thìn rồi, ta khởi sự thuyết pháp đó. Bây giờ nhà người nổi nét đứng lên phía trên. Chữ điền mà nét đứng ló dưới, ló trên, thì là chữ thân. Ấy

là *Mậu Thân*. Thân đậu niên gian kiến Thái bình. Năm ấy, sự nghiệp của ta sẽ thành. Ta là Thánh Nhơn ta là Thiên Tử đây, đã «xuất» rồi, thế mà tội anh em của ta ngu đần, lại trối ta mà cho «nhập» vào đây. Loài người toàn là đám phi lý như vậy, trách sao đời chẳng là một đời phi lý?

Ông Thiệu Đài khóc ba tiếng rồi cười ba tiếng. Viên y tá lấy làm lạ hỏi :

— Ông Thiệu Đài vì duyên cớ nào mà khóc ?

— Tao khóc đây, là tao khóc việc thăng Ngê Bá Lí bàn lão, mà dám võ ngực xưng mình là Thánh Nhơn ? Năm giáp thìn cứ sáu mươi năm trở lại một lần. Năm thân cứ mười hai năm trở lại một lần, chẳng lẽ nào Thiên Tử cứ 12 năm giáng trần một lần, chẳng lẽ nào Thiên Tử cứ sáu mươi năm lại giáng trần một lần ? Khóc đó là khóc loài người sao có dốt nhường ấy.

— Còn do duyên cớ nào mà ông Thiệu Đài cười ?

— Tao cười đây là tao mừng cho tao đó ! Bởi loài người dốt như vậy thì ngôi Thiên Tử dành lại cho tao, Người Sáng Suốt ! Đề tao bằ

cho mày nghe. Mày nghe rồi mày sẽ tin rằng tao là người sáng suốt.

— Vâng, vâng tôi sẵn sàng nghe ông Thiệu Đài một học giả nổi danh là thông thái.

— Này, chữ Hán là cả một triết lý, nhốt trong vài nét. Thời xưa loài người chưa biết trồng trọt không ai nghĩ đến việc đất đai là của ai cả. Khi khởi sự biết trồng trọt, cấy lúa, thì phương pháp canh tác giống như là phương pháp làm rẫy ở Cao nguyên. Ấy là đốt một khoảnh rừng nào đó, rồi cùng chung gieo hạt, chờ có bông lúa, là cùng gặt. Cái đó, nhà xã hội học gọi là « Cộng sản sơ khai » đó...

Ngô Bá Lí nạt to :

— Có im đi không ? Người tưởng ta đây dễ tuyên truyền lắm sao, mà người đến nhồi sọ ta bằng cái chủ nghĩa Mác Lê ?

— Có im, chính là mày phải im, mới là ngôn thuận. Tao mới khởi sự, nói ba que xã hội học, mày chẳng biết chi cả, vội bảo là chủ nghĩa Mác Lê ! Đáng lẽ mày không được đến ở đây. Vì đây là chỗ dành cho bậc sáng suốt mà thôi ! Mày có nghe tao giảng, thì im tĩnh đi

mà nghe, bằng không, ra ngoài kia mà nhờ cô đề tao thuyết pháp cho người tân đồ này.

— Cái pháp của người là cái pháp của đạo tà ! Ta không thèm nghe đâu.

Nói rồi Ngê Bá Lí bỏ ra ngoài bách bộ, tay chấp sau đít, mắt nhìn lên không trung mà ngâm :

*Sông Hằng dịu dịu dòng trong vắt,  
Cát lắng, nằm yên, sỏi tắm thân !  
Vượt núi Mác Lê cười hồng hách,  
Hoàng, Dương mọp bái chịu xưng thần.  
Ta chờ...*

*... Rong chín vượn mình dậy,  
Lướt gió, tung mây, sáng đạo Nhân.  
Gió lắng, mây tan ; Trời Đẹp, Ấm  
Chim Hồng vỗ cánh : lại là xuân !*

Thiệu Đài nghe Ngê Bá Lí ngâm, đứng dậy, huynh tay, huynh chơn, nói :

— Đám rầy xưa, nằm trong : giữa rừng, đã xuất hiện lúc loài người bán khai, chưa có văn minh, chưa có văn tự. Rồi văn tự bắt đầu xuất hiện. Người Tàu vẽ nó bằng cái ô vuông

to, còn cái ô vuông nhỏ là chữ khẩu, nghĩa là cái miệng. Xã hội sơ khai sống chung trong đám rầy, trong cái ô vuông to. Sự tổ chức bắt đầu. Trong nước có người làm chủ. Nhưng người chủ này thay mặt cho toàn thể, phải dẹp bớt tư ý của mình dẹp bản ngã của mình mà hòa mình cùng toàn dân. Vì vậy chữ chủ phải bỏ cái chấm ở trên đầu đi, mà thành chữ vương. Một xã hội, mà được có vị vương, ấy là cái ô vuông có chữ vương nằm vào giữa, mà thành chữ quốc. Quốc là một cái xã hội có tổ chức kẻ sáng suốt cầm đầu, biết nén cái riêng tư của mình không làm chủ mà chỉ làm vương...

Nói tới đây, Thiệu Đài ngoắt Ngê Bá Lí vào :

— Lí mầy ơi ! Vào đây tao giảng cho mà nghe !

— Ta là Thánh Nhon «bất học tự nhiên tri» chẳng cần nghe ai giảng hết. Ta đã nghe nhà người nói. Đề ta nói cho nhà người có chịu ta là Thánh Nhon chẳng ?

— Thì mầy nói đi !

— Trong chữ quốc, mà đặt chữ vương vào giữa thì quốc ấy được trị. Dân Tàu ngu, đem chữ hoặc mà thay vào. Hoặc ấy là không định, ấy

là lưỡng tự, ấy là do dự, ấy là không phân. Một nước mà chẳng biết chọn đường như thế nào, thì nước ấy bị loạn. Nước Tàu bị loạn, ấy bởi từ khi đem chữ hoặc mà thay cho chữ vương ở giữa cái khuôn.

Thiệu Đài cười hì hì, nói :

— Lí ơ ! Mầy học với ai cái khoa đọc tư tư tưởng của người khác vậy ? Tao tính nói điều đó, mầy đọc tư tưởng tao, mầy nói ý của tao, mầy ăn cắp ý của tao. Đề tao ra hội Văn Bút mà kiện mầy về tội ăn cắp ý đó.

— Ta chẳng ăn cắp ý của nhà người đâu ! Cái ý của ta nói đó, chỉ là cái «ý ngu». Ta còn cả tạng ý như vậy nữa. Nhà người có muốn nghe nữa không ?

— Mầy cứ nói. Ví dầu tao không có nghe, thì cũng có khối đũa muốn biết.

— Gần đây, dân Tàu nhập cảng học thuyết của phương Tây, lấy chữ dân mà thay vào chữ học. Ý muốn nói rằng bây giờ đây, làm chủ của nước là dân và chế độ là chế độ của dân. Lầm to ! Lầm to !

— Mầy nói cho tao nghe, vì sao mà đem

chữ dân thay vào chữ vương hay chữ hoặc là một điều lắm to.

— Mày có nhớ không ? Khi vua Văn Vương bắt người ta mà cầm tù, thì vẽ cái vòng dưới đất mà nhốt vào. Vậy cái vòng vuông vừa là tượng trưng cho miếng đất vừa là tượng trưng cho sự nhốt vào. Chữ vương mà nhốt vào nghĩa là ông vua bị nhốt trong khuôn khổ của hiến pháp trong cái đạo làm vua tức là làm cho nước giàu, dân mạnh, ai ai cũng an cư lạc nghiệp, nhà ngủ không đóng cửa, ra đường không lợm của rơi. Viết như vậy, không phải là đề cao quân chủ chế độ. Ngược lại kia ! Viết như vậy ấy là nói rằng ông vua bị nhốt trong khuôn khổ của đạo làm Nghiêu Thuấn.

— Hay ! Hay ! Thiên hạ bảo Lí mầy điên ! Mày nào có điên ? Người ta nhốt mầy vào Dưỡng Trí Viện này, đâu phải là đề con mầy làm chủ Dưỡng Trí Viện này. Làm chủ ấy là bác sĩ giám đốc kia !

— Nhà ngươi thấy chưa, đem chữ dân mà đề vào giữa, nào có phải là dân chủ đâu ? Ấy là chủ của dân ! Ấy là lập chế độ độc tài, nhốt toàn dân vào trong cái « vũ trụ của trại giam » như nhà văn David Rousset đã viết. Mao Trạch Đông đã nhốt bảy trăm triệu dân Tàu vào công

xã, đâu phải để bảy trăm triệu dân này làm chủ. Làm chủ là Mao Trạch Đông kia !

Thiệu Đài cười hi hi khen :

— Hay ! Hay ! Người xưa nói tất cả các đường đều dẫn về La Mã, vì La Mã thời ấy là thủ đô của đế quốc Địa Trung Hải. Bây giờ phải nói rằng, tất cả thánh nhân phải hướng về Dưỡng Trí Viện Biên Hòa. Bởi vì loài người điên hết rồi. Chỉ có bọn mình mới là sáng suốt thôi.

Ngê Bá Lí cười hi hi đáp :

— Mà chúng mình đến hai đứa. Ấy là không phân, ấy là lưỡng lự, ấy là không định, ấy là chữ hoặc đó. Vậy nhà người và ta, ai là Thánh Nhân ?

— Phá điền thiên tử xuất ! Không có chữ hoặc ở trong. Mà cũng không có nét nào ở trong cả. Phá điền, ấy là đập nát mấy bờ chia ruộng từng ô đó. Thánh Nhân không phải là mầy mà cũng không phải là tao.

## 5

Nãy giờ Phương Lan ngồi nghe hai nhà tri thức điên cãi nhau, mắt híp lại, như muốn

nhập thiền. Khi nghe họ cãi tới đây, người nào người nấy mặt sôi bọt mồm, và dừng lại đề nghị hơi, thì nàng từ từ nói, mà mắt vẫn híp :

— Phá điền chẳng những là bỏ hai nét trong chữ điền, tượng trưng cho bờ chia ruộng, chia ruộng thành ô nhỏ, mà còn bỏ quách bốn cái bờ lớn ở ngoài. Bốn cái bờ này là tượng trưng cho cái vòng mà vua Văn Vương nhốt tù. Nó tượng trưng cho chế độ trại giam đó.

Thiệu Đài ngồi phịch xuống, có vẻ chán nản và hỏi :

— Bà chị bỏ hai nét ngang và sồ ở trong một, bỏ luôn bốn cái vách thì còn gì là chữ điền. Còn gì chữ quốc ?

Ngê Bá Lí cũng góp ý :

— Ở chữ quốc, bỏ chữ vương, bỏ chữ hoặc, bỏ chữ dân, bỏ luôn cái khuôn ở ngoài, thì đâu còn chữ gì ? Bà chị bộ là Bồ Tát sao mà đọc « kinh vô tự ».

— Đích vậy ! Đích vậy ! Hai người giành nhau là Thánh Nhân, cãi mãi, rồi đến kết luận là « Thánh Nhân không phải là mây, mà cũng không phải là tao ». Ta đọc được kinh vô tự. Còn phải

là Bồ Tát cũng không, ta không nói trước. Nói trước thì không ai nhận, thì trên. Đề ta thuyết pháp cho hai người nghe. Nghe xong hai người cho ta là gì, ta sẽ xứng đáng với cái danh hiệu ấy.

Thiệu Đài gọi :

— Ngê Bá Lí ơ ! Mầy có chịu vậy không ?

Ngê Bá Lí đáp :

— Chịu mà không chịu ! Chịu ấy là nhìn nhận rằng bà chị thuyết pháp nghe xuôi rớt. Còn không chịu là ta hãy còn chờ xem bà chị hành đạo kia ! Thế giới ngày nay bên miệng hố của tận diệt. Bước sai một bước là sa xuống hố rồi. Thuyết pháp hay đề làm gì, nếu ta phải sa xuống hố ? Điều cần, là cứu loài người khỏi cái thảm họa của cái tận diệt kia !

Thiệu Đài cười dòn dã, khoái trá, nói :

— Ngê Bá Lí ơ ! Mầy nói được câu đó, tao nghe mát bụng tao lắm. Chúc Thánh Nhân, tao nhường lại cho mầy đó !

— Ta cũng không cần chúc ấy cho ta. Mang chiêu bài Thánh Nhân mà làm gì, khi mình cùng bước với nhân loại vào cái hố thảm của tận diệt ?

Phương Lan nói :

— Xin lỗi nhị vị ! Lan này không dám nhận chức Bồ Tát. Nên chỉ phải dùng chút tiểu xảo, cho cả hai vị thoái nhượng cả, bỏ cái ngôi Thánh Nhân trống, đề cho Lan này ngồi vào .. mà thuyết pháp. Bởi vì Bồ Tát là vị Phật đã đắc đạo, nhưng không chịu nhập Niết Bàn, lại phát đại nguyện cứu độ chúng sinh. Vậy Bồ Tát không thuyết mà hành. Còn Thánh Nhân nhị vị nên chú ý, và căn cứ vào phép chiết tự, là người làm được vương chữ nhờ biết nghe lời đại chúng mà thôi. Ở trên chữ nhĩ (lỗ tai) nằm cạnh chữ khẩu (miệng của thiên hạ), còn ở dưới là chữ vương.

Thiệu Đài đính chánh :

— Ở dưới không phải là chữ vương, mà là chữ nhiệm. Nhiệm là dựa theo, tùy theo. Nó là chữ sĩ bị phết ở trên đầu, tức là một kẻ sĩ mà hoạt đầu, không chủ trì ý kiến của mình mà lại tùy theo ý kiến của người khác.

Ngê Bá Lí cười mà phê bình :

— Vậy mà cứ rần gân cò mà cãi chữ ! Trong đời, mấy thằng không chấp tư ý của mình, mà lặn theo ý đại chúng, thì mới được đại

chúng ủng hộ mà tôn lên làm vua của họ chó ! Hạng đó là hạng xuất nô nhập đế. Còn những thằng bướng bỉnh, con vua mà dặng làm vua đi nữa, thì chỉ có thể nhập đế xuất nô. Bởi vậy, mấy con cọp có chữ nhâm trên đầu mới là cọp chúa chó, Trên lỗ tai nghe miệng của đại chúng nói, rồi làm theo, thì chẳng những được làm vui thôi, mà lại được đời tặng cho là Chúa Thánh nữa.

Phương Lan nói tiếp :

— Nếu Mao Trạch Đông muốn làm Chúa Thánh của thiên hạ, chó chẳng phải chỉ làm nhà độc tài của chỉ nước Tàu, thì Mao Trạch Đông phải biết nghe (chữ nhĩ) lời nói của thiên hạ (chữ khẩu), mà làm theo thì chữ nhiệm được thể nhân xem là chữ vương Mao Trạch Đông sẽ là Chúa Thánh của thời nguyên tử này. Lời của thiên hạ nói cái gì mà cần nên nghe ? Thiên chỉ muốn sống. Không một ai muốn chết cả. Đem lại cho nhân loại cái Hòa Bình vĩnh viễn trong khi nhân loại hãi hùng sợ bom nguyên tử, kẻ ấy là Chúa Thánh chứ ai ?

Cả hai, Thiệu Đài và Ngê Bá Lí thấy gật đầu. Phương Lan tiếp :

Nhưng mà, ở đời có những cái nhưng mà, mà mấy chục năm về trước, có những bậc sáng

suốt, trông thấy được. Văn minh của Tàu là cái Văn Minh căn cứ trên văn tự. Hồn của dân tộc Tàu nằm trong văn tự của Tàu. Chữ quốc của Tàu dầu trong ruột là cái chi nằm ở trong, dầu vương, hay hoặc, hay dân, cũng không bỏ cái khuôn ở ngoài. Số phận của dân tộc Tàu là đời đời kiếp kiếp bị nhốt trong khuôn. Mất cái khuôn, là mất tất cả. Còn dân tộc Việt ta...

Ngê Bá Lí vội vã :

— Dân tộc Việt ta thì sao ?

— Văn tự cội gốc của ta mất đi. Chữ Nôm và chữ Quốc ngữ là thứ văn tự nhân tạo. Vì vậy mà muốn tìm tinh túy của văn minh ta, thì tìm trong tiếng nói.

— Hà ! Hà ! Bà chị nói hay đáo đề !

— Tiếng nói ta, gọi «quốc» của Tàu, là «nước». Nước chỉ có thể bị giới hạn, bị nhốt. Song nếu không bị nhốt, thì nước chảy tràn lan, linh láng. Nước lại từ suối từ khe gom lại thành rạch, rạch gom lại thành sông, sông đổ về biển cả. Chỉ có nước mới có «hình dung một cách trung thực cái quá trình của loài người, từ các bộ lạc nhỏ mà gom về đến cái đích chung là cái «thế giới đại đồng», tứ hải nhất gia, thiên

hạ giai huynh đệ. Nhị vị xem trong ngôn ngữ của tất cả thế giới, có tiếng nào như tiếng nước của ta không ?

— Bà chị nói được điều đó, quả là Thánh thật.

— Nước lại là căn bản của sự sống. Nơi nào không có nước ấy là đồng khô sạ mạc, không cỏ, không cây, không thú, không người. Ai không uống nước, tất mau chết. Gọi cái mà Tàu gọi là Quốc bằng tiếng nước, thật là sâu sắc vô cùng. Không có nước, không sống được. Người Việt, mà mất nước, thì lo đao đao đề giành nước lại. Vì vậy mà suốt ngàn năm mất nước, chúng ta giành nước lại được. Đâu có như các dân tộc Mông, Mãn, Hồi, Tạng, bị con trăn Tàu nuốt mà tiêu hóa luôn.

— Hay ! Hay !

— Nước cần cho sự sống. Nước lại cần cho sự sạch sẽ và đẹp đẽ. Nàng Hoa hậu, dầu là tiên giáng phàm, mà không tắm rửa, hôi nồng thúi òm. Chẳng ma nào thêm thứ hôi thối đó ! Dùng nước mà tắm rửa xong, thì thơi thơi vô cùng. Cá nhân của người Việt xấu xa, mà nhập vào đoàn thề cứu nước, thì ai xem cũng thấy đẹp cả.

Thiệu Đài khen :

— Lời của bà chị phải viết thành thơ, phải phò nhạc.

Phương Lan cười, nói tiếp :

— Khoan ! Khoan ! Chưa hết đâu ! Thời này là thời nguyên tử. Khi mà than đá sắp đốt hết các mỏ dầu sắp bơm lên xài sạch, tất nhiên, các nhà bác học phải tìm những tinh năng nguyên tử. Chất uranium rồi đây sẽ đốt sạch. Còn lại nguyên liệu hydrogen nằm trong nước, vô cùng vô tận. Nhị vị ơi, nước là cứu tinh ! Nước là cứu tinh đấy !

## 6

Bác sĩ Kiệt mời bác sĩ Bái, Hồ, các ký giả ngoại quốc đến dùng một tiệc trà thân mật nơi Dưỡng Trí Viện. Và nói :

— Thưa quý vị, Dưỡng Trí Viện mà tôi gánh nặng điều khiển đây, từ vài năm nay, có rất đông một hạng khách nội trú... Phần đông của hạng khách này vốn là nhà trí thức. Nhiều hơn tất cả là sinh viên, cả nam lẫn nữ. Viết báo làm văn như ông Ngê Bá Lí, cũng có. Làm giáo sư đại học như ông Thiệu Đài, cũng có.

Làm được sư, như bà Phương Lan, cũng có. Nhất là từ mấy tháng oanh tạc ngoài Bắc, thì số trí thức mắc phải bệnh loạn óc này tăng lên rất nhiều, quá sự ước đoán của chúng tôi.

Hayashi hỏi, nhờ Phương Nữ dịch lại cho :

— Thưa bác sĩ, chẳng hay bác sĩ có thể tuyên bố cho báo chí Nhật Bản biết nguyên nhân của sự gia tăng bệnh loạn óc này chăng ?

— Được ! Cái điên của các nhà trí thức này có chung một nguyên nhân, là sự tối phi lý của cuộc đời. Từ hồi nhỏ do giáo dục rèn luyện, nếp sống tư tưởng của họ đã rèn luyện theo cái duy lý, mà luận lý học của nhà trường đã làm cho họ quen. Họ quen với sự hữu lý. Mà họ chạm phải sự phi lý, sự tối phi lý. Vì lẽ ấy mà các tế bào của óc họ bị khuấy trộn, không khác nào dòng nước không chảy xuôi, mà bị xoáy, rút nước chỗ này cho động lên chỗ kia, mà nước chảy còn một chiều biến động rất lộn xộn. Họ loạn óc, vì đời loạn, họ cảm xúc quá mãnh liệt cái loạn của cuộc đời mà hóa ra loạn óc.

Basu hỏi :

— Khi bác sĩ nghiên cứu kỹ nguyên nhân của cái loạn, cái phi lý của cuộc đời, có lẽ

trong cái phức kết về nguyên nhân của sự phi lý này, bác sĩ thấy cái yếu tố nào là nguyên nhân chính yếu chớ ?

— Có ! Nói ra, có lẽ quý vị nói là tôi đưa ra một lời tuyên bố chánh trị, là tôi làm chánh trị. Nhưng kết luận của tôi không do động cơ chánh trị. Tôi là nhà khoa học. Hơn nữa, tôi là một bác sĩ. Muốn chữa bệnh, tôi phải giữ cho quả tim của tôi thật nguội, chẳng có chút tình cảm nào nung nấu, dầu là những tình cảm mà tôi thiết tha. Tôi lại phải làm cho trí óc của tôi lạnh và sáng suốt, để tôi nghiên cứu chứng bệnh, để tôi tìm nguyên nhân sâu sa của bệnh, mới mong tìm ra phương thuốc để trị liệu..

Ulrich hỏi :

— Riêng tôi dám nhìn nhận bác sĩ có tinh thần khoa học và vô tư, vô chủ quan ấy. Bác sĩ nên nói cho chúng tôi đây, kẻ được là hạng thức giả của nhân loại. Chẳng hay, đứng về phương diện khoa học, sự phi lý số một, mà các vị nội trú của bác sĩ bị xúc cảm mãnh liệt, là sự phi lý nào ?

— Thưa ông Ulrich, vị bác sĩ trước tôi đây, đã làm giám đốc của Dưỡng Trí Viện này, và hiện nay, chúng tôi suy tôn là bậc sáng suốt,

nên lấy tên của người mà đặt cho Dưỡng Trí Viện này, là bác sĩ Nguyễn Văn Hoài, có đề mấy mươi năm nghiên cứu, mà viết một tác phẩm, để chứng minh rằng, về phương diện khoa học, ông Führer của nước Đức, là Hitler, là một người điên. Thường nhân chỉ xem đang ngọn, thấy Hitler muốn đem tám triệu dân Đức để mà chinh phục và đô hộ hai tỉ người của quả địa cầu. Và thường nhân kết luận rằng Hitler điên. Còn bác sĩ Hoài, dựa theo lối chẩn (diagnostics) của y học, đã đưa ra những bằng chứng mà không ai bắt bẻ nổi, rằng Hitler là một kẻ loạn óc. Và sự phi lý, là kẻ loạn óc Hitler lại lãnh đạo cho dân tộc Đức là một dân tộc thông minh hơn tất cả các dân tộc, có tinh thần khoa học sâu sắc hơn tất cả các dân tộc, và có những nhà triết học siêu việt hơn tất cả các triết gia của dân tộc khác. Chính cái sự phi lý ấy đã làm cho nước Đức bại trận, dân tộc Đức bị qua phân, thành bốn khu vực, mỗi khu vực bị một quân đội ngoại lai chiếm đóng. Mãi đến bây giờ, hai chục năm sau khi Hitler tự thiêu, nước Đức còn bị chia đôi, chẳng thấy có viễn đồ nào thống nhất lại, ngoài một sự mâu nhiệm.

Ulrich gật đầu:

— Bác sĩ nói rất đúng ! Muốn thống nhất nước Đức lại, chỉ có một sự mầu nhiệm mới có thể thành tựu được. Cũng có một thiểu số, tin tưởng rằng, may ra, có lẽ phải nhờ một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba... Nhưng đề cho độ vài mươi triệu người Đông Đức và độ sáu mươi triệu người Tây Đức có chung một lãnh thổ lại mà ba tỉ người của nhân loại, phải chịu chết, phải chịu còn sót độ năm mươi triệu người thôi, quên cả văn minh, sống trong hang đá, lần lần tìm lại ngôn ngữ, dùng đá cục để ném thú và tự vệ, thú nào bị hạ thì ăn tươi nuốt sống... tôi không biết loài người, có sẵn sàng hi sinh với giá đó cho dân tộc Đức thống nhất lại chẳng ? Nghĩ tới đó, tôi mới đo được tầm quan trọng của sự điên của Hitler, của sự điên công cộng của dân tộc tôi khi đã suy tôn Hitler lên làm Thánh. Bác sĩ Nguyễn văn Hoài có lí lắm !

Bác sĩ Kiệt chậm chậm nói tiếp :

— Mà cái bi đát, cái tối phi lý, là sau cái kinh nghiệm của Hitler, lại có người muốn làm Hitler, chỉ sau cái chết của Hitler hai mươi năm. Người ấy quý ngài cũng biết, ấy là Mao Trạch Đông, muốn chinh phục thế giới trong thời đại của nguyên tử. Rất tiếc là tôi kém hơn

bác sĩ Nguyễn Văn Hoài, thêm ít tài liệu hơn bác sĩ Nguyễn Văn Hoài. Nên chỉ tôi không thể viết một quyển sách để chứng minh bằng khoa học, rằng Mao Trạch Đông cũng điên như Hitler. Nhưng vấn đề ám ảnh tôi mãi, mà khoa học của tôi không đủ sức đưa ra lời giải đáp cho tôi; lắm lúc, xin quý vị chớ cười tôi thái quá, lắm lúc tôi lại bị cái mà người ta gọi là cái khoa học thần bí nó quyến rũ. Tôi đành sa ngã, mà theo bè bạn hỏi thăm mấy thầy giỏi về Ma Y thần tượng !

Khách khứa nghe bác sĩ Kiệt thú tội tin dị đoan mà đi hỏi thầy Ma Y thần tượng ! thấy đều cười ồ. Hồ nói :

— Âu cũng là lối giải trí, một lối thoát, để cho cái phi lý nó đừng làm loạn óc của mình ! Tìm trong dị đoan một cái lý để cắt nghĩa cái phi lý, đó là cái khởi điểm chung của các tôn giáo. Làm nhà khoa học mà còn tin giáo điều của tôn giáo, thì tại sao lại cấm bác sĩ Kiệt tìm một lý lẽ phi lý, để cắt nghĩa một cách hữu lý cái phi lý của cuộc đời ? Quý vị có đồng tình để cho bác sĩ Kiệt nói thầy tướng đã cắt nghĩa ra làm sao chẳng ?

— Đồng ý !

— Đồng ý !

— Đồng ý !

Bác sĩ Kiệt nói :

— Tôi đưa bức ảnh cho thầy tướng xem đề nhờ thầy giải thích theo Ma Y thần tướng. Thầy cắt nghĩa rằng vai rộng, cổ ngắn, tướng vạm vỡ, ấy là tướng hiếu chiến. Mặt đàn ông mà tròn, ấy là có một cái óc tưởng tượng vô hạn định. Tướng này là tướng của Thành Cát Tư Hãn, nuôi mộng xâm lăng thế giới...

Hồ hỏi :

— Điều cốt yếu là tướng của Mao Trạch Đông có phải là tướng của người điên chẳng ?

— Có nhiều dấu hiệu. Nhất là cái trán.

Ngừng một chập, bác sĩ Kiệt cười tủm tỉm nói tiếp :

— Lỡ một lần sa ngã, phạm tội đối với sự mê tín, tôi đã như một người đàn bà trót đã ngoại tình một lần, là thêm khát ăn vụng. Nên có một lần gặp một khách hàng người Khách Trú biết ngày sanh, giờ sanh, tháng đẻ của Mao Trạch Đông, tôi bèn đi hỏi một thầy có tiếng là giỏi về việc chấm số tử vi. Người này mù, chẳng biết tôi là ai. Tôi nói lão là số của

tôi. Thầy bấm tay, nói rằng tôi có cái cách của Vương Mãng, của An Lộc Sơn, «vi tử bất hiếu, vi thần bất trung» thế nào cũng đã soán đoạt ngôi của chúa mình. Mà việc này không xảy ra ở đất Việt Nam ; thì nhất định tôi cho ngày tháng và giờ sai,

Hồ hỏi :

— Nhưng điều chánh yếu là lá số ấy có cái cách nào người chủ là điên không ?

— Ông thầy mù nhất định là tôi cho sai giờ, ngày và tháng. Không vậy, ông đốt sách và nhất định bỏ nghề.

— Rồi sao nữa !

— Muốn tiếp tục với ông mà luận bàn, tôi phải nhượng bộ và nói rằng lá số ấy không phải là của tôi. Mà tôi chỉ chọn một ngày tháng đặc biệt để thử sức học của ông mà thôi. Ông thầy vui cười nói : «Như vậy mới là có lí chứ !» Rồi ông cắt nghĩa, rằng khi nào có lá số như vậy ấy là điềm hung tin giáng thế, đem lắm than khổ cực, điều linh cho dân chúng, như hồi thời Vương Mãng soán ngôi, dứt đời Tây Hán. Thì dân Tàu đói khổ, đến cái cảnh người ta ăn thịt nhau kia... Chừng nào cát tinh đặc

địa, thì dân chúng mới an cư lạc nghiệp.

Bác sĩ Bái bàn góp :

— Đây là câu chuyện của lí số. Hình như khoa tử vi là do Trần Đoàn là người tu niên vào đầu đời nhà Tống đặt ra. Từ cuối thời Tây Hán đến đầu nhà Tống, kể cả ngàn năm. Trong khoản ấy, chỉ có Vương Mãng, cha con họ Tào, cha con Tư Mã, Lý Thế Dân, An Lộc Sơn là những kẻ nuôi dạ lật chế độ cũ để mà lập triều đại khác. Có chắc chi là những vị ấy có lá số tử vi giống nhau ; để mà hậu thế kết luận rằng lá số như thế nào là lá số của hung tinh giáng thế. Nhưng đó là một vấn đề. Còn vấn đề thứ hai là ai cũng tự hỏi là số phận của Mao Trạch Đông có được như số phận của Staline, dậy nấp quan tài xong ba năm sau mới ném mùi thất bại. Hay là, số phận của Napoléon, còn sống thừa trong cảnh tù đầy. Hay là số phận của Hitler, thấy nước khuynh nguy, mà phải tự thiêu, để khỏi bị bắt và bị hành hạ ?

Bác sĩ Kiệt đáp :

— Đi xem thầy số, thì tôi đi vậy nhưng tôi không tin. Không tin mà làm. Làm mà không tin

Phi lý thật. Tôi có đọc một cuộc điều tra của một nhà xã hội học về việc dân chúng xem bói. Xem bói không còn là một vấn đề tin tưởng nữa. Xem bói là một việc không tin tưởng. Người ta xem bói không tin nơi lý trí, mới tìm dị đoan mà hỏi. Cũng như người đàn bà chán chồng mà ngoại tình nhưng chưa ắt là thích tình hơn. Họ đi xem bói ấy là họ hỏi các vị thần mà tôn giáo của họ cấm phụng thờ... Phi lý thật. Tôi cảm thấy rồi đây tôi cũng vào cái Dưỡng Trí Viện mà tôi đang điều khiển.

Cầu Lệ cung kính thưa :

— Thưa bác sĩ, cái điên của Hitler và cái điên của Mao Trạch Đông có phải là do cùng một nguyên nhân không ?

— Cô nói rất đúng. Hai người tuy khác chủng tộc, khác ngôn ngữ, khác văn minh, song nguồn gốc của cái điên của họ đều do chung một cái phức cảm. Phức cảm này do những bản năng sau đây cấu tạo. Một là bản năng tranh đấu. Hai là cái mà Nietzsche gọi là cái ý muốn hùng cường. Ba là cái bản năng chế ngự lẽ khác. Tất cả cái này xui cho người

ta mắc bệnh, đối với dân trong nước là muốn làm nhà độc tài đối với dân tộc khác là muốn làm kẻ chinh phục. Kẻ mắc bệnh ví như kẻ khát mà uống nước muối càng uống ực ực vào càng khát thêm.

— Thưa bác sĩ, chứng này dễ trị chẳng ? Tôi xin chữa câu hỏi tôi lại. Chứng này có thể trị chẳng ?

— Thưa cô, cô đặt một vấn đề, xem là thường, song là tối đại vấn đề của khoa dưỡng trí của y học. Cái phức cảm này ai cũng có, hoặc ít hoặc nhiều. Một đàn ông làm oai với vợ, đã lộ thấy phức cảm đó. Một đàn bà muốn xỏ mũi chông, ấy là do phức cảm đó. Phức cảm này chỉ có cái giới hạn tự nhiên, là cái tài của bệnh nhơn. Kẻ bất tài chỉ cho cái phức cảm này hành với con, với vợ. Vào một đoàn thể, anh lãnh tụ cho cái phức cảm này hành với đảng viên. Làm được thủ lãnh của một nước, thì phức cảm này hành với dân trong nước... Nhưng phức cảm này kỳ quái lắm. Phức cảm này là thứ phức cảm «được voi đòi tiên». Kẻ thành công ở địa hạt nhỏ của mình, muốn khoáng trương phạm vi ra. Hitler lấy chánh quyền ở Đức được, thì muốn chinh phục thế giới. Staline nắm được

tình thế ở Nga, lại muốn làm chủ thiên hạ. Mao Trạch Đông kèm chế được 700 triệu dân Tàu, lại muốn cầm cương ba tỉ loài người. Đứng về phương diện khoa học, phức cảm này là cơn bệnh chung của loài người. Bởi nó là bệnh chung, nên không ai kể nó là một cái bệnh. Không khác nào đồng bào Thượng ta, ai cũng có vi trùng rét trong mình nên chẳng cho rằng mình có rét. Và chỉ nhận rằng làm cũ mới là có bệnh rét mà thôi. Những kẻ cho phức cảm của mình nở to lên, mà mỗi bước đều thành công, thì thiên hạ vỗ tay cho là thiên tài. Chừng dùng một cái, thất bại đồ võ, người ta mới cho là điên.

— Thừa bác sĩ. Lắm khi khách quan đã nhìn thấy sự điên của họ trước khi họ thất bại...

— Phải lắm ! Đúng lắm ! Nhưng mà lúc khách quan nhìn thấy ấy là lúc họ đến gần bên hố của thất bại rồi. Khi Hitler vừa lên chánh quyền, hầu hết (kể cả kẻ nghịch của Hitler) đều cho rằng Hitler là thiên tài. Khi Mao Trạch Đông mới nắm chánh quyền hầu hết (kể cả kẻ nghịch của Mao Trạch Đông) đều cho rằng Mao Trạch Đông là «chơn mạng đế vương» và tướng tin là «con rồng đỏ». Khi ấy thiên hạ xem là

thiên tài, bu nhau mà ca tụng, mà nịnh nọt. Có ai âu lo nghĩ cách trị bệnh điên của họ đâu ? Ngô Đình Diệm leo lên chánh quyền, thì hầu hết sụp quì mà ca tụng «Ngô Tổng Thống anh minh» và xin thưởng để ban phước lành cho người, để cho người sống miên trường ! Suốt mấy ngàn năm nào có ai nghĩ cách nào trị bệnh ấy, để rút kinh nghiệm mà kết luận rằng có thể trị được, hay không có thể trị được ?

— Bác sĩ dựa vào khoa học và nghệ thuật của bác sĩ, bác sĩ có thể nào ước chừng có thể trị chứng ấy chăng ?

— Thừa cô, trong đời tôi đã hai lượt, tôi toan làm việc ấy. Lần thứ nhất, tôi cố gắng, cúi lòn, mọp lụy, nịnh nọt, để làm y sĩ đặc biệt của Hồ Chí Minh. Tôi vừa muốn đem phương pháp của tôi ra mà áp dụng, thì lịch sử không cho phép.

— Tôi chưa hiểu bác sĩ muốn nói gì ?

— Phép trị bệnh mà tôi nghĩ ra, nhưng chưa thí nghiệm, có thể ví như phép trị thủy của vua Võ. Nước từ trên cao đổ xuống không thể ngăn được. Ngăn nó, nó phải tràn, hay nó làm vò bờ. Chỉ có cách khai nó, hướng dẫn nó theo cái hướng mình muốn, đến cái chỗ mình

nhằm. Hồ Chí Minh có cái phức cảm muốn làm vĩ nhân, không làn sao ngăn nôi cái ý muốn đó. Chỉ có cách là khơi ngòi cho cái phức cảm ấy dãn y để chỗ nhằm của ta là dân tộc. Tôi vừa toan làm việc ấy, thì bỗng nhiên Mao Trạch Đông leo lên chánh quyền ở Tàu, đốt lửa tham vọng chánh trị trong lòng họ Hồ, làm cho hấn càng mê say Cộng Sản hơn... Trước đó, hấn chỉ muốn làm thủ lãnh của dân tộc Việt Nam. Bây giờ hấn lại nuôi cái mộng làm thủ lãnh của cái khối Cộng Sản Hoa và Việt.

— Làm sao mà nuôi mộng ấy được ?

— Bởi vì vào những năm 1925, Hồ Chí Minh mang tên là Lý Thụy, ở trong ban tham mưu của Borodine do Nga gửi qua để chỉ huy đảng Cộng Tàu, thì Mao Trạch Đông đã do Hồ Chí Minh điều khiển. Sau nữa Nguyễn Ái Quốc ở trong Đông Phương bộ của Quốc Tế Cộng Sản, thì cũng chỉ huy Mao Trạch Đông. Nên khi Mao Trạch Đông nắm được chánh quyền ở Tàu, thì trong lòng của Hồ Chí Minh thấy rằng 600 triệu dân Tàu Cộng Sản ở trong tay mình nắm rồi. Vì cái ảo vọng đó, mà tôi làm sao hướng Hồ Chí Minh về đường lối dân tộc được ?

— Ảo vọng ! Sáu trăm triệu dân Tàu là ở trong tay Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông khi xưa chưa nắm chút quyền, thấy Lý Thụy thì khiếp. Nay làm vua một nước lớn há chịu từng phục kẻ yếu hơn mình sao ?

Bác sĩ Kiệt cười chậm rãi nói :

— Ảo vọng ! danh từ ấy quả là đúng. Người điên nào có sống bằng thực tế. Người điên chỉ sống bằng ảo giác mà thôi. Người điên chỉ tin vào ảo giác mà thôi Napoléon có ảo vọng làm hoàng đế của Âu Châu, nên nào có thấy rằng không thể lấy sức của quân đội mà chống với tuyết giá của nước Nga mình mông ? Hitler có ảo vọng chinh phục thế giới, nên nào có thấy rằng một mình dân tộc Đức làm sao có thể đương đầu cả cái khối Anh Mỹ Nga liên kết với tuyết giá của nước Nga ? Cũng như Mao Trạch Đông bây giờ có ảo vọng làm Tần Thủy Hoàng của thế kỷ XX, nên nào có thấy rằng 700 triệu dân Tàu bụng đói áo khâu làm sao mà chống nổi với lực lượng của tất cả cường quốc hiệp lại ?

— Bác sĩ nói như vậy, có phải quên rằng nước Pháp bắt tay với Tàu chăng ?

— Tôi muốn thấy điều đó, cũng như muốn

triệu người đều thấy. Làm sao mà quên cho được ? Pháp bắt tay với Tàu, mà đến lúc choảng nhau, Pháp có đứng bên phe Tàu chăng ? Đó là vấn đề. Chớ cô ơi ! Nước Pháp nghèo. Bị Đức chiếm đóng gần năm năm. Pháp đã yếu. Pháp chịu chiến tranh ở Việt Nam chín năm. Pháp chịu chiến tranh ở Algérie ngót mấy năm, thì cô nên dung cho Pháp có vài ngón tiểu xảo để bán hàng hóa cho 700 triệu khách hàng trong khi các nước khác đều tầy chay.. Bây giờ cô cho phép tôi trở về với những cái ảo vọng. Về phương diện y học, người điên là người sống thực sự với cái ảo vọng. Kẻ không điên thấy rõ thực tế, mà vẫn còn hoài nghi đắn đo. Người điên trông ảo vọng và tin ngay, mê say, sống thực với ảo vọng ấy. Mao Trạch Đông đang ở dưới tay của Kroutchev có thực quyền mà còn đá giò lái Kroutchev. Thế mà tin rằng Mao Trạch Đông sẽ ngoan ngoãn tin mình. Ấy là ảo vọng ! Thì tôi làm sao mà lái Hồ Chí Minh nổi nữa. Tôi đành rời họ Hồ mà đi tìm lối khác.

— Có phải bác sĩ lại đuổi theo một ảo vọng nữa không ?

— Bây giờ, thất bại rồi phân tách rõ ra, hẳn là một ảo vọng. Ảo vọng của tôi là mong

cải hóa một người là Ngô Đình Diệm, mà báo chí ngoại quốc thời phòng lên làm vĩ nhơn nên cái điên càng lậm.

## 7

Sau tuần trà bánh. Cầu Lệ trinh trọng nói :

— Thừa ba, thừa thầy, thừa quý vị. Tôi đã nhờ bác sĩ Kiệt tổ chức buổi tiệc trà này, gọi là tiệc trà thân mật. Kỳ thiết là tôi nhờ bác sĩ xem bệnh cho tôi. Nếu tôi không lầm thì mấy năm nay tôi sống bằng ảo vọng. Cái ảo vọng này do chị Tuyết Lệ gieo trong lòng. Là có thể tìm được phương thuốc mà trị những chứng điên vĩ đại, những chứng điên của Napoléon, của Mussolini, của Hitler, của Staline của Mao Trạch Đông. những chứng điên mà khi cơn nó hành hạ thì chẳng những người đau chịu hành hạ, mà loài người, từ triệu này đến triệu kia bị chết một cách vô lý. Bởi có cái ảo vọng đó, mà tôi tự đem mình mà treo giải, thưởng ai được phương thuốc cứu được nhân loại khỏi những tai hại của chứng điên vĩ đại. Nói không phải để chỉ trích, mà để nhìn nhận thực chất. Giải thưởng Nobel chỉ là món tiền nhỏ xiu đối với sự nghiệp không lồ của nhà hóa

học. Còn chúng tôi đem tất cả cái gì của chúng tôi có, trọn vẹn, chẳng chừa một chút nào, để treo lên làm giải thưởng. Giá trị tuyệt đối và khách quan của giải thưởng chúng tôi kê chẳng là bao, có khi không ai thèm nhận. Nhưng giá trị tương đối và chủ quan, thì đối với chúng tôi, là tất cả, là vô biên. Các vị Bồ Tát phát nguyện ở lại cõi trần để cứu độ chúng sinh, tưởng đâu như vậy là hy sinh to. Nhưng đối với tôi, thật là mọi sự sung sướng vô biên, sự sung sướng của kẻ dẫn thân mà làm việc phải, việc có nghĩa. Phòng tôi có phép mẫu của các vị Bồ Tát, phòng tôi cứu đời được, tôi nào có chờ ai nguyện cầu hòa bình năm này tới tháng nọ ? Tôi đã lập thái bình trên cõi thế, cho mọi người yên vui từ lâu lắm rồi...

Basu thấy nàng cảm động mà dừng vì nghẹn lời, nên hỏi mớ m :

— Thích Ca là người nước tôi nên tôi mạn phép cô mà hỏi rõ. Cô nói như vậy, phải chăng là cô không tin đạo Phật ?

— Thừa ông Basu, xin ông cho phép tôi đáp lại với ông rằng chẳng những tôi mất trọn tin vào đạo Phật, mà tôi cũng mất luôn tin tưởng vào bất cứ tôn giáo nào. Tôi cũng mất

luôn đức tin vào khoa học nốt. Bản thể của khoa học là làm sao mà mỗi lượt có một phát minh mới, thì kỹ thuật đem ra áp dụng để hại người gấp năm mươi lần để mưu đồ hạnh phúc cho loài người. Tôi mất trọn cái đức tin tự thân từ lâu rồi.

Ulrich nói :

— Sở dĩ kỹ thuật phụng sự cho lẽ tà nhiều hơn cho lẽ chánh như vậy, ấy là tại nơi người, chứ không phải tại nơi kỹ thuật.

— Vì lẽ ấy mà tôi mất luôn đức tin vào khoa học. Tại sao khoa học không tập trung tất cả ý chí mình để cải thiện con người? Điều đó tại bản chất của loài người ư? Thì ai là kẻ chịu trách nhiệm về sự có cái bản chất ấy. Thượng Đế tạo ra loài người, nên chịu cá trách nhiệm ấy à? Tôi hỏi tại sao khi Thượng Đế tạo ra vũ trụ, thì Thượng Đế tạo làm chỉ thẳng Lucifer để phá hoại lại mình, mà hại loài người? Chính thẳng Lucifer này đã làm cho danh của Chúa không được rạng, thì tôi cầu nguyện cho danh Chúa được rạng mà làm chi? Tôi không bưng rế, thì làm sao mà ngăn cản được mọc được? Tôi chỉ cầu nguyện có một

điều, là đừng có Lucifer đừng có nguyên nhân của tội ác. Tất nhiên điều lành sẽ có và có mãi mãi... Chúa đã sáng tạo ra Lucifer, tại sao khoa học không giết Lucifer, mà cứ theo trợ lực cho Chúa mà làm cho Lucifer càng ngày càng tăng cái tri cái năng của nó ?

Hayashi xen vào :

— Trẻ con ở phương Đông, khi bước vào nhà trường, đã học câu «nhân chi sơ, tánh bản thiện...»

— Điều ấy, thiên hạ đều cho rằng không có. Huyền thoại của Tây phương cho rằng loài người khởi sự bằng ông Caïn giết em ruột của mình là Abel...

— Nhưng mà Đông phương không có một huyền thoại như vậy.

— Điều ấy, tôi dốt, tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng huyền thoại của xứ tôi nói rằng ông Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ mà đẻ ra một cái bọc một trăm trứng. Trứng nở ra, thành một bầy anh em một trăm người. Sau đó, vợ bất hòa ; mẹ dẫn năm mươi con lên núi ; cha dẫn năm mươi con mà xuống bề.

— Nhưng mà hai bầy con ấy có cư xử với nhau như Caïn đối với Abel không ?

— Họ có đối xử với nhau làm sao, thì trong huyền thoại, có tác tẽ cho đến đâu, thì cũng chỉ trong tưởng tượng. Còn trong thực sự, dân tộc Việt chúng tôi một lượt đã chia đôi rồi. Phải chỉ họ có theo mẹ, theo cha thì cũng vì tình, thì cũng hiểu được. Đàng này họ theo một Trịnh bá vợ, họ theo một Nguyễn cũng bá vợ, mà chinh chiến suốt hai trăm năm. Rồi chưa đã thềm, bây giờ, một chiến cuộc mới lại gài ra, không biết kéo dài đến mấy trăm năm nữa...

Dừng một chặp đề dẫn sự cảm động, Cầu Lê nói tiếp :

— Càng đọc tiểu thuyết hiện sinh của đám văn sĩ Tây phương do J.P. Sartre lãnh đạo, tôi càng chán ghét cái chủ nghĩa quái đản là chủ nghĩa hiện sinh. Cái bản thể của đám hiểu chiến là thích chiến tranh, thì họ kéo nhau vào đồng sa mạc Sahara mà đánh tay đôi với nhau đi, thì họ lại chế ra những phi thuyền mà sang qua hành tinh Mars, tinh cầu của thần chiến tranh Mars mà đấu võ tay đôi đi. ! Đàng này họ ngồi trong những chỗ êm ấm mà xúi giục, và ra lệnh cho kẻ không ưa, sợ, ghét chiến tranh «hiện giùm cái sinh cho họ». Văn chương nhập thể, dấn thân của họ có một cái gì giả dối, vô nhân.

Họ có hơn gì một anh Lý Toét, mục kích hai đứa trẻ sừng sộ với nhau, đáng lý tìm thể giải hòa cho hai đứa trẻ mà lại khích nộ chúng nó cho chúng nó choảng nhau...

Ulrich nghe Cầu Lệ công kích văn chương hiện sinh một cách táo bạo như vậy, thì, mặc dầu mình không phải là một nhà văn hiện sinh, song cảm thấy mình cũng va chạm ít nhiều, bởi mình cũng là người Tây phương. Nên Ulrich có vẻ sượng sùng. Chẳng dè Cầu Lệ lại tấn công tới tấp :

— Hiện nay, dân tộc gọi là ưu tú hơn hết của Tây phương là dân tộc Đức, bởi vì dân tộc này cầm đầu cho phong trào tư tưởng của Tây phương, bởi vì có đông nhà thông thái hơn hết, bởi vì có nhiều triết học thâm thúy hơn hết, chính là dân tộc này làm cho tôi mất hết cảm tình với Tây phương hơn hết.

Mọi người nghe Cầu Lệ tuyên bố như vậy đều ngạc nhiên. Sững sờ hơn hết là Ulrich, sau khi nghe Ngọ Thu vừa tủm tủm cười, vừa dịch ra tiếng Đức. Ulrich bèn đặt ra câu hỏi :

— Tại sao vậy ?

— Việc của cảm tình phải lấy tình cảm mà

giải. Mà tình cảm thuộc về chủ quan. Ông Ulrich muốn hỏi tôi vì sao mất cảm tình với dân tộc Đức, thì ông hãy cõ bỏ tâm hồn của một người Đức, mà ông nhốt trong cái xác arien của ông cái tâm hồn của một người Việt.

Ulrich gượng gạo đáp :

— Điều ấy khó làm thật. Nhưng tôi cũng ráng làm, để hiểu lời tố cáo của cô. Cô hãy nói đi !

— Người Việt chúng tôi, ngày xưa, ranh giới tới tận Động Đình hồ, sống đến lưu vực sông Dương tử. Và gọi là Bách Việt, và gần cả trăm bộ lạc có khác nhau đôi chút. Suốt mấy ngàn năm, chúng tôi bị sự đe dọa của Hán tộc. Nòi Hán phát tích chỉ ở một vùng nhỏ xíu ở từ phương Bắc mà thôi. Nhưng cái thường trự của họ là thôn tính các nước láng giềng, đô hộ, đồng hóa, rồi bôi mất tên tuổi của các nước ấy trong lịch sử. Nòi ấy từ một nhóm nhỏ, luôn chẳng dừng, tiêu hóa các dân tộc ở chung quanh. Hết Mông, đến Mãn, đến Hồi, đến Tạng. Đối với dòng Bách Việt của chúng tôi, dòng Hán, đã tiêu hóa đến chín mươi chín nòi Việt khác. Sống sót, chỉ còn loài Lạc Việt mà thôi. Mà nòi Việt này sống sót được là nhờ phạm tội.

— Nòi Lạc Việt đã phạm tội nào ?

— Tội đồng hóa các dân tộc láng giềng, lần lần làm mất văn minh Chiêm Thành, rồi Thủy Chơn Lạp.

— Thì cá lớn nuốt cá nhỏ, cá nhỏ nuốt tép. Đó là luật bù trừ của tạo hóa.

— Nếu có ông tạo hóa, thì hồi trước, ông còn có chút công bình, bằng cách áp dụng luật bù trừ. Bị người phương Bắc ép xuống thì thời xưa, người Việt còn dìm xuống phương Nam, dùi đánh đục, đục còn đánh sãng ; còn bây giờ, bị phương Bắc ép xuống người Việt chúng tôi chỉ có nước biến ra làm cá mà lội ở Nam Hải.

Phương Nữ trào phúng bàn góp :

— Thừa cô Cầu Lệ, hãy còn nước khác chớ ! Hãy còn nước cúi đầu làm nô lệ đề rồi con cháu biến thành người Hán nốt !

Cầu Lệ mỉa mai đáp :

— Hiện sinh đây ! Hóa ra cá hay hóa ra nô lệ mới sống còn !

Ulrich, tuy đã công nhận lối phân tích của Cầu Lệ, song tìm cách cãi lại, đề xem nàng nói thế nào :

— Xưa khác, nay khác. Xưa là đường lối xâm lăng của triều Hán, triều Tống, triều Nguyên, triều Minh, triều Thanh... Còn nay là chủ nghĩa đại đồng của xã hội chủ nghĩa mà !

Cầu Lệ cười gằng hỏi vặn :

— Vì sao mà ông bỏ cái thực chất để nắm lấy cái huyễn thoại ? Há ông không thấy triều Mao cho in bản đồ Trung Quốc lại, để phổ triển mộng xâm lăng của dòng Hán ? Há ông không nghe các nhà lý thuyết, các sử gia Tàu «xét lại» ranh giới giữa Tàu và Nga cả hai là chế độ Cộng Sản, hỏi vậy ranh giới nằm ở đây, hay dời qua bên kia, có đến quan trọng tới mức mà chưởi mắng nhau thậm tệ chẳng ? Và, thưa ông Ulrich, nếu các lý thuyết gia và các sử gia Tàu «xét lại» ranh giới giữa Tàu và Nga, giữa Tàu và Ấn, thì tại sao người Việt chúng tôi không có quyền «xét lại» ranh giới của Tàu và Việt ; và người Việt chúng tôi tại sao không có quyền đứng trên lập trường của các lý thuyết gia và các sử gia Tàu mà đòi cho biên giới mình đến tận Động Đình Hồ ?

Ngọ Thu dịch xong lời của Cầu Lệ cho Ulrich nghe, lại trào phúng chêm thêm câu :

— Tôi đây là dịch giả, tôi xin thêm như vậy. Ngày xưa, trong ngụ ngôn, cái lý của cừu con không thể mượn cái lý của con sói. Ngày nay, Tàu là một nước 750 triệu dân, Tàu là con sư tử. Dân tộc Việt chỉ 30 triệu dân lại chia đôi, chống báng lẫn nhau thành ra chung lại, lực lượng tự trừ nhau. Việt nhũn như con chi chi, làm sao có quyền nói lý luận của con sư tử được mà hồng đòi Động Đình Hồ ?

Cầu Lệ nghe được tiếng Đức vội vã đánh chách :

— Tôi không nuôi cái mộng đòi Động Đình Hồ. Làm một đứa con gái yếu đuối, chẳng có tài, chẳng có trí, chẳng có thời, chẳng có thế, chẳng có cơ của Quang Trung, làm sao tôi dám bắt chước Quang Trung mà nuôi mộng lấy lại lãnh thổ đã mất từ mấy ngàn năm. Tôi nhắc lại việc Động Đình Hồ, ấy là cốt đề chỉ cái lập luận vô lý của các lý thuyết gia Tàu. Mà họ vô lý như vậy, ấy bởi vì, mặc dầu họ khoác cái áo Mác-xít, song thực chất của họ là nòi Hán, nòi Hán xâm lăng, thôn tính, đồng hóa tất cả dân tộc láng giềng họ.

Ulrich nói :

— Chánh sách xâm lăng của dòng Hán quả như vậy, mà can cơ chỉ đến dân tộc Đức chúng

tôi, mà cô mất cảm tình đối với dân Đức?

Cầu Lê cười mỉa mai, đáp :

— Người phương Đông của chúng tôi có một quan niệm khá lạ về tội lỗi. Ngày xưa, vua Kiệt có tiếng là bạo ngược. Vua Kiệt có cái tội bạo ngược, đã đành. Mà những người giúp cho vua Kiệt, bằng vật chất bằng tinh thần cũng bị xem là kẻ có tội nốt. Trong sử sách, tội ấy là tội «trợ Kiệt vi ngược» tội giúp cho vua Kiệt làm việc bạo tàn. Còn suốt dòng sử, từ ngày vua Hoàng Đế chiến với Xi Vưu, như sách chép : « Tích nhật Hoàng Đế chiến Xi Vưu, Trác Lộc, kinh kim nhược vị hưu » thì cuộc xâm lăng của nòi Hán, khởi từ cánh đồng Trác Lộc, suốt cả dòng sử, cuộc xâm lăng của nòi Hán có lúc nào dừng đâu ? Kinh kim nhược vị hưu mà ! Đến nay, cuộc xâm lăng qua phía Đông, tới kinh tuyến của thành Kyoto của Nhật ; bị ven biển của Thái Bình Dương nhốt lại, thế mà không dừng. Tiếng đại bác, từ lục địa bắn qua Mã Tô, Kim Môn, nỏ ngày đêm dường như đề khắc canh. Mà cuộc « xâm lăng hòa bình » diễn mỗi ngày, : ở các đô thị lớn của Hoa Kỳ, từ Cựu Kim Sơn bủa qua New York đều có một «châu thành khách trú». Về phía Tây, biên giới cho lối kinh tuyến của thành

Bombay, thế mà, cuộc «tranh chấp ý thức hệ» giữa «chủ nghĩa chánh thống» và «chủ nghĩa xét lại» chỉ là tấm màn mỏng để che cái mộng của một Thành Cát Tư Hãn tân thời. Phía Bắc, dòng Hán tràn lên đến vĩ tuyến 54 độ, thế mà trong các cuộc «Hội Nghị Á châu», Tàu một mực đòi tống cồ Nga ra ngoài. Cái lý đưa ra, nói rằng «Nga là một cường quốc Âu Châu, nên không được bàn việc Á châu» trong thực chất, lý ấy che đậy cái ý muốn thôn tính cả Tây Bá Lợi Á. Còn ở phương Nam, Tàu đã đến kinh tuyến của Bắc Giải, thế mà chiến cuộc ở Việt Nam là bằng chứng của cái mộng, «chinh lương», cái mộng chiếm mấy vựa lúa ở Miến Điện, ở Thái Lan, ở Nam Việt... trong lúc ấy, phân nửa thị dân của Singapore đã là người Tàu...

Ulrich không dẫn được, hỏi :

— Tôi vẫn chưa thấy tội lỗi nào của dân tộc Đức...

— Thưa ông Ulrich, phải. Tôi chưa nói chi cả. Tôi phải kể tội của vua Kiệt bạo ngược, nhiên hậu mới có phép hài tội của những kẻ «trợ Kiệt vi ngược». Tôi trước phải vạch cho quý vị thấy cái bản chất thường tại của nòi Hán, khởi từ Hoàng Đế, cho đến bây giờ. Thích Ca

bảo rằng không có cái gì là hữu thường, tất cả thảy vô thường. Lịch sử chứng minh rằng sức thôn tính của nòi Hán tránh được cái luật vô thường của Thích Ca. Nòi Hán, trong thực chất, trường tồn với sức thôn tính ấy. Trước đây, các nước thực dân, các dân tộc nuôi mộng đế quốc hãy còn trắng trợn tuyên bố sự háo ăn của mình. Đứng trước cao trào tranh đấu của các dân tộc Á Phi, sang hậu bán thế kỷ XX chúng thảy hạ giọng.

Thế mà hai gã Karl Marx và Frederick Engels giúp cho nòi Hán che mộng xâm lăng của mình nung nấu cho mộng ấy sức sức lên bằng cái món ý thức hệ. Tội của hai gã là tội giúp cho nòi Hán làm việc bạo ngược, ngay lúc cuối thế kỷ XX. Tội ấy là một tội không lồ. Sánh ra, tội «trợ Kiệt vi ngược» có ăn thua gì đối với cái tội trợ Hán mà thôn tính hoàn cầu. Và, thừa ông Ulrich, nước Đức sinh ra được ông Goethe, đem lại cho dân tộc Đức cảm tình bao nhiêu thì dân tộc Đức, sanh ra hai gã Marx và Engels, lại làm mất cảm tình của kẻ bị xâm lăng bấy nhiêu. Thừa ông Ulrich tôi quý ông vì ông là đồng hương của Goethe. Nhưng mà khi tôi nghĩ rằng ông là đồng hương của Marx và Engels, thì máu của kẻ xưa kia đã bị

ngàn năm đô hộ, nay đang bị xâm lăng, thì máu của tôi ròn rợn một làn sóng khó tìm được danh từ mà định nghĩa cho chính xác.

Ulrich hỏi :

— Muốn chuộc lại cảm tình mà Marx và Engels đã làm cho dân tộc Đức mất thì dân tộc Đức phải làm gì ?

— Dân tộc Đức phải chuộc tội mà hai đứa con mình đã làm.

— Chuộc bằng cách nào ?

— Sự tàn phá về vật chất rất lớn. Các nhà bác học Đức nổi tiếng khắp thế giới, có thể đền cho những dân tộc bị tàn phá ít nhiều phát minh kỹ thuật để cho họ xây dựng lại. Còn mình đã lỡ hại kẻ khác trọng bệnh, ít nữa phải đền bồi thuốc men cho người.

— Kề cũng nhiều đấy !

— Không phải bồi vì là nhiều mà mình trốn tránh trách nhiệm. Còn ngoài sự tàn phá vật chất, sự tàn phá tinh thần phỏng có đo lường được chăng ? Con giết cha, vợ hại chồng, anh em chống đối nhau... Ở một thứ nguyên khác bao giá trị bị lật đổ. Ông Ulrich ông có đo lường nổi sự tàn phá này không ?

Một tàn phá mà không kiến thiết được gì cho ra hồn để thay vào. Cái xã hội chủ nghĩa mà Marx và Engels đã đề cao, chính những người theo Mác xít lâu năm, như Djilas cũng phải giựt mình là nó không đem bình đẳng và công đạo đến, mà làm cho tâm hồn con người thêm đồi trụy. Chính là sự tàn phá trong tâm hồn ấy, mà dân tộc Đức phải bồi thường...

— Bồi thường bằng cách nào ?

— Dân tộc Đức nổi tiếng là dân tộc thông minh, đã sản xuất những triết gia lỗi lạc. Thay vì lập dị như Nietzsche, đề cao thuyết siêu nhân để nung nấu sự điên cuồng của tác giả Hitler, các triết gia Đức có thể làm những Jésus, những Thích Ca, gieo từ bi bác ái, không nung nấu làm chi lũ «siêu nhân». Vùng sông Hằng đã giẫm bước của Thích Ca đi hành đạo. Bờ địa Trung Hải đã được làm nơi tụ hội của tín đồ của Jésus. Đất nước Đức chỉ mới sản xuất một Luther, một Goethe, mà đếm rất đông những Marx, những Engels, những Nietzsche, những Hitler, những bộ óc, những bàn tay của tội ác. Nay là lúc mà dân tộc Đức phải bồi thường cho nhân loại bằng cách sản xuất một đảng Cứu Thế vượt cao hơn các vị Cứu thế đã qua.

Ngọ Thu, khi đã dịch xong, bởi vì, tuy Cầu Lệ nói được tiếng Đức, song nàng đã dùng tiếng Việt để nói, thì nàng xin phép bàn góp.

— Thưa chị Cầu Lệ, chị phân tích thì tôi nghe phải. Nhưng đến khi chị bắt dân tộc Đức đền bồi như thế, thì tôi không đồng ý chút nào.

Cầu Lệ ngạc nhiên hỏi :

— Sao vậy !

— Bởi vì sản xuất được một đấng Cứu Thế là một vinh hạnh «ngàn năm một thuở». Dân tộc Do Thái rất vinh hạnh vì đã sanh ra ra Moïse và Jesus. Dân tộc Ấn Độ rất vinh hạnh, vì đã sinh ra được Thích Ca. Thì cái vinh hạnh ấy, nếu có một sự công bằng tất nhiên phải dành cho dân tộc nào trả rất đắt. Kẻ trả rất nhiều, mà chẳng thấu nhận được. Còn kẻ làm hủy hoại, lại hưởng vinh hạnh kia. Có phải là bất công chẳng ?

— Vậy làm sao cho có sự công bình của trời đất ?

— Muốn có sự công bình của trời đất, thì vinh hạnh sản xuất ra một đấng Cứu Thế phải dành cho dân tộc nào, mà mặc dầu thế

chiến đã chấm dứt từ năm 1945, vẫn đau khổ suốt hai mươi năm nay. Dân tộc ấy là dân tộc Việt Nam đó.

Basu hỏi :

— Cô Ngọ Thu chủ trương như vậy, phải chăng là cô có một đầu óc ái quốc hẹp hòi chẳng ?

Không đợi Ngọ Thu đáp, Phương Nữ xen vào, nói :

— Xin lỗi ông Basu, ai cho rằng cô Ngọ Thu có một đầu óc ái quốc hẹp hòi, thật tình chưa nắm được công đạo. Kẻ có đầu óc ái quốc hẹp hòi, chỉ thấy có tổ quốc mình, mà quên tổ quốc của kẻ khác. Ở đây, cô Ngọ Thu không phải vậy. Cô đặt một nguyên tắc mà ai cũng phải cho rằng hợp với công đạo. Ai đã trả nhiều thì phải được hưởng đền bù lại những đớn đau mà mình đã gánh chịu. Như vậy, mới đúng với quan niệm âm đức của người Việt. Hai mươi năm khổ nhọc về chiến tranh ấy là hai mươi năm khổ hạnh, trong ấy cả dân tộc Việt Nam hành, cái hạnh *bách nhẫn*, hành một cách tập thể. Đó là một sự tu luyện tập thể. Trong sự tu luyện này, toàn thể dân tộc đã tích súc một cái âm đức tập thể to tát. Phạm

ai tích súc âm đức, tất phải hưởng phúc đức. Dân tộc Việt Nam tích súc một cái âm đức lập thể tất phải hưởng cái phúc đức tập thể.

Cầu Lệ im lặng, không cự cạy, nhìn Ngọ Thu không nháy mắt, khi Ngọ Thu nói nhỏ nhỏ, như là thuyết pháp. Ngọ Thu dứt khá lâu không ai hỏi chi cả. Hình như nàng đã tung ra một lý lẽ thiêng liêng, nên không ai dám khởi sự nói, mà làm tan cái không khí thiêng liêng ấy đi. Thấy vậy Ngọ Thu từ từ tiếp tục :

— Tất cả quý vị thấy đều muốn biết cái phúc đức tập thể ấy sẽ thực hiện trong hình thức nào. Thưa quý vị, người Việt chúng tôi, ai mà tin tưởng Trạng Trình thì dựa vào sấm của ngài mà bảo rằng «thiên tử giáng trần», ai mà tin đạo Phật thì bảo rằng «Phật vương xuất hiện». Mượn danh từ của Tây phương mà nói, ấy là đấng Cứu Thế !

**Hết phần thứ ba.**

## PHẦN THỨ TƯ

### HOA DINH CẦM TRẬN

Cầu Minh và cả gia đình, Cầu Nghiêm và cả gia đình, và Cầu Chơn được tập trung đến một ngôi chùa xưa cách Vân Nam Phủ độ mười dặm. Chùa ở trên chót của một hòn núi con, thế mà đá vững đứng, người không biết lối vào không làm sao leo lên được. Họ đã được đưa đến đó bằng trực thăng. Ở chùa có sẵn lương thực cho họ sống đúng mười hôm. Hết thời hạn ấy trực thăng lại đến nữa, mang thức ăn đến.

Tuy là ở chót hòn núi con, song lại thấp hơn mấy quả núi to gần đó. Nên có một mạch nước chảy róc rách hoài, và nước luôn luôn thừa dùng. Không có bao nhiêu đất, chồi con và cỏ, vì thiếu phân, hóa ra cần cỗi.

Có điều làm cho ba anh em suy nghĩ mãi. Và họ luôn tự hỏi nhau. Khi chưa có trực thăng, thì người xưa đã làm cách nào để đến ở chỗ này? Họ đã phi hành như trong

các tiêu thuyết kiểm hiệp chẳng ? Chùa lại xây cất bằng những vật liệu như gỗ, như ngói không làm sao tạo ra trên chót vót ấy được. Những món ấy làm sao mà đem lên ? Say mấy ngày thám hiểm, Cầu Minh tìm thấy một tấm đá có khắc chữ, giống như chữ Hán mà chàng đọc không được. Chàng bèn tìm hai em mà chỉ cho. Thì Cầu Chơn thấy là chữ Nôm. Đọc ra thì bài thơ như vậy :

*Mười tám thầy nay đã đến đây  
Hang màu đã lấp chớ mong về  
Đông A cũng khó tìm đường tới  
Trừ lúc nào leo được vãn thê.*

Đọc thơ xong cho hai anh nghe, Cầu Chơn tiếp :

— Theo bài thơ này, thì tác giả vốn là một hoàng thân và thời mặt Lý Mười, ấy là chữ thập. Tám ấy là chữ bát. Thầy ấy là chữ tử. Ba chữ thập, bát, tử, ráp lại, ấy là chữ lý. Tức là có người họ Lý trước đã đến nơi đây, mang vật liệu đến mà cất ngôi chùa này. Không phải chỉ một người, mà cả một toán khá đông mới từ chơn núi theo một con đường vất vả lắm, mới khuôn vác bao nhiêu vật liệu mà xây cất.

Cầu Minh nói lời :

Con đường mà họ đã đi theo chắc chắn là một cái hang núi rất bí mật, người thường mà chẳng ai dẫn dắt, vị tất đã biết nẻo mà tìm. Câu thứ hai nói sự hiện hữu của cái hang mẫu vì khi họ đến đây, họ đã lấp lại.

— Anh hai nói rất đúng. Chùa này nhất định phải cất vào đầu nhà Trần. Hai chữ *đông* và *a* ráp lại thành chữ *Trần*. Vào đầu nhà Trần, Trần Thủ Độ muốn củng cố triều đình của họ mình nên tìm kế tàn sát con cháu nhà Lý. Một nhóm nào trong họ này biết ở đây có chỗ cực kỳ bí mật. Bèn dắt nhau trốn đến đây, xây cất chùa này để ở mà tu. Rồi lấp hang lại để ngăn lối của đảng của Trần Thủ Độ. Trừ lúc nào chúng leo được thang máy mà đến. Sau đó, họ Lý này tuyệt tự. Chùa bỏ hoang từ ấy nhân nay. Có lẽ chỉ đến bây giờ, dân Tàu có trục thẳng, bay gần đây, thấy nóc chùa lạ, bèn hạ xuống. Rồi tu bổ lại, làm cái trại giam đặc biệt cho chúng ta.

Cầu Nghiêm hải hước nói :

— Mặc dầu chẳng phải họ Trần, chúng ta lại được cỡi vân thê mà đến. Nhưng chẳng thấy hậu duệ của nhà Lý ở đâu. Và chúng ta

đến đây chẳng phải vì đề cửng cổ triều đình của nhà Trần, mà cũng chẳng phải đề cửng cổ cho một triều đình Việt nào. Chúng ta lại đến đây đề cửng cổ cho một triều đình tàn bạo hơn hết cả triều đình của nước Tàu, triều đình của họ Mao.

Cầu Minh lắc đầu nói :

— Không thể có triều đình của họ Mao được. Mao Trạch Đông mà chết rồi, không phải là con cháu sẽ lên nối vị. Nối vị là một lãnh tụ khác của đảng.

Cầu Chơn nói :

— Đảng tuy vẫn là đảng cũ, song thực chất sẽ biến hoàn toàn. Staline chết năm 1953, mà năm 1956, thần tượng của Staline bị lật đổ. Mao Trạch Đông vừa chết thì chỉ trong sáu tháng thôi, một chủ nghĩa xét lại, không phải thứ xét lại nhút nhát của Kroutchew mà một thứ xét lại tàn bạo, và cũng tàn nhẫn sẽ nồ bùng lên...

— Em căn cứ vào đâu mà nói vậy ?

— Hồi em còn nhỏ xiu, lúc học lớp ba, lớp nhì chỉ đó, một quyển tiểu thuyết trào phúng ra đời, mang tên là *Phi Lạc sang Tàu* thấy có chép câu tiên tri của Gia Cát Lượng...

— Em là nhà khoa học, có sao em lại tin lời tiên tri huyền bí ?

Cầu Chơn cười đáp :

— Chỉ có thứ tư thái của «khoa học vạn năng chủ nghĩa» mà tiếng Pháp gọi là scientisme, mới cấm đoán nhà khoa học ghé mắt vào những lãnh vực khác của tư tưởng. Bởi vì tư tưởng của loài người nào có phải thâu hẹp trong tư tưởng khoa học mà tinh thần là sự suy lý ? Em xin lỗi hai anh, hai anh sống hơn hai mươi năm trong chủ nghĩa Marx, mặc dầu tâm địa của hai anh nhờ có một nền giáo dục phong phú, mà không đến nỗi quá hẹp hòi, song hai anh bị cái hẹp hòi chung của chủ nghĩa Marx.

Cầu Minh và Cầu Nghiêm thương em, nên không cãi lại lời chỉ trích thẳng thắn của em. Nhưng nét mặt lộ vẻ khó chịu Cầu Chơn thấy vậy, mở thêm :

— Năm nọ, em có đi dự một tiệc thân hữu trong ấy người ta biểu tặng cho người nhập hội số 1000 một món quà. Sau bài diễn văn tràng giang của hội trưởng, và đáp từ của người được tặng quà, thì người này được một cái hộp to. Bèn mở ra, thì trong ấy có một cái hộp thứ hai. Mở hộp thứ hai, lại còn hộp thứ

ba... Tư tưởng loài người cũng như thế, hai anh à. Cái hộp lớn ở ngoài là cái tư tưởng đại thể của con người. Mở hộp ra ở trong không có một hộp, mà lại có hai. Tôi muốn nói, thì đại khái có hai thứ tư tưởng.

Cầu Minh hỏi :

— Hai thứ ấy là hai thứ nào ?

— Một thứ mà số đông thấy công nhận là cái tư tưởng hợp luận lý (*Pensée logique*). Một thứ khác, chỉ có tối thiểu số biết, một mớ người tin theo thôi, là cái tư tưởng vô luận lý (*pensée alogique*). Và xin phép hai anh, chúng ta bắt đầu mở hộp thứ nhất.

— Mở hộp đựng cái tư tưởng hợp luận lý, có gì ?

— Trong hộp này lại có hai hộp vừa vừa. Một là cái hộp chứa đựng cái tư tưởng triết học (*pensée philosophique*). Hai là cái hộp chứa đựng cái tư tưởng khoa học (*pensée scientifique*). Và xin phép hai anh thêm một lần nữa, chúng ta bắt đầu mở cái hộp sau này.

— Trong hộp này lại có gì ?

— Thưa hai anh, trong hộp này có hai hộp nhỏ nữa. Hộp thứ nhất chứa đựng cái «khoa

học vạn năng chủ nghĩa» (tức là scientisme đô). Còn hộp thứ hai chứa đựng cái tư thái của những nhà khoa học ý thức được sự nhỏ bé của những giá trị khoa học. Và xin lỗi hai anh tư tưởng của hai anh còn nhốt trong hộp thứ nhất. Còn tư tưởng của tôi lại ở vào hộp sau. Hai anh cầm khoa học là vạn năng, cái gì cũng hiểu, cái gì cũng biết, cái gì cũng làm được. Còn tư tưởng của tôi thì khiêm tốn hơn. Tuy tôi tin vào khoa học, nhưng tôi biết giới hạn của khoa học. Tôi là người đi bộ. Tôi tin nơi những bước của tôi bước trên đất vững. Nhưng mà tôi không dám bước chơn mà lội trên mặt nước đề lội ngang biển cả, hay làm như Tôn Ilành Giả mà cân đấu vân, trừ phi thân tôi bị máy móc ném vào không trung ngay vào quỹ đạo của một vệ tinh chạy vòng chung quanh mặt đất. Tôi ý thức được sự nhỏ bé của khoa học bởi vì tôi là nhà khoa học. Tôi không dám chê tất cả lối tư tưởng khác, không dám chê vì tôi e rằng một ngày kia tôi lại bị khoa học bắt buộc tôi chọn nó.

Cầu Nghiêm hỏi :

— Làm gì mà có việc khoa học bắt buộc tin dị đoan ?

— Em xin lỗi anh ba, đề em phân tích nốt hình thức tư tưởng của cái hộp scientiste. Mở hộp này ra ta lại thấy vô số hộp nhỏ. Xem kỹ lại, mỗi hộp này chứa một tư thái trí thức của loài người. Mỗi tư thái sở cậy vào một khoa học và tin rằng với khoa học này tất cả vấn đề đều giải quyết xong xuôi cả. Kẻ thì tin chờ mong chánh trị, thì muôn việc thấy an bài. Kẻ thì tin rằng tổ chức kinh tế lại, thì sẽ làm được việc kinh bang tế thế. Người lại tin rằng nhờ giáo dục mà rèn luyện cái trí của con người, hễ dân trí được khai, thì hết lũng ca lũng củng. Người lại bảo phải nhờ tôn giáo. Vân vân và vân vân. Và trong cái hộp nhỏ chứa tư thái chọn biện pháp chánh trị để cứu thế độ dân, thì lại có, trộn trong muôn ngàn chủ nghĩa, như cái chủ nghĩa Marx. Rồi mở cái hộp chủ nghĩa Marx ra, tôi lại thấy năm bảy cái hộp khác nữa. Không vậy, làm sao hiện nay lại có chủ nghĩa Trotsky, chủ nghĩa Staline, chủ nghĩa tân xét lại, và chủ nghĩa của Mao Tử ? Hai anh tin vào chủ nghĩa Trotsky, điều ấy tôi không dám trách. Nhưng đem chủ nghĩa Trotsky mà bao trùm tất cả tư tưởng của loài người, ấy là lấy tàn của một cây mà che cả cụm rừng. Tư thái ấy thưa hai anh, nếu hai anh chưa cầm

quyền thì chưa thấy ảnh hưởng ra làm sao. Nhưng một khi, nường thời thế mà nắm lèo lái được, thì em nghĩ rằng tư thái ấy khiến cho hai anh độc tài chẳng kém Mao Trạch Đông ở Tàu và Staline ở Nga đó.

Trước luận điệu đánh thép của nhà khoa học có linh thần phóng khoáng như Cầu Chơn, hai anh chàng thấy dường như không cãi nổi. Cầu Chơn thấy vậy tiếp tục :

— Thưa hai anh, bởi có tinh thần phóng khoáng ấy, mà em chẳng khinh một loại tư tưởng nào. Một thị kiến của một thiên giả, một tưởng tượng của một thi bá, một giấc mơ, em chẳng khinh, mà bác bỏ. Em chẳng khinh, mà em cũng chẳng vội tin. Em cố gắng mà lập thành giả thiết để suy nghĩ, để khảo cứu với một tinh thần khoa học phóng khoáng nhưng rất nghiêm khắc.

Cầu Minh vốn cứng em, nên chiều mà hỏi :

— Đâu ! Em thử bày tư thái của em đối với lời tiên tri của Gia Cát Lượng, cho hai anh xem.

## 2

— Thưa, hai anh, Cầu Chơn nói, em xin nói tư thái của em đối với tất cả những

thị kiến nói chung, nhiên hậu em sẽ nói đến tư thái của em đối với các lời tiên tri. Rồi em sẽ nói đến tư thái của em đối với lời tiên tri của Khổng Minh.

Khi bước vào khoa học, công việc đầu tiên của em là xét nét xem những đáng vĩ nhân trong khoa học, từ xưa đến nay, đã làm cách nào để thành vĩ nhân ấy. Thú thật, em đã nhờ một quyển sách tác giả là người Đức, tên là Otzwald, nhan đề là *Vĩ nhân*, nó dắt dẫn em nhiều. Trước kia, nước Nhật vốn là nước chậm tiến. Nhưng người lãnh đạo Nhật sớm giác ngộ, thiết lập một kế hoạch giúp cho dân tộc Nhật gia tăng tốc độ, rán làm sao cho chỉ trong thời gian ngắn, mà họ rượt theo kịp các bước tiến. Kế hoạch có thể thay đổi cho khế hợp với thời gian, không gian, nhất là cho khế hợp với nhân sự. Song chung qui việc thành hay bại của một kế hoạch đều do nơi vấn đề *cán bộ*. Kế hoạch vẽ ra có hay cho đến đâu, mà chẳng có cán bộ thi hành, thấy hóa ra thất bại. Bởi vấn đề cán bộ trọng yếu dường ấy, mà Nhật hoàng đặt vấn đề đào tạo vĩ nhân làm vấn đề nền tảng. Và nhờ bác học Đức là Otzwald trả lời. Quyển *Vĩ nhân* là lời đáp của

nhà bác học này vậy.

Đọc xong, lôi lại đặt vấn đề khác, đề nói thêm, đề mở rộng, đề nâng cao lên vấn đề mà Nhật hoàng đã đặt cho Ozwald. *Làm thế nào mà tôi đây, là Cậu Chơn có thể trở nên một vĩ nhân trong khoa học ?* Tôi thấy vấn đề ấy thực tiễn lắm, nhất là đối với dân tộc ta, từ vua Quang Trung băng hà cho đến nay. Vua Quang Trung vốn là «siêu vĩ nhân» chứ chẳng phải là «siêu nhân» theo quan niệm Nietzsche đã sớm về trời, mà từ ấy đến nay chẳng có một vị lãnh đạo dân tộc nào đặt được một vấn đề quan trọng như Nhật hoàng, cốt làm sao cho dân tộc ta có những vĩ nhân để đưa dân tộc tiến lên mau lẹ.

Đứng trong tình cảnh ấy, dân Việt Nam chúng ta, bởi chẳng có một kế hoạch tập thể để đào tạo vĩ nhân, âu là mỗi con dân phải có một biện pháp để tự mỗi mình tập tành làm một vĩ nhân. Do đó mà tôi đặt vấn đề nêu ở trên đó.

Thưa hai anh, tôi thấy rằng muốn thành được một vĩ nhân, việc cốt yếu là tránh việc làm đồ đệ. Nói ra, té ra chỉ trích hai anh nhưng trong thâm tâm, của em, em thấy phải

nói đến trường hợp của chính hai anh, rồi phân tách bạch ra, hai anh dễ hiểu hơn. Có tâm trạng đồ đệ, ấy là như hai anh ; cảm sự phát minh của người là chơn lý tuyệt đối, đạt đến rồi, ấy là sự tiến hóa đã đi hết lối mà đi tới nữa, phải dừng lại đó. Có cái quan điểm như vậy, nên kết luận rằng ta đây không còn chỉ nữa đề làm, khác hơn ta nên học lại của người. Hai anh nhìn nhận rằng, tư tưởng của loài người tiến đến Marx là thôi. Sau Marx không còn gì khác nữa. Rồi hai anh chỉ học của Marx, làm đồ đệ của Marx, cũng như đồ đệ của Khổng không dám vượt Khổng cũng như đồ đệ của Lão cũng không dám vượt Lão, cũng như đồ đệ của Phật không dám vượt Phật.

Về hành động hai anh quả là hai nhà cách mạng. Hai anh sớm đã hoạt động, ngay hồi lúc thể chiến thứ hai bắt đầu, nay đếm hơn hai mươi lăm năm. Về phương diện hành động, em chẳng có tí gì là cách mạng cả. Tuy em không phải là bảo thủ, vì bảo thủ cũng là hành động rồi ; tuy em không bắt chước Lão mà khuyên người vô vi, vì khuyên họ như vậy, ấy là đã «vi» rồi ; chính

là về phương diện hành động, em đã «vô vi» hơn Lão Tử nữa.

Nhưng mà, nghĩ cho cùng kỳ lý, hành động cách mạng như hai anh, trong thực chất, cũng là hành động bảo thủ. Những kẻ «cựu bảo thủ», là những kẻ bảo thủ một chế độ cũ kỹ, lỗi thời. Còn những người như hai anh, mà em gọi là những «tân bảo thủ», là những kẻ bảo thủ một chế độ mà họ toan xây dựng. Chế độ này nằm trong tương lai đấy. Nhưng mà lấy quan điểm khoa học mà nói, tương lai là gì? Tương lai là một cái nọc đóng cứng vào đất, vào lòng sông còn thời gian là dòng nước. Nước cứ chảy. Nọc vẫn ở chỗ cũ. Ta lội theo dòng nước, thấy cây nọc kia ở trước ta, ta cứ gọi nó là tương lai. Nhưng mà ta tiến với dòng nước, thì một lúc kia, ta tiến đến nọc, rồi ta vượt qua cây nọc ? Khi mà ta chưa tiến tới cây nọc, ta đề cao, ta ca tụng, ta tranh đấu cho cây nọc ấy, là ta hành động cách mạng. Khi mà vượt qua cây nọc rồi, mà ta vẫn bảo thủ cho cây nọc ấy là ta đã là một bảo thủ. Vậy thì, sánh với thời gian lưu động như dòng nước, mà hành động cho một chế độ cứng rầu, ấy cũng là bảo thủ, nói cho đúng hơn là «tân bảo thủ».

Bởi nhận xét như thế, mà em còn «vô vi» hơn cả Lão Tử. Lão Tử là một kẻ «vô vi» phản động, vì cho rằng hành động không đem đến kết quả hay. Em lại là «vô vi» cách mạng, vì em thấy rằng làm một «tân bảo thủ» ấy là muốn cho dòng nước tiến đến một cây nọc cạm ở xa xa kia rồi ngừng lại không chảy, thái độ ấy phản tiến hóa. Nên em chủ trương đề cho nước cứ chảy hãy «vô vi», đề cho dòng nước cứ chảy...

Về mặt hành động, em đã «vô vi» đến nhường ấy, mà đứng về phương diện tư tưởng, thì em cách mạng vô cùng. Về phương diện tư tưởng, em thấy rằng làm đồ đệ như hai anh ấy là đóng nọc mà không cho dòng tư tưởng vượt qua cái nọc ấy.

Suốt hai ngàn năm nay, những đồ đệ của Thích Ca, của Khổng, của Lão, của Moise đã ôm những cây nọc mà giáo chủ họ đã đóng đề đánh dấu dòng tư tưởng. Nhưng mà họ ôm những nọc ấy mặc tình cho dòng tư tưởng cứ trôi. Cách đây một trăm năm Marx thấy dòng tư tưởng chảy khá nhiều bèn đóng một cây nọc khác. Thích Ca, Khổng, Lão, Marx, về phương diện tư tưởng, là những nhà cách mạng. Những vị ấy đã

bỏ những cây nọc cũ, mà vươn theo dòng nước, để đóng những cây nọc đánh dấu rằng dòng tư tưởng, đến lúc nào, đã chảy tới đó. Nhưng đồ đệ của họ, toàn là những người bảo thủ, chẳng có cách mạng chút nào. Dòng nước cuồn cuộn chảy. Họ bám vào nọc không dám buông tay ra mà phiêu lưu lội mãi theo dòng nước. Hai anh là những người bám vào nọc Marx lập thuyết vào năm 1948. Trotsky chết năm 1940. Trotsky là tay cách mạng trong hành động, mà Trotsky ôm chặt vào cây nọc mà Marx đã đóng năm 1848. Còn hai anh, Trotsky và Marx đã chết từ lâu. hai anh khư khư ôm vào cây nọc của Marx. Vì lẽ đó, mà hai anh không thể đặt vấn đề: «Làm sao để trở thành vĩ nhân?». Bởi vì, là đồ đệ, hai anh chỉ quan niệm làm được vấn đề: «Làm sao để cho một đồ đệ thành công?».

### 3

Không biết vì thương hại em, mà Cầu Minh và Cầu Nghiêm không cãi, mặc dầu không đồng ý kiến. Cũng không biết phải chăng, vì không có duyên cớ gì mà mình bị sinh cầm

chung với em, mà hai chàng tỉnh ngộ, thấy mình phụng sự cho Mao Trạch Đông là một điều tối vô lý, nên chấp nhận lập luận của Cầu Chơn. Hai anh em ngồi trên bãi cỏ cần cỗi, nhổ một vài gốc mà ném ra xa. Được tiếp tế toàn bằng lương khô, thiếu sinh tố. Cầu Chơn e rằng lâu ngày chầy tháng rồi tất cả sẽ mắc bệnh thiếu sinh tố, nên chàng vẽ một kế hoạch trồng rau cải. Ở chót núi chỉ có một lớp đất mỏng, chừng hai phân, không đủ cho cỏ đâm rễ, thì Cầu Chơn bày cho cách làm những cái líp nhỏ cạo hốt đất ở khắp cả mà đổ vào líp, cho đất dày được vài tấc. Mấy đứa nhỏ khéo năn nỉ, xin người tiếp tế được một ít hột giống. Bốn yếu tố đề cho nhà nông làm việc, bấy lâu nay là, nhứt nước, nhì phân, ba cần, bốn giống, mà ở trong hoàn cảnh đặc biệt này, hóa ra khác hết. Nước thì dư dả, nhờ có mạch nước cung cấp luôn luôn. Phân cũng chẳng thiếu gì. Số người khá đông dùng phân tự nhiên cũng tạm đủ. Về vấn đề cần, thì không đáng lo, vì cả thảy không có việc chi làm khác hơn. Đất để trồng nay đã có rồi. Tối đại vấn đề, là hột giống. Không biết những đứa nhỏ năn nỉ như vậy, mà chuyển bay tới, những người tiếp tế có cho được

hột nào không. Tất cả sống trong chờ đợi ấy...

Còn ba bữa nữa mới có chuyến trực thăng khác. Đàn bà và trẻ con thừa đẽ lo việc tấn đá, làm líp, và cạo đất gom hốt lại líp. Ba anh em nhàn rồi, tiếp tục câu chuyện bỏ dở ngày hôm qua. Cầu Chơn nói:

— Hai anh chắc hẳn đã rút được lời kết luận mà tôi muốn nói. Cách mạng trong hành động chỉ là một thứ «tân bảo thủ». Cách mạng trong tư tưởng mới đích thật là cách mạng. Vì sao? Bởi vì cách mạng trong hành động chỉ là cố gắng để thể hiện một cái huyền ngưng nào đó của tư tưởng, là cố gắng để đóng một cây nọc trên dòng chảy của tư tưởng. Còn cách mạng trong tư tưởng là vượt hoài vượt mãi, chẳng bám vào cây nọc nào.

Hiện nay, Tàu hành động cách mạng nhưng mà chống chủ nghĩa xét lại ấy là Tàu bảo thủ về tư tưởng. Bởi xét lại ấy là có ý muốn tách rời cây nọc. Có tách rời khỏi cây nọc mới hợp với lẽ biến đổi, với lý vô thường. Bám vào nọc, ấy là bám vào thường trụ vậy. Nhưng mà, kẻ rời cây nọc, có thể lợi

ngược dòng sử, ấy là phản tiến hóa. Tàu không nên phản đối việc xét lại tự thân. Bởi vì có xét lại, mới giúp cho ta thấy rằng bám vào nọc ấy là lỗi thời. Có nên làm, là phản đối lại việc lằm lặc, chống lại sự phản tiến hóa. Hai điều đó khác hẳn. Trai gái lớn lên, cần bay nhảy. Chống đối lại sự bay nhảy của thanh niên là một việc trái tự nhiên. Có nên chống lại, ấy là chống việc chúng hư hỏng, không lo tự lập, mà chỉ mượn cớ có quyền bay nhảy đề sa đọa ở hộp đêm, ở phòng trà, đề đòi trụ trong những cuộc truy hoan.

Tàu và Nga đứng trên hai bình diện khác nhau. Tàu hành động với sắc thái cách mạng, mà về tư tưởng lại rất bảo thủ. Nga hành động rất là bảo thủ, lại chấp nhận, dầu là e dè sự xét lại. Xét lại, có thể lằm, mà có thể đúng. Phỏng khi xét lại, mà Nga hé thấy được lỗi đúng, thì em xin hỏi hai anh hậu quả sẽ thế nào ?

Cầu Minh hỏi :

— Ý em muốn nói gì ?

— Ý em muốn nói rằng hai anh là người hành động, hai anh thấy Nga vạch lối đúng hơn Tàu, hai anh sẽ hành động ra sao ?

Thấy hai anh không đáp, Cầu Chơn tiếp :

— Bản thẻ của hành động là dòng nọc dòng tư tưởng, là huyền ngưng tư tưởng vào một thẻ hiện nào đó. Bản thẻ ấy không phải là bản thẻ cách mạng. Sở dĩ hành động được cho là cách mạng, là khi nào ta muốn cho tư tưởng huyền ngưng vào một thẻ hiện sẽ có mai sau, mà cái thẻ hiện này bắt buộc phải đúng hơn cái trước. Không vậy, hành động ấy không phải là cách mạng.

Nó là một cuộc phản cách mạng. Lúc này, em đặt vấn đề Nga Tàu, không phải là bảo hai anh chọn một trong hai : là Nga và Tàu. Vì em chỉ nêu một giả thiết đề suy tư. Em đã nói rằng em không thích cái tư thái đồ đệ, lẽ nào em lại xúi hai anh chọn một trong hai tượng Bụt (là Nga và Tàu) mà đặt trên bàn thờ, đề mà bái bái ?

#### 4

Hôm nay, không phải chỉ một trực thăng đáp xuống đề mà tiếp tế như thường lệ. Từ xa xa, có đến ba chiếc, nối đuôi nhau mà hiện trên vòm trời, rồi hạ xuống nơi khoảng trống. Đám trẻ con reo hò, rồi bu lại xem, vì từ các

trực thăng, bước xuống mấy người đàn bà, sau lưng các nhân viên quen biết. Anh cán bộ chỉ huy bước vào chùa trao một phong bì cho Cầu Minh, chẳng nói chi cả, rút lui ra mà chỉ huy cho việc đưa thực phẩm tiếp tế.

Cầu Minh bóc phong bì đọc, lúc mà cả thấy trở mặt nhìn. Tài liệu nói :

«Trung ương đảng bộ gửi đến những người có tên sau đây : Đặng Võ Cầu Lệ, Nguyễn Phước Nhâm Ngọ Thu, Trần Phương Nữ, Phương Lan.

« Những người bị an trí, kẻ cả cũ và mới  
« đương nuôi mộng lấp hố chia rẽ và hận thù,  
« đem tình thương mà thay cho tranh đấu và  
« căm hờn. Điều này, trong căn bản, ngược  
« hẳn với chủ nghĩa Marx Lénine. Thì, đối với  
« đảng, hiện nay là đại diện chánh đáng, trung  
« thực và duy nhất của chủ nghĩa Mác Lê, điều  
« này đáng tội chết.

« Nhưng xét vì bọn người này thông minh  
« tốt chúng. Nên án tử hình nọ còn huyền lại đó.  
« Đảng hạn định cho một trăm ngày, phải đá  
« công thực tội, dùng cái thông minh của mình  
« mà tìm một kế khả dĩ giúp cho dân tộc Trung  
» Hoa chinh phục được hoàn cầu, một cách chắc

« chẵn, mau lẹ, hữu hiệu, và vạn vạn năm về sau  
 « không có dân tộc nào thoát được ách đô hộ  
 « của Hán tộc.

« Quá thời hạn một trăm ngày này, nếu kẻ  
 « chẳng dăng, nếu kẻ dăng mà là nguy kế, thì sự  
 « tiếp tế sẽ chấm dứt. Đây là tối hậu mạng  
 « lệnh, không hề sửa đổi ».

Cầu Minh xem xong, gọi anh em cùng bước ra khỏi chùa mà đón những người mới đến. Chỉ có Cầu Chơn nhìn được vợ con cùng chị gái. Còn Cầu ~~Chơn~~<sup>Minh</sup> và Cầu Nghiêm xa gia đình từ hơn hai mươi năm, chỉ biết Cầu Lệ khi nàng còn nhỏ xiu, không sao nhìn được. Phương Lan tuy còn ngớ ngẩn, song còn đủ sáng suốt mà nhìn biết chồng, sụt sùi khóc.

Đoàn nhân viên của trực thăng đem vật thực tiếp tế vào chùa xong, sắp hàng đứng chào, rồi bước lên máy bay cất cánh. Những người ở lại cùng vào chùa. Cầu Chơn hỏi :

— Nhờ chị Năm cho biết do đâu mà chị cùng người khác cùng một lượt mà đến đây.

Cầu Lệ đáp :

— Về tôi, tôi không rõ cho lắm. Tôi chỉ biết, một chiều thứ bảy, tôi lái xe lên Biên Hòa

đề thăm mợ sáu, thì văn phòng của nhà thương cho hay rằng có một chiếc xe của bộ y tế đến, cùng một một nhân viên trình giấy xin dẫn xuất mợ sáu đi từ chiều hôm trước. Lên xe, lái trở về, độ vài ba trăm thước thì bị chặn lại, bị bắt cóc, bịt mắt mà đưa lên xe. Đi suốt một đêm, chẳng biết theo phương hướng nào. Đến sáng lợi bộ băng rừng hơn ba giờ đồng hồ, tôi lại bị đưa lên một trực thăng. Được mở băng mắt ra, tôi thấy ngồi sẵn tất cả những người hiện có mặt tại đây. Trực thăng cất cánh bay. Thỉnh thoảng hạ xuống giữa những khoảng trống giữa rừng, lấy xăng, thực phẩm cho chúng tôi, rồi bay nữa. Đáp xuống độ mười lăm, thì đến đây. Tất cả đều đã sống một ngày tương tự như vậy. Không có ai hiểu hơn tôi.

Cầu Minh nhìn khắp, đề xem có ai nói gì khác. Nhưng thấy tất cả im lặng, nên móc túi lấy cái lịch lúc này mà đọc. Đọc xong chàng nói :

— Tôi dường như hiểu cái nguyên nhân chánh yếu của sự tập trung chúng ta nơi chỗ này.

Tôi xin trình bày ra đây. Nếu có sai, tôi xin tất cả thành tâm phê phán. Nguyên nhân chánh yếu ngày nay, không có một pháp phương-nào

khả dĩ chinh phục được cả thế giới, mặc dầu khối chủ trương sự chinh phục ấy đông đến bao. Nhưng mà cùng một lúc, cái ý muốn chinh phục của Hán tộc ngày nay, có lẽ còn mãnh liệt hơn ý muốn của Mông Cồ thời Thành Cát Tư Hãn. Sự nhìn nhận rằng sự chinh phục không còn có thể được, đó là về lý. Còn ý muốn chinh phục lại thuộc về bản năng. Bản năng bao giờ cũng thẳng tình cảm. Còn đối lý trí, thì càng dễ dàng hơn nữa. Bản năng đòi hỏi một việc mà lý trí của dân tộc Tàu đáp rằng không thể làm nổi. Các nhà lãnh đạo Tàu không thể tuyên bố điều đó. Vì bản năng của quần chúng sẽ sục sục sôi lên và làm nhào đổ nhóm lãnh đạo ngay. Thế nên, muốn duy trì địa vị nhóm ấy phải cần ngoại viện, đề tiếp tay với họ mà tìm một phương pháp chinh phục thế giới cho hữu hiệu.

Ngọ Thu cười chua chua chát nói :

Ngày xưa, Lưu Bị tam cố mao Lư, lần thứ ba gặp Khổng Minh chưa thức, thì đứng vòng tay bên thêm mà chờ người hiền thức dậy. Ngày nay, bắt cóc người ta mà tập trung lại, đè ép họ viện trợ. Cái lễ của họ Khổng và cái lễ của độc tài thật khác xa.

Cầu Nghiêm nói :

— Vấn đề ngày nay vượt xa những tiêu tiết về lễ, hay về chi chi cả. Ta nên hỏi : «Dầu biết rằng dân tộc Tàu không thể chinh phục thế giới, mà họ có thể nào dồn ép bản năng mà tránh việc ra quân chăng» ?

Phương Nữ lắc đầu. Cầu lệ nói :

— Việc xảy ra chiến tranh không thể chỉ có cái độc cái nguyên nhân là không thể dồn ép bản năng. Phần nhiều chiến tranh xảy ra chỉ vì trong nội bộ, nhóm lãnh đạo gặp những trở lực lớn lao mà họ giải quyết không kham nên chỉ mong thắng lợi ở ngoài mà lánh những khó khăn ở trong.

Cầu Chơn bàn góp :

— Tôi đồng ý với chị Năm về điểm đó. Dân số nước Tàu nay gần tám trăm triệu. Trình độ kinh tế của Tàu không đủ sức nuôi số dân mà vào cuối thế kỷ, ai cũng tin rằng đến một tỉ người. Dân dĩ thực vi tiên. Cái ăn đứng trước bản năng, tất nhiên đứng trước luôn tình cảm và lý trí. Một thiểu số có thể hành động bởi động cơ của lý trí. Số đông hơn có thể hành động bởi động cơ của tình cảm. Số

đông hơn có thể hành động bởi động cơ của tình cảm. Số càng đông hơn có thể hành động bởi động cơ của bản năng. Nhưng mà tối đại đa số lấy mục tiêu là sự sống còn.

Ngọ Thu góp :

— Theo tôi nghĩ, phải tìm một phương thức nào không chỉ dựa vào một động cơ trong trong tất cả động cơ kể trên. Phương thức ấy phải thỏa đáng cho tất cả động cơ, hợp lý, hợp tình, hợp bản năng mà giúp cho dân Tàu tránh vấn đề căn bản là vấn đề đói.

Phương Nữ trào phúng nói :

— Thật là cái tham lam của người quê mùa. Mua thức ăn mà đòi vừa rẻ, vừa ngon, vừa nhiều, vừa tốn ít tiền...

— Vừa cho không...

— Vừa kẻ bán phải quì dâng cho. Và muốn được vậy, chỉ có cách là áp dụng « tài vọng » chủ nghĩa. Dùng cường lực mà hiếp người, bắt người làm nô lệ để phụng sự cho mình. Marx cho rằng chủ nghĩa tư bản cáo chung sẽ nhường chỗ cho xã hội chủ nghĩa. Điều này gần năm mươi năm lịch sử đã thí nghiệm. Kết quả của cuộc thí nghiệm là nổi

theo tư bản chủ nghĩa ấy là tài wong chủ nghĩa.

Cầu Minh can :

— Các cô hãy bình tĩnh. Cầu không ích lợi gì. Ở đây có ai nghe các cô nguyện rửa đầu ? Ví dầu họ có nghe, thì cũng không đem một cứu cánh nào đẹp đẽ. Chúng ta hãy lấy trí mà thắng tình cảm, thắng bản năng, thắng, luôn sinh lý nữa.

## 5

Ngồi trên tảng đá mà nhìn trăng, Cầu Lệ ôn lại đời nàrg. Nay là năm 1966. Mười lăm năm trước, nàng gặp Tuyết Lê. Nàng đã nhờ Tuyết Lê giác ngộ cho nàng khò được cái khò lớn của loài người, cái khò tập thể của chiến tranh, mà khoa học và kỹ thuật càng phát triển, thì khò ấy càng to lớn lên vượt quá mọi giới hạn trở thành bao trùm tất cả.

Khò được cái khò, nàng cũng hằng suy nghĩ đến nguyên nhân của cái khò. Nàng thấy rõ nguyên nhân ấy là bản năng tranh đấu loài người. Mà khối người càng đông, lực

lượng càng mạnh, thì bản năng tranh đấu ấy biến thành bản năng độc tài đối với người cùng đoàn thể mà khác ý kiến, và bản năng tranh đấu, đối với người ngoài đoàn thể, biến thành bản năng chinh phục.

Làm sao mà diệt được bản năng ấy ? Không diệt được bản năng ấy, thì cái mộng đem tình thương mà lấp hố của căm hờn và hận thù, cái mộng ấy chỉ là ảo vọng. Tứ diệu đế của Thích Ca đã nêu ra, thế kỷ XX này chỉ đủ sức mà giải đáp chỉ cho hai mà thôi. Tuyệt Lê chỉ nghĩ được có kế là treo giải thưởng để khuyến khích sự sưu tầm. Mà mười mấy năm qua, đã có ai xứng đáng mà lãnh giải ?

Cầu Lệ đang triển miên trong dòng suy tư ấy, thì nghe có tiếng nhẹ bước đến bên cạnh. Một người đàn bà ngồi xuống. Giây lâu sau, nói :

— Chị năm à !

— Sao, mợ ?

— Đảng Cộng Sản Trung Hoa đặt cho ta một bài toán. Em nghĩ chừng em đã tìm được lời giải đáp. Em đến tìm chị. Em nhờ

chị xem và phê bình nó ra sao. Một mình chị biết thôi. Nếu chị cho là giải đáp ấy không thực hiện được, thì đành chúng ta chịu chết đói trên chót núi mà không ai leo tới này.

— Lời giải đáp của mợ ra sao ?

— Xin chị theo em.

Cầu Lệ đứng dậy theo Phương Lan. Đến một chỗ khuất gió, ở vào một kệt đá. Phương Lan móc túi lấy quẹt, đánh lửa mà đốt một cây nến. Rồi lấy một tài liệu mà đọc.

## 6

*Thưa Mao chủ tịch,*

*Bài toán mà Mao chủ tịch đặt ra cho chúng tôi giải quyết, kẻ ra, không phải dễ có trăm ngàn giải đáp. Một mặt sự phát triển của khoa học và kỹ thuật đã đến mức mà một cuộc thế chiến ngày nay tất nhiên sẽ là cuộc chiến tranh nguyên tử, hóa học và vi trùng. Một cuộc chiến tranh như thế sẽ dẫn đến sự tận diệt cả loài người. Khi loài người bị tận diệt, thì không còn ai là kẻ thắng người bại, mà chỉ có những xác chết. Và như vậy, không có ai chinh phục được gì cả.*

Còn mặt thứ hai, theo học thuyết của Mao chủ tịch, mà chủ tịch cho rằng là đúng với truyền thống của Marx và Lénine, thì lịch sử của loài người là lịch sử của tranh đấu. Mà dân Trung Hoa là số đông, thì cuộc tranh đấu ấy phải dẫn đến cuộc chiến tranh toàn diện mà chủ tịch tin rằng dân tộc Trung Hoa sẽ chinh phục loài người.

Hai mạng đề trên, đều đứng trên lập trường của luận lý hình thức, hay đứng trên lập trường của biện chứng pháp thấy đều tương phản đến chỗ không dung nhau được.

Chỉ độc có một cách đề dung hòa hai mạng đề đó. Ấy là qui định hình thức của chiến tranh. Mấy ngàn năm trước đây, ở xứ Ấn Độ có một ông vua hiếu chiến thích sự sát phạt, không ai cản ngăn khuyên nài.

Thấy vậy, một lão thần bày ra chương qui định một hình thức cho vua chiến tranh từ sáng đến chiều, trên bàn cờ tướng. Vua mê say cờ tướng, mà thân dân được an ủi lạc nghiệp. Ấy là vị lão thần ấy biết đặt ước lệ mà qui định hình thức của chiến tranh.

Ngày nay, chiến tranh bằng vũ khí, thì kỷ nguyên nguyên tử không còn cho phép nữa.

Mà bản năng của con người là bản năng năng khiếu chiến. Vậy, chúng ta noi gương vị lão thần mà qui định hình thức của chiến tranh.

Một cuộc chiến tranh không sát phạt, không giết người, không hủy hoại tài sản vật chất, không làm tiêu ma giá trị tinh thần, mà càng tham chiến thì càng mê say, càng thú vị, càng hào hứng, chớ chẳng phải như những chiến tranh hiện nay chỉ đem lại tang tóc và chán nản.

Hình thức ấy của chiến tranh, vẫn có. Có từ muôn thuở. Mà chúng ta không chịu lập một hội nghị quốc tế để thuận ước với nhau mà thôi.

Vậy chúng tôi yêu cầu Mao chủ tịch đạt lời mời tất cả cường quốc và tiểu quốc lại họp một cuộc Đại Hội Nghị. Trước Hội Nghị Mao chủ tịch đọc một diễn từ mà trình bày đầy đủ, cặn kẽ cái lý thuyết mà chúng tôi vừa phác ở trên. Đến phần thực tiễn Mao chủ tịch đưa ra một cái đề nghị rằng, bắt đầu từ ngày nay, Mao chủ tịch «xét lại» lý thuyết của mình về chiến tranh.

Chúng tôi xin nhắc lại lý thuyết của chủ tịch phân biệt chiến tranh chánh đáng và chiến tranh không chánh đáng. Lý thuyết của chủ tịch nghe thì xuôi, mà đem ra áp dụng, thì quả là ở vùng Đông Nam Á, cuộc chiến tranh mà Mao

chủ tịch đang núp sau lưng của tay sai của chủ tịch để khuấy rối, không chánh đáng chút nào cả. Ở Đông Nam Á, chủ tịch đang gây giống cho một chủ nghĩa tàn thực dân mà thôi

Tự phê như thế xong, chủ tịch đề nghị cho Đại Hội Nghị chấp nhận một hình thức của chiến tranh sau này là chánh đáng mà thôi. Ngoại trừ, không có chiến tranh nào là chánh đáng cả. Chiến tranh chánh đáng chỉ là chiến tranh diễn trong hoa dinh cầm trận. Võ khí của nó không phải là võ khí nguyên tử, hóa học và vi trùng. Võ khí của nó là tình thương. Chiến tranh trong hoa dinh cầm trận không tàn diệt loài người. Trái lại nó giúp cho loài người sanh sôi nảy nở thêm lên.

Mao chủ tịch hãy thử nghĩ đến hậu quả của một cuộc chiến tranh trong hình thức của hoa dinh cầm trận, nếu Trung Hoa nhân dân của Mao chủ tịch là tiền quân. Mỗi năm, số người đến tuổi hôn nhân ở nước Tàu độ hai mươi triệu. Nếu đề chi trai Tàu chiến với gái Tàu, thì nước Tàu không chịu chinh phục gì được cả. Trái lại, Mao chủ tịch ban một đạo luật ngoại hôn (loi exogamique) bắt buộc trai Tàu phải cưới gái chủng tộc ngoài và gái Tàu phải lấy chồng ở chủng tộc ngoài. Chẳng bao lâu, thì năm sau sẽ sanh ra hai chục triệu người lai. Vài năm sau vài chục triệu người nữa, vân vân, vân vân. Chẳng bao lâu một chủng tộc mới xuất hiện, màu da không vàng,

không trắng, không đen nữa. Và một văn minh đích thực tổng hợp sẽ xuất hiện cho loài người.

Nếu văn minh của Tàu là cao hơn hết, điều mà -ác học giả Tàu tự hào thì trong cái văn minh tổng hợp màu sắc Tàu sẽ bật nổi hơn. Ở xứ chúng tôi, một ngàn năm tuy có đánh ít trận sơ sơ, song chánh yếu là dân tộc Lạc Việt chúng tôi đã chinh phục hai dân tộc Chăm và Cao Miên bằng cái chiến lược «hoa dinh cầm trận» ấy. Lẽ nào Mao chủ tịch bị mà túy của Tây Phương là chủ nghĩa Marx Lénine, mà quên cái chiến lược đã có thành tích từ vạn cổ ?

Nếu Mao chủ tịch còn nghi ngờ chi về chiến lược «hoa dinh cầm trận» này, chúng tôi yêu cầu chủ tịch thí nghiệm. Chúng tôi sẵn có ba trinh nữ trong đoàn thề. Chúng tôi quyết định chấp nhận chỉ có cuộc chiến tranh chánh đáng ấy thì ba trinh nữ là Cầu Lệ, Phương Nữ, Ngọ Thu sẵn sàng ra, nói đúng hơn là vào trận, hoặc một trong ba hoặc cả thấy, tùy theo ý của chủ tịch. Chủ tịch sẽ thấy ngay thành quả.

Đọc xong, Cầu Lệ nói với Phương Lan :

— Mợ điên sao ?

— Hẳn phải là điên, cho nên chị mới nhốt em ở Biên Hòa !

**HẾT**

# m ụ c l ụ c

PHẦN THỨ NHẤT  
CHINH TÂM. 7

PHẦN THỨ HAI  
CẦU CHƠN. 96

PHẦN THỨ BA  
PHƯƠNG LOAN. 162